

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả : Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

KINH TAM BẢO

(ÂM - NGHĨA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH TAM BẢO



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Dịch giả : HT. THÍCH TRÍ TỊNH

KINH TAM BẢO

(ÂM – NGHĨA)

**KINH A DI ĐÀ
HỒNG DANH BỬU SÁM
KINH VU LAN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
KINH KIM CANG**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI – PL.2546 – DL.2002**

Ban Văn Hóa - Thành Hội Phật giáo TP. HCM
Tổ in ấn và phát hành kinh sách

Thực hiện

Địa chỉ : 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8 – Q.3 – TP. HCM

ĐT : 8 469721

PHẬT THUYẾT
A DI ĐÀ KINH

NGHI THỨC TỤNG A DI ĐÀ KINH

HƯƠNG TÁN

Lữ hương sạ nhiệt,
Pháp giới môn huân,
Chư Phật hải hội tất diêu vãn.
Tùy xứ kiết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân.

NAM MÔ HƯƠNG VÂN CÁI BỒ TÁT (3 lần)



NAM MÔ BỐN SỨ THÍCH CA MÂU NI PHẬT (3 lần)

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tạo ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chơn thiết nghĩa.

NAM MÔ LIÊN TRÌ HẢI HỘI PHẬT BỒ TÁT (3 lần)



NGHI THỨC TỤNG KINH A DI ĐÀ

TÁN LƯU HƯƠNG

Lò hương vừa nhen nhúm
Pháp giới đã được xông
Các Phật trong hải hội đều xa hay
Theo chỗ kết mây lành
Lòng thành mới ân cần
Các Phật hiện toàn thân.

NAM MÔ HƯƠNG VÂN CÁI BỒ TÁT (3 lần)



NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT (3 lần)

KỆ KHAI KINH

Pháp vi diệu rất sâu vô lượng
Trăm nghìn muôn ức kiếp khó gặp
Con nay thấy nghe được thọ trì
Nguyện hiểu nghĩa chơn thật của
Nhu Lai.

NAM MÔ LIÊN TRÌ HẢI HỘI PHẬT BỒ TÁT (3 lần)

PHẬT THUYẾT

A DI ĐÀ KINH

Dao Tần, Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch

1

Như thị ngã văn : Nhất thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại Tỳ kheo Tăng, thiên nhị bá ngũ thập nhơn câu, giai thị đại A la hán, chúng sở tri thức :

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Đà, Nan Đà, A Nan Đà, La Hưu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nâu Lô Đà, như thị đẳng chư đại đệ tử.

Tinh chư Bồ tát Ma ha tát : Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Kiền Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng, chư đại Bồ tát,

PHẬT NÓI : KINH A DI ĐÀ ⁽¹⁾

Hán dịch : Nhà Dao Tần

Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập ⁽²⁾

1. KỲ VIÊN ĐẠI HỘI ⁽³⁾

Ta nghe như vậy : Một thuở nọ Đức Phật ở nơi vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị đại Tỷ Kheo câu hội : đều là bậc đại A La Hán mọi người đều quen biết, như là :

Trưởng lão Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hưu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lư Phả La Đa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nâu Lô Đà, những vị đại đệ tử như thế.

Và hàng đại Bồ Tát : Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát... cùng với các vị đại Bồ Tát như thế và với vô lượng

cập Thích Đề Hoàn Nhon đấng, vô lượng
chư Thiên, đại chúng câu.

2

Nhĩ thời, Phật cáo Trưởng lão Xá Lợi
Phất : “Tùng thị Tây phương quá thập
vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết
Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà,
kim hiện tại thuyết pháp”.

3

Xá Lợi Phất ! Bỉ độ hà cố danh vi Cực
Lạc ?

Kỳ quốc chúng sinh, vô hữu chúng
khổ, dẫn thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

Hữu Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ,
thất trùng lan thuẫn, thất trùng la võng,
thất trùng hàng thọ, giai thị tứ bảo, châu
táp vi nhiều, thị cố bỉ quốc danh vi Cực
Lạc.

Hữu Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ,
hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung
mãn kỳ trung, trì để thuận dĩ kim sa bố
địa.

chữ Thiên như ông Thích Đề Hoàn Nhơn v.v... đại chúng cùng đến dự hội. ⁽⁴⁾

2. Y BẢO CHÁNH BẢO ⁽⁵⁾

Bấy giờ Đức Phật bảo ngài Trưởng lão Xá Lợi Phất rằng : “Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, trong thế giới đó có Đức Phật hiệu là A Di Đà hiện nay đương nói pháp”.

3. Y BẢO TRANG NGHIÊM

Xá Lợi Phất ! Cõi đó vì sao tên là Cực Lạc ?

Vì chúng sinh trong cõi đó không có bị những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên nước đó tên là Cực Lạc. ⁽⁶⁾

Xá Lợi Phất ! Lại trong cõi Cực Lạc có bảy tầng bao lớn, bảy tầng màn lưới, bảy tầng hàng cây, đều bằng bốn chất báu bao bọc giáp vòng, vì thế nên nước đó tên là Cực Lạc. ⁽⁷⁾

Xá Lợi Phất ! Lại trong cõi Cực Lạc có ao bằng bảy chất báu, trong ao đầy đầy nước đủ tám công đức, đáy ao thuần dùng cát vàng trải làm đất.

Tứ biên giai đạo, kim ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành, thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, huỳnh sắc huỳnh quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Hữu Xá Lợi Phất ! Bỉ Phật quốc độ, thường tác thiên nhạc, huỳnh kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ thiên mạn đà la hoa, kỳ độ chúng sinh, thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thanh chúng diệu hoa cúng dường tha phương, thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời hườn đáo bốn quốc, phạn thực kinh hành.

Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Phục thứ Xá Lợi Phất ! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu, tạp sắc chi diệu: Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ,

Vàng, bạc, lưu ly, pha lê hiệp thành những thêm đường ở bốn bên ao; trên thêm đường có lầu gác cũng đều nghiêm sức bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.

Trong ao có hoa sen lớn như bánh xe : hoa sắc xanh thời ánh sáng xanh, sắc vàng thời ánh sáng vàng, sắc đỏ thời ánh sáng đỏ, sắc trắng thời ánh sáng trắng, màu nhiệm thơm tho trong sạch. ⁽⁸⁾

Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Xá Lợi Phất ! Lại trong cõi nước của Đức Phật đó, thường trời nhạc trời, đất bằng vàng ròng, ngày đêm sáu thời rưới hoa trời Mạn đà la.

Chúng sinh trong cõi đó thường vào lúc sáng sớm, đều lấy dây hoa đựng những hoa tốt đem cúng dường, mười muôn ức Đức Phật ở phương khác, đến giờ ăn liền trở về bổn quốc ăn cơm xong đi kinh hành. ⁽⁹⁾

Xá Lợi Phất ! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Lại nữa, Xá Lợi Phất ! Cõi đó thường có những giống chim màu sắc xinh đẹp lạ thường, nào chim Bạch hạc, Không tước, Anh Vũ,

Xá lợi, Ca lăng tần già, Cộng mạng chi điều, thị chư chúng điều, trú dạ lục thời, xuất hòa nhĩ âm.

Kỳ âm diễn xướng : ngũ căn, ngũ lực, thất Bồ đề phần, bát thánh đạo phần, như thị đẳng pháp, kỳ độ chúng sinh văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phất ! Nhữ vật vị thử điều, thiết thị tội báo sở sinh. Sở dĩ giả hà ? Bĩ Phật quốc độ vô tam ác đạo.

Xá Lợi Phất ! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thiết, thị chư chúng điều, giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác.

Xá Lợi Phất ! Bĩ Phật quốc độ vi phong xuy động, chư bảo hàng thọ, cập bảo la vãng, xuất vi diệu âm, thí như bá thiên chủng nhạc đồng thời câu tác.

Văn thị âm giả, tự nhiên giai sinh : niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, chi tâm.

Xá lợi, Ca lãg tân già, Cộng mạng; những giống chim đó ngày đêm sáu thời kêu tiếng hòa nhã.

Tiếng chim đó diễn nói những pháp như: Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần, Bát thánh đạo phần v.v... Chúng sinh trong cõi đó nghe tiếng chim xong thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng !

Xá Lợi Phất ! Ông chớ cho rằng những giống chim đó thiệt là do tội báo sinh ra. Vì sao ? Vì cõi của Đức Phật đó không có ba đường dữ.

Xá Lợi Phất ! Cõi của Đức Phật đó tên đường dữ còn không có, huống gì lại có sự thật. Những giống chim đó là do Đức Phật A Di Đà muốn làm cho tiếng pháp được tuyên lưu mà biến hóa làm ra đấy thôi. ⁽¹⁰⁾

Xá Lợi Phất ! Trong cõi nước của Đức Phật đó, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và động mảnh lưới báu, làm vang ra tiếng vi diệu, thí như trăm nghìn thứ nhạc đồng một lúc hòa chung.

Người nào nghe tiếng đó tự nhiên đều sinh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá Lợi Phất ! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

4

Xá Lợi Phất ! Ư nhữ ý vân hà ? Bĩ Phật hà cố hiệu A Di Đà ?

Xá Lợi Phất ! Bĩ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cố hiệu vi A Di Đà.

Hựu Xá Lợi Phất ! Bĩ Phật thọ mạng, cập kỳ nhơn dân, vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

Xá Lợi Phất ! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai ư kim thập kiếp.

Hựu Xá Lợi Phất ! Bĩ Phật hữu vô lượng vô biên Thính Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri, chư Bồ tát chúng diệc phục như thị.

Xá Lợi Phất ! Bĩ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

Hựu Xá Lợi Phất ! Cực Lạc quốc độ chúng sinh sinh giả, giai thị A bệ bát trí.

Xá Lợi Phất ! Cõi nước của Đức Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

4. CHÁNH BÁO VÔ LƯỢNG THÙ THẮNG

Xá Lợi Phất ! Nơi ý ông nghĩ sao ? Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà ?

Xá Lợi Phất ! Đức Phật đó, hào quang sáng chói vô lượng, soi suốt các cõi nước trong mười phương không bị chướng ngại, vì thế nên hiệu là A Di Đà.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật đó và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp nên hiệu là A Di Đà ⁽¹¹⁾

Xá Lợi Phất ! Đức Phật A Di Đà thành Phật nhân lại đến nay, đã được mười kiếp.

Xá Lợi Phất ! Lại Đức Phật đó có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử đều là bậc A La Hán, chẳng phải tính đếm mà có thể biết được, hàng Bồ Tát chúng cũng đông như thế.

Xá Lợi Phất ! Cõi nước của Đức Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm dường ấy.

Xá Lợi Phất ! Lại trong cõi Cực Lạc những chúng sinh vãng sinh vào đó đều là bậc Bất thối chuyển.

Kỳ trung đa hữu nhất sinh bổ xứ, kỳ số thậm đa phi thị toán số, sở năng tri chi, dẫn khả dĩ vô lượng vô biên a tăng kỳ thuyết.

Xá Lợi Phất ! Chúng sinh văn giả, ứng đương phát nguyện, nguyện sinh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà ? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhơn câu hội nhất xứ.

5

Xá Lợi Phất ! Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhơn duyên, đắc sinh bỉ quốc.

Xá Lợi Phất ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhựt, nhược nhị nhựt, nhược tam nhựt, nhược tứ nhựt, nhược ngũ nhựt, nhược lục nhựt, nhược thất nhựt, nhất tâm bất loạn.

Kỳ nhơn lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền.

Trong đó có rất nhiều vị bậc nhất sinh bổ xứ, số đó rất đông chẳng phải tính đếm mà biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a tăng kỳ để nói thôi !

Xá Lợi Phất ! Chúng sinh nào nghe những điều trên đây, nên phải phát nguyện cầu sinh về nước đó.

Vì sao ? Vì đẳng cùng với các bậc Thượng thiện hơn như thế câu hội một chỗ. ⁽¹²⁾

5. NHỚN HẠNH VĂNG SINH

Xá Lợi Phất ! Chẳng có thể dùng chút ít thiện căn phước đức hơn duyên mà được sinh về cõi đó.

Xá Lợi Phất ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ hơn nào nghe nói Đức Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc trong một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không tạp loạn.

Thời người đó đến lúc lâm chung Đức Phật A Di Đà cùng hàng Thánh chúng hiện thân ở trước người đó.

Thị nhưn chung thời, tâm bất diên đảo, tức đắc vãng sinh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

Xá Lợi Phất ! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sinh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sinh bỉ quốc độ.

6

Xá Lợi Phất ! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi.

Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn : “Nhữ đẳng chúng sinh đương tín thị : Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức, Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất ! Nam phương thế giới hữu Nhựt Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn

Người đó lúc chết tâm thần không điên đảo, liền đăng vãng sinh về cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. ⁽¹³⁾

Xá Lợi Phất ! Ta thấy có sự lợi ích ấy nên nói những lời như thế.

Nếu có chúng sinh nào, nghe những lời trên đó, nên phải phát nguyện sinh về cõi nước Cực Lạc.

6. SÁU PHƯƠNG PHẬT ĐỒNG KHUYÊN TIN

Xá Lợi Phất ! Như ta hôm nay ngợi khen công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà. Phương Đông cũng có Đức A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật. Hằng hà sa số những Đức Phật như thế đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên mà nói lời thành thật rằng : Chúng sinh các người phải nên tin : Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất ! Thế giới phương Nam, có Đức Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn

Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật; như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn : “Nhữ đẳng chúng sinh đương tín thị : Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức, Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất ! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật; như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn : “Nhữ đẳng chúng sinh đương tín thị : Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức, Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất ! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhứt Sinh Phật, Vông Minh Phật; như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật,

Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đẳng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật... Hằng hà sa số những Đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên mà nói lời thành thật rằng : “Chúng sinh các người phải nên tin : Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất ! Thế giới phương Tây có Đức Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bửu Tướng Phật, Tịnh Quang Phật... Hằng hà sa số những Đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên mà nói lời thành thật rằng : “Chúng sinh các người phải nên tin : Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất ! Thế giới phương Bắc có Đức Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sinh Phật, Vông Minh Phật... Hằng hà sa số những Đức Phật như thế,

các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn : “Nhữ đẳng chúng sinh đương tín thị : Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức, Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất ! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn : “Nhữ đẳng chúng sinh đương tín thị : Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức, Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất ! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật; như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ

đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên mà nói lời thành thật rằng : Chúng sinh các người phải nên tin : Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất ! Thế giới phương dưới có Đức Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật... Hằng hà sa số những Đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưới rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên mà nói lời thành thật rằng : Chúng sinh các người phải nên tin : Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.

Xá Lợi Phất ! Thế giới phương trên có Đức Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật... Hằng hà sa số những Đức Phật

quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn : “Nhữ đẳng chúng sinh đương tín thị : Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức, Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

Xá Lợi Phất ! “Ư nhữ ý vân hà ? Hà cố danh vi : Nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh ?”.

Xá Lợi Phất ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn văn thị kinh thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhơn, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thối chuyển ư A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ đề.

Thị cố Xá Lợi Phất ! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.

Xá Lợi Phất ! Nhược hữu nhơn dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sinh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhơn đẳng giai đắc bất thối chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề,

như thế đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên mà nói lời thành thật rằng : Chúng sinh các người phải nên tin : Kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.⁽¹⁴⁾

Xá Lợi Phất ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào, vì sao tên là : Kinh Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm ?

Xá Lợi Phất ! Vì nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn nào. nghe Kinh này mà thọ trì đó và nghe danh hiệu của các Đức Phật, thời những thiện nam tử cùng thiện nữ nhơn ấy đều được tất cả các Đức Phật hộ niệm, đều được không thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá Lợi Phất ! Cho nên các ông đều phải tin nhận lời của Ta và của các Đức Phật nói.

Xá Lợi Phất ! Nếu có người đã phát nguyện, hiện nay phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sinh về cõi nước của Đức Phật A Di Đà, thời những người ấy đều đặng không thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh

ư bỏ quốc độ nhược dĩ sinh, nhược kim sinh, nhược dương sinh.

Thị cố Xá Lợi Phất ! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhơn, nhược hữu tín giả, ưng dương phát nguyện sinh bỏ quốc độ.

7

Xá Lợi Phất ! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, bỏ chư Phật đẳng, diệt xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức nhi tác thị ngôn : “Thích Ca Mâu Ni Phật năng vì thậm nan hy hữu chi sự. Năng ư Ta bà quốc độ ngũ trước ác thế, kiếp trước, kiến trước, phiến nào trước, chúng sinh trước, mạng trước trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề, vị chư chúng sinh, thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp”.

Xá Lợi Phất ! Dương trì ngã ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề, vị nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp, thị vì thậm nan.

đăng Chánh giác; nơi cõi nước kia, hoặc đã sinh về rồi, hoặc hiện nay sinh về, hoặc sẽ sinh về.

Xá Lợi Phất ! Cho nên các thiện nam tử thiện nữ nơn, nếu người nào có lòng tin thời phải nên phát nguyện sinh về cõi nước kia.

7. THUYẾT KINH RẤT KHÓ

Xá Lợi Phất ! Như Ta hôm nay ngợi khen công đức chẳng thể nghĩ bàn của các Đức Phật, các Đức Phật đó cũng ngợi khen công đức chẳng thể nghĩ bàn của Ta mà nói lời này : “Đức Thích Ca Mâu Ni Phật hay làm được việc rất khó khăn hy hữu, có thể ở trong cõi Ta Bà đời ác năm món trước : kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước, mà Ngài chứng được ngôi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ngài vì các chúng sinh nói kinh pháp mà tất cả thế gian khó tin này.

Xá Lợi Phất ! Phải biết rằng Ta ở trong đời ác ngũ trước thực hành việc khó này, đặng thành bậc Vô thượng Chánh giác và vì tất cả thế gian nói Kinh pháp khó tin này, đó là rất khó ! ⁽¹⁵⁾

Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất
cập chư Tỳ Kheo, nhất thiết thế gian,
Thiên, Nhơn, A Tu La đẳng, văn Phật sở
thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

PHẬT THUYẾT A DI Đà KINH.



Đức Phật nói kinh này rồi, ngài Xá Lợi Phất cùng các vị Tỳ kheo, tất cả trong đời : Trời, Người, A Tu La v.v... nghe lời của Đức Phật dạy, đều vui mừng tin nhận đành lễ Phật mà lui ra.

PHẬT NÓI KINH A DI ĐÀ



BẠT NHẤT THIẾT NGHIỆP CHUỖNG CĂN BỒN ĐẮC SINH TỊNH ĐỘ ĐÀ LA NI

Nam' mô a di đà bà dạ - Đa tha dà đa
dạ - Đa diệt dạ tha - A di rị đô bà tỳ - A di
rị đa - Tất đam bà tỳ - A di rị đa - Tỳ ca
lan đế - A di rị đa - Tỳ ca lan đa - Đà di nị
- Đà dà na - Chỉ đa ca lệ - Ta bà ha.

(7 biến)



A DI ĐÀ PHẬT TÁN

Tây phương giáo chủ Tịnh độ năng
nhân, Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh,
Phát nguyện thệ hồng thâm, Thượng
phẩm thượng sinh, Đồng phó Bửu liên
thành.

1.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc
giới Di Đà hải hội, Vô Lượng Quang Như
Lai. (1 lay)

2.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc
giới Di Đà hải hội, Vô Biên Quang Như
Lai. (1 lay)

3.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc

giới Di Đà hải hội, Vô Ngại Quang Như Lai. (1 lay)

4.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc giới Di Đà hải hội, Vô Đối Quang Như Lai. (1 lay)

5.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc giới Di Đà hải hội, Diệm Vương Quang Như Lai. (1 lay)

6.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc giới Di Đà hải hội, Thanh Tịnh Quang Như Lai. (1 lay)

7.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc giới Di Đà hải hội, Hoan Hỷ Quang Như Lai. (1 lay)

8.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc giới Di Đà hải hội, Trí Huệ Quang Như Lai. (1 lay)

9.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc giới Di Đà hải hội, Nan Tư Quang Như Lai. (1 lay)

10.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc giới Di Đà hải hội, Bất Đoạn Quang Như Lai. (1 lay)

11.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc
giới Di Đà hải hội, Vô Xưng Quang Như
Lai. (1 lạy)

12.- Nam mô An Dưỡng quốc, Cực Lạc
giới Di Đà hải hội, Siêu Nhật Nguyệt
Quang Như Lai. (1 lạy)



THÍCH NGHĨA



1. Trong kinh này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuật nói chánh báo và y báo thù thắng trang nghiêm của Đức *A Di Đà Phật*.
2. Triều Tấn (Trung Quốc) Dao Hưng chiếm một phần đất xưng vương, quốc hiệu Tấn nên gọi *Dao Tấn*.
- Bậc thông hiểu Tam tạng : Kinh, Luật và Luận, có thể giảng nói để dạy mọi người nên gọi là *Tam Tạng Pháp Sư*.
Ngài *Cưu Ma La Thập* người xứ Thiên Trúc, qua Trung Quốc làm một nhà dịch Kinh chữ Phạn ra chữ Hán có danh tiếng nhất.
3. Ông Cấp Cô Độc Trưởng giả mua khu vườn của ông Kỳ Đà Thái Tử (con vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ). Thái Tử cúng luôn rừng cây trong đó, rồi hai người chung sức nhau dựng Tịnh Xá để thỉnh Phật cùng chúng hội về ở. Do đó nên hiệp cả tên của hai người để đặt tên chốn ấy mà gọi là *Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên* vậy !
Đệ tử của Đức Phật rất đông không phải chỉ có 1.250 người, nhưng vì 1.250 vị đại A La Hán này là những vị được Phật độ trước và theo hầu cận bên Phật luôn, nên trong Kinh thường ước lược nói số đó.

4. **A Đạt Đa** là tên của đức Di Lặc Bồ Tát.
Càn Đà Ha Đế Bồ Tát là ngài Bất Hưu Tức Bồ Tát.
Thích Đề Hoàn Nhân là tên của Đế Thích, vua cõi trời Đao Lợi.
5. **Y Báo** là chỗ nương ở, nhà cửa, ao rừng v.v... gọi chung là cõi nước, trong đây y báo là nước Cực Lạc.
Chánh Báo là quả báo chánh thể, tức là loài người, trời, chim, thú v.v... trong đây chánh báo là Đức A Di Đà Phật cùng Bồ Tát, Thanh Văn v.v...
6. Cõi nước ta đương ở đây gọi là **Ta Bà** có không biết bao nhiêu điều khổ lụy, nào **tam khổ, bát khổ** v.v... Trái lại, bên cõi **Cực Lạc** chỉ thuần có những điều vui sướng, nào **tam lạc, bát lạc** v.v...

KHỔ Ở CÔI TA BÀ

Tam khổ :

1. **Khổ khổ** (mang lấy sắc thân nặng nề như uế sống nay chết mai này đã là khổ lắm rồi, mà trên cái khổ đó lại còn chồng thêm không biết bao nhiêu là sự khổ nữa, như già, bệnh, đói khát, nóng rét v.v...).

2. **Hoại khổ** (vô thường biến đổi, thân mạng như chỉ mảnh, tang thương xoay chuyển, như sương dầu cỏ, như móc buổi mai)

3. *Hành khổ* (trong mỗi niệm, tâm tưởng, thiên chuyển luôn không dừng...)

Bát khổ :

1. *Sinh khổ* (ở thai bào tối tăm như ướ, lọt lòng đau khổ trăm bề...)

2. *Lão khổ* (lụm cùm già nua, mắt mờ, tai điếc, trí lảng, thần hôn, lưng mỏi, gối dùn, mặt nhăn, đầu bạc...)

3. *Bệnh khổ* (đau rên bứt rứt, nhức nhối xót xa, ngồi nằm không an, đứng đi không ổn...)

4. *Tử khổ* (ngộp mệt không ngăn, lộn tròng, méo miệng, chuyển xương, gân rút...)

5. *Cầu bất đắc khổ* (lợi danh không toại, muốn phước trở mang họa, cầu thọ mà yếu vong...)

6. *Ái biệt ly khổ* (cốt nhục phân tán, sinh biệt, tử ly...)

7. *Oán tăng hội khổ* (oan gia đối đầu, cừ thù gặp gỡ...)

8. *Ngũ ấm xí thành khổ* (thân tâm dời đổi biến diệt phút phút chẳng dừng, như ngọn lửa bùng không khác...)

VUI Ở CỰC LẠC

Tam lạc :

1. *Lạc trung lạc* (thân cùng độ đều thù thắng, thân nhẹ, cõi xinh, ấm no, khương kiện v.v...)

2. *Bát biến hoại lạc* (thân mạng trường tồn, cõi nước không tiêu diệt...)

3. **Bất động trí lạc** (định huệ dung thông, chánh trí bất động...)

Bát lạc :

1. **Sinh lạc** (thác chất liên hoa, thanh tịnh hóa sinh...)

2. **Vô lão lạc** (mãi mãi trẻ trung, không già không yếu...)

3. **Vô bệnh lạc** (hằng hằng khương kiện không bệnh, không đau...)

4. **Vô tử lạc** (thọ mạng vô cùng, trường sinh bất diệt...)

5. **Toại nguyện lạc** (tùy ý quả toại, y thực tự nhiên v.v...)

6. **Vô ái biệt ly lạc** (bạn lành hải chúng, thân cận không rời...)

7. **Vô oán tắng hội lạc** (thuần là Thượng thiện nhân, đồng tâm xứng ý...)

8. **Vô ngũ ấm thanh lạc** (thân tâm thanh tịnh, thường trụ không dời...)

Không đâu khổ bằng Ta Bà, không đâu vui bằng Cực Lạc, vì thế mọi người nên nhàm lìa chốn Ta Bà mà nguyện về chốn Cực Lạc !

7. **Bốn báu** : Vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Trong đây nói bốn báu mà chính là gồm bảy báu : Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Trong Quán Kinh nói : Hoặc có thứ cây thuần bằng vàng, hoặc có thứ cây thuần bằng bạc v.v... hoặc có thứ cây thân vàng, lá bạc, nhánh

lưu ly v.v... Dầu bằng chất thất báu chớ vẫn là cây sống, cũng như cây bên này bằng chất gỗ.

8. Trong đây nói đất (địa) đó là chỉ thuận theo tiếng này mà gọi thế, chớ chính thật cõi Cực Lạc thuần bằng chất vàng v.v... Tuyệt không có thứ đất bùn cát sỏi.

Tám công đức của nước trong ao bên Cực Lạc:

- 1) Trong sạch, 2) Nhẹ nhàng, 3) Mát mẻ,
- 4) Ngon ngọt, 5) Đượm nhuận, 6) Êm đềm hòa hướn,
- 7) Uống vào hết đói khát, 8) Bổ khỏe thân tâm.

9. Người nước Cực Lạc đều có Thân tức thông, trong nháy mắt có thể đi trải qua vô lượng thế giới.

Đi Kinh Hành là đi vòng quanh chậm rãi, vừa đi vừa suy gẫm tưởng niệm những pháp lành : Phật, Pháp, Tăng v.v... Đi kinh hành có hai điều lợi ích :

1. Thâu nhiếp tâm tưởng vào chánh niệm, phục trừ tà niệm loạn tưởng cùng biếng lười ngủ nghỉ.

2. Điều hòa thân thể, huyết khí lưu thông, tiêu hóa dễ dàng.

10. **Tin, tinh tấn, niệm, định, huệ** người tu hành có năm đức này thời vững chắc trên đường đạo như cây có rễ nên gọi **Ngũ Căn** (cội rễ).

Nếu tất cả cảnh duyên không thể khuấy rối làm lay động được thời năm đức trên gọi là Ngũ Lực (sức mạnh).

Thất Bồ đề phần cũng gọi là **Thất giác chi** (7 đức giác ngộ) : 1) Trạch pháp, 2) Niệm, 3) Tinh tấn, 4) Hỷ, 5) Khinh an, 6) Định, 7) Xả
Bát Thánh đạo phần : 1) Chánh kiến, 2) Chánh tư duy, 3) Chánh ngữ, 4) Chánh nghiệp, 5) Chánh mạng, 6) Chánh tinh tấn, 7) Chánh niệm, 8) Chánh định.

Ở trong cõi Ta Bà này, những loài chim nhiếp thuộc vào súc sinh đạo, một ác đạo trong lục đạo, do ác nghiệp tội khiên mà chiêu cảm ra khổ báo ấy. Chim bên Cực Lạc thời khác hẳn, không phải là giống vật do tội báo cảm vờ sinh ra, mà do thần lực của Đức A Di Đà biến hóa ra để làm cho pháp âm được lưu truyền khắp trong nước.

11. Đoạn này là Đức Phật Thích Ca tự định danh nghĩa của ba tiếng A Di Đà, vì có hai điều vô lượng : 1) **Vô lượng quang**. 2) **Vô lượng thọ**, nên Đức Phật bên nước Cực Lạc hiệu là **A Di Đà**.

12. **A bệ bát trí** (Phạn âm) : Hán dịch là **Bát thối chuyển**, vào bậc này thời một mực đi trên đường Thánh thẳng đến thành Phật, không còn bị thối sụt xuống phàm phu hay Tiểu thừa nữa. Tất cả mọi người được sinh về

cõi Cực Lạc đều vào bậc Bất thối cả, trong hàng bất thối lại có vô số bậc **Nhất sinh bổ xứ Bồ Tát** (vị Bồ Tát này chỉ còn là Bồ Tát trong một đời hiện tại, mãi đời hiện tại thời thành Phật, như hiện nay đức Di Lạc Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất nội viện là bậc Nhất sinh bổ xứ Bồ Tát vậy).

Các bậc **Thượng thiện nhân** là chỉ các bậc Nhất sinh bổ xứ Bồ Tát.

13. Cõi Cực Lạc rất thù thắng trang nghiêm, phải có nhiều căn lành phước đức mới được sinh về đó. Niệm Phật được nhất tâm bất loạn thời là thành tựu căn lành phước đức rất lớn, đến khi lâm chung Đức Phật A Di Đà cùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí v.v... phóng quang đến rước, quyết định đặng sinh về cõi Cực Lạc.

Niệm Phật không còn có móng tưởng gì khác, không có một mảy thỉnh sắc gì khác xen vào, vững vàng không xao động gọi là **Nhất tâm bất loạn**.

14. Người tu Tịnh Độ phải có đủ ba điều : **Tín** (tin thật), **Hạnh** (chuyên tâm niệm Phật v.v...), **Nguyện** (thiết tha muốn được sinh về cõi Cực Lạc). Trong ba điều này, lòng tin đứng trước cả mà cũng là nền tảng của tất cả căn lành, vì thế nên chư Phật ở sáu phương đồng khuyến

bảo, cho mọi người sinh lòng tin chắc chắn quyết định.

Hằng hà sa số là số cát sông Hằng. Sông Hằng là con sông lớn bên Thiên Trúc, nguồn từ dãy núi Hy Mã, chảy ngang xứ Thiên Trúc, đổ vào Ấn Độ Dương. Lòng sông và hai bên bãi có cát rất nhiều và rất mịn. Đương thời Đức Phật thường nói pháp gần bên sông, nên phàm khi muốn chỉ một số lớn quá nhiều thời mượn số cát trong sông Hằng mà nói.

Tướng lưới rộng dài biểu tượng của sự thành thật. Trong Kinh nói người nào chót lưới liếm đến đầu mũi, thời người đó trong ba đời đã qua không hề có một lời nói dối. Lưới dài liếm đến đầu mũi còn thế, huống nữa là rộng dài trùm khắp cả thế giới.

Một thái dương hệ là một Tiểu thế giới. Một nghìn Tiểu thế giới là một Tiểu thiên thế giới. Một nghìn Tiểu thiên thế giới là một Trung thiên thế giới. Một nghìn Trung thiên thế giới là một Đại thiên thế giới. Trải qua ba lần nhân cho số nghìn, nên gọi là **Tam thiên đại thiên thế giới** ($1 \text{ tiểu thế giới} \times 1.000 \times 1.000 \times 1.000 = \text{Đại thiên thế giới}$). Đại thiên thế giới của ta ở đây tên là Ta Bà (Phạn âm) dịch là **Kham Nhẫn** ngụ ý rằng : trong cõi này có vô lượng sự thống khổ, mà chúng sinh trong đó vẫn kham chịu được.

15. Ngũ trước :

1. *Kiếp trước* : Kiếp là chỉ cho thời đại, thời gian. Trong thời đại nào mà có các món trước dưới đây thời là thời đại đục nhơ.

2. *Kiến trước* : Những điều mê chấp, tà kiến, điên đảo v.v...

3. *Phiền não trước* : Các tâm niệm bất thiện như tham, sân, si, mạn, bất tín v.v...

4. *Chúng sinh trước* : Năm ấm (sắc, thọ v.v...) hiệp hội sinh diệt chẳng dừng.

5. *Mạng trước* : Số thọ rất ngắn, sống nay chết mai, mạng sống trong chừng hơi thở.

Năm món trên đây tánh cách nhiều não, sai lầm, thiên biến vô thường nên đều gọi là trước (nhơ đục).



PHỤ LỤC VÀI TÍCH : VĂNG SINH CÓ CHỨNG NGHIỆM

Những sự tích của các vị tu Tịnh độ được văng sinh mà chúng ta được đọc đến, hầu hết là trích dịch ở sách Trung Quốc, mà những vị được văng sinh kia là người Trung Quốc. Người nước ta tu Tịnh độ, từ xưa đến nay há lại không có người được văng sinh ư ? Nếu có, sao không thấy sách nào ghi đến ? Có văng sinh cùng chép vào sách là hai chuyện. Từ xưa đến nay người nước ta tu Tịnh độ được văng sinh rất nhiều, nhưng vì thiếu sót sự ký lục, thiếu sự lưu truyền, nên dầu có nhiều mà ít người được biết, có biết cũng cho riêng nơi nhóm người được mục kích, nhưng rồi nó cũng theo thời gian mà phai lặn.

Nhưng chính tôi cũng từng nghe biết nhiều người tu Tịnh độ khi lâm chung có chứng nghiệm chắc chắn được văng sinh nhưng vì không ghi chép, không thường lập lại trong trí, nên nay thấy sự khuyết điểm như vừa nói ở trên, muốn tường thuật lại thời đã quên lãng gần hết, hoặc nhớ người mà quên tên họ, năm tháng v.v... Ghi chép mà không rành rẽ tên họ chỗ nơi, thời làm thế nào mà thủ tín được !

Vài sự tích chép dưới đây may chăng nó có thể làm tiền phong bổ cứu điều khuyết điểm trên, mà từ đây về sau, lần lượt mọi người được đọc những trang tiểu sử văng sinh có chứng nghiệm của các nhà đạo tâm vì mục đích vị tha tường thuật, để thiết nghiệm lời Phật đã dạy và nẩy nở tín tâm của mình.

Ngày 10 tháng 10 năm Mậu Tý (D.L 1948)

NÁN LẠI MỘT NGÀY

Bà Nguyễn Thị Danh pháp danh Đạt Nhiên, người làng Thanh Hà hạt Chợ Lớn, gần 60 tuổi mới phát tâm cầu đạo thọ pháp với Sư Cụ chùa Tôn Thạnh chuyên tâm tu tịnh nghiệp. Đến năm Ất Dậu D.L 1945 (năm bà 68 tuổi), bà nhuốm bệnh. Biết trước giờ vãng sinh. Ngày 7 tháng 4, bà sai người đến chùa Tôn Thạnh thỉnh Sư Cụ Liễu Toàn rằng : “Ngày mùng 8 tháng 4 này, bà theo Phật, xin thỉnh Sư Cụ đến ngày đó xuống nhà để bà từ tạ”.

Nhưng vì ngày mùng 8 tháng 4 là ngày lễ Đản sinh của Đức Thích Ca, Sư Cụ mắc ở lại chùa hành lễ, nên thành ra sáng mùng 9 Sư Cụ mới xuống đến. Thấy Sư Cụ, bà mừng rỡ mà bạch rằng : “Tù hôm qua tới nay, tôi trông thấy lắm. Trước khi về Phật, tôi muốn gặp thầy để tạ từ. Đáng lẽ tôi đã đi hồi trưa hôm qua song vì chờ thầy nên tôi phải nán lại tới hôm nay. Bây giờ tôi sắp đi, xin nhờ thầy hộ cho một biến Kinh”.

Sư Cụ cùng vài người đệ tử lên trước bàn Phật tụng Kinh A Di Đà, vừa xong quyển, thời bà ngồi chấp tay niệm Phật mà quy Tây. Bà có hai người con trai đều xuất gia, hiện đương coi chùa Linh Phong tại làng Tân Hiệp, tỉnh Mỹ Tho.

Ý NGUYỄN VĂNG SINH

Bà Trần Thị Lai, người ở làng Tân Kim hạt Chợ Lớn, năm 45 tuổi phát tâm tu hành. Có lời nguyện rằng : “Tôi quyết chí tu hành, xin Phật cho tôi được vãng sinh vào ngày vía Đức A Di Đà Phật” (17 tháng 11).

Quả nhiên, đến ngày 17 tháng 11 năm Đinh Hợi (D.L 1947), bà niệm Phật mà từ trần.

Con cháu của bà đều xuất gia, hiện nay đang tu tại chùa Pháp Tánh (làng Tân Kim - Chợ Lớn).



BIẾT TRƯỚC NGÀY GIỜ VĂNG SINH

Ông Hồ Văn Định, người làng Long An (Chợ Lớn), năm 42 tuổi phát tâm mộ đạo, chuyên rông niệm Phật tụng kinh. Đến năm Mậu Tý (D.L 1948), ngày mùng 3 tháng 9, ông nói trước với vợ con ông rằng : “Đến giờ Thân, thời tôi về Phật”.

Thật đến giờ Thân, ông chấp tay niệm Phật mà vãng sinh.



Ba tích vãng sinh trên đây của Sư Cụ Liễu Thoàn (Hòa Thượng chùa Tôn Thạnh ở Cần Giuộc) tường thuật. Sư Cụ tự nói rằng những người tu Tịnh độ lúc lâm chung có thiết nghiệm là được vãng sinh. Sư Cụ tường thuật đây, đều là tận mắt Sư Cụ mục kích trong khi Sư Cụ đến hộ niệm. Ngoài ra Sư Cụ còn thuật thêm bảy người nữa, như ông Nguyễn Văn

Xá (làng Quy Đức) niệm Phật chờ mây trắng đến mà từ trần. Cô Nguyễn Thị Sao (làng Mỹ Lệ) trước giờ lâm chung thấy ba lần mộng bạc xẹt ngang mình từ Đông sang Tây, v.v...

Ôi ! Sinh không biết từ đâu đến, chết không biết rồi sẽ về đâu, hãi hùng kinh sợ, giật mình lăn lộn, mắt trợn ngược, miệng kéo xéch, ngộp hơi cứng lưỡi, chân rút, tay vình v.v... kể sao cho hết cảnh trạng thống khổ trong khi sắp chết của một phần đông trong số người cả đời không biết gì là điều lành, là đạo đức.

Muốn “tử an” há lại dễ được lắm ư ! Câu “tử khổ” từ xưa Đức Phật đã từng răn nhắc ! Muốn khỏi “tử khổ” phải làm thế nào ?

Kinh nói : “Khi con người sắp chết, thời tất cả cảnh tượng của những điều ác hay lành trọn trong đời của người đó gây tạo đều tuần tự phô diễn lại trong trí của người đó. Nếu cảnh dữ thời sẽ chết một cách đau khổ, sợ sệt. Còn cảnh lành thời đi một cách yên vui vững vàng”. Biết trước ngày giờ mình sẽ từ giã thân ô trược này, khi đi thông dong tự tại, là những điều dành riêng cho những người hành đạo chân chính và đã đắc lực mà dễ được nhất là người tu về PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ (niệm Phật cầu vãng sinh Cực Lạc).

Ngày thường đã tu Tịnh độ thời là đã vun trồng chánh nhân Tịnh độ. Nhân thành thời kết quả. Trong kinh Đức Phật có dạy : “Này Xá Lợi Phất ! Nếu có người đã phát nguyện, hiện phát nguyện, sẽ

phát nguyện muốn sinh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà... nơi cõi nước kia hoặc đã sinh về rồi, hoặc hiện nay sinh về hoặc sẽ sinh về”.

Lời của Đức Phật, đấng Thiên Nhân Sư, phán ra quyết định là đúng thật, đó là điều mà từ xưa đến nay, người có chánh tín, không ai là không công nhận PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ (niệm Phật A Di Đà cầu sinh về Cực Lạc) là pháp môn vừa thù thắng nhất vừa giản tiện nhất. Đó là lời các vị Tổ Sư thường nói.

Thù thắng nhất, vì người tu Tịnh Độ mau chứng bậc “bất thối” mau “thành Phật”. Cho đến ngài Văn Thù, ngài Phổ Hiền là bậc Pháp Vương Tử mà còn nguyện sinh thay !

Giản tiện nhất, vì mọi người, bất luận là trí, ngu, nam, nữ đều có thể thực hành và đều có thể thành tựu.

Xem như nguyện của bà Danh v.v... đến già mới phát tâm. Thời gian tu hành không bao lâu, mà đều có phần tự tại an vui khi lâm chung : người thời ngừng sự chết lại, người thời y như chỗ mình nguyện cầu, người biết rõ giờ khắc... Những sự tự tại an vui khi lâm chung của người tu Tịnh độ là thoạt ứng được vãng sinh về cõi Tây phương Cực Lạc vậy.

Người tu Tịnh độ được như thế là do nhờ sức đại nguyện của Đức Phật A Di Đà nhiếp thọ.

Trong kinh “Vô Lượng Thọ Phật” Đức A Di Đà khi tu hạnh Bồ Tát có phát 48 điều đại nguyện để nhiếp sinh. Ngài đã thực hành đầy đủ 48 điều đó, và hiện tại cũng như vị lai Ngài vẫn dùng 48 điều đại nguyện đó bủa khắp pháp giới để tiếp độ muôn loài.

48 ĐIỀU ĐẠI NGUYỆN CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

1. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, trong cõi nước của Ta còn có Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sinh, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

2. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, mà hàng trời, người trong nước Ta sau khi mạng chung còn phải đọa vào ba ác đạo, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

3. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, tất cả thân thể của hàng trời, người trong nước Ta chẳng thuần sắc vàng ròng cả, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

4. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hình sắc của hàng trời, người trong nước Ta có tốt xấu không đồng nhau, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

5. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng biết túc mạng, ít nhất là biết những việc trong trăm nghìn ức vô số kiếp, Ta nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

6. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng đặng Thiên nhân, ít nhất là thấy trăm nghìn ức vô số cõi nước của

chư Phật, Ta nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

7. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng đặng Thiên nhĩ, ít nhất là nghe lời nói khắp của trăm ngàn ức vô số Đức Phật mà chẳng thọ trì trọn vẹn được, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

8. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng đặng Tha tâm trí, ít nhất là rõ biết tâm niệm của chúng sinh trong nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

9. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng đặng Thần túc thông trong khoảng một niệm, ít nhất chẳng vượt qua được trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

10. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, nếu hàng trời, người trong nước Ta còn sinh lòng tham chấp nơi thân mình, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

11. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng trụ trong dòng chánh định mãi đến lúc thành Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

12. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, ánh sáng của Ta còn có hạn lượng, ít nhất chẳng chiếu

thấu trăm nghìn ức vô số cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

13. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, thọ mạng của Ta còn có hạn lượng, ít nhất là trăm nghìn ức vô số kiếp, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

14. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, có người tính đếm biết đặng số của hàng Thanh Văn trong nước Ta, hoặc giả nhần đến tất cả chúng sinh trong cõi tam thiên đại thiên đều thành bậc Duyên Giác, cùng nhau đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp mà biết được số Thanh Văn đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

15. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, thọ mạng của hàng trời, người trong nước Ta không có hạn lượng, trừ khi họ có bốn nguyện riêng, dài ngắn tự tại theo ý muốn, nếu không đặng vậy, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

16. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta nhần đến nghe có tên bất thiện, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

17. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, các Đức Phật trong vô lượng thế giới ở mười phương không đều ngợi khen xưng danh hiệu của Ta, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

18. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, chúng

sinh ở mười phương chí tâm tín nhạo muốn sinh về nước của Ta, nhần đến trong mười niệm, nếu chẳng được vãng sinh, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác, chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch và chê bai chánh pháp.

19. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, chúng sinh ở mười phương phát Bồ đề tâm tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước của Ta, đến lúc người đó mạng chung, nếu Ta chẳng cùng với đại chúng vây quanh hiện ra nơi trước người đó, ta nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

20. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, chúng sinh ở mười phương nghe danh hiệu của Ta, để tâm nơi nước của Ta, vun trồng cội công đức chí tâm hồi hướng muốn sinh về nước của Ta, nếu không được quả toại, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

21. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta chẳng đều thành tựu đầy đủ 32 tướng đại nhân, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

22. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, các hàng Bồ Tát ở Phật độ phương khác sinh về nước Ta, rốt ráo chắc đến bậc Nhất sinh bất tử, trừ những vị có bốn nguyện, muốn tự tại hóa độ, vì chúng sinh mà mặc giáp hoàng thệ, chứa nhóm cội

công đức, độ thoát mọi loài, đi qua cõi nước của chư Phật tu hạnh Bồ Tát, cúng dường các Đức Phật Như Lai ở mười phương, khai hóa hàng sa vô lượng chúng sinh làm cho trụ vào đạo Vô thượng chánh nhân, vượt ngoài hạnh tu tuần thứ theo địa vị của hạng tầm thường, hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền, nếu chẳng được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

23. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, Bồ Tát trong nước Ta nương thần lực của Phật mà đi cúng dường các Đức Như Lai, chừng trong khoảng một bữa ăn mà chẳng có thể đến khắp vô số vô lượng ức na do tha cõi nước của chư Phật, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

24. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, Bồ Tát trong nước Ta ở trước chư Phật hiện cội công đức của mình, bao nhiêu những đồ muốn dùng để cúng dường chư Phật nếu chẳng có đúng như ý muốn đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

25. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, Bồ Tát trong nước Ta không thể diễn nói nhất thiết trí, Ta nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

26. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, Bồ Tát trong nước Ta không đặng thân Kim cang bền chắc, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

27. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, trong nước Ta những hàng trời, người, tất cả muôn vật đều đẹp đẽ trong sạch sáng rõ, hình sắc lạ thường, rất nhiệm, rất mâu, không ai có thể cân lường được. Những chúng sinh kia nhân đến người được thiên nhãn mà có thể biện biết rõ ràng danh số của những vật trên đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

28. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng Bồ Tát trong nước Ta nhân đến những vị công đức kém ít mà không thấy biết được Đạo Tràng Thọ cao bốn trăm muôn dặm, vô lượng màu sắc, vô lượng ánh sáng, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

29. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, nếu Bồ Tát trong nước Ta đọc kinh pháp, phúng tụng pháp, phúng tụng thọ trì, giảng thuyết mà không đặng trí huệ biện tài, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

30. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, trí huệ biện tài của Bồ Tát trong nước Ta nếu có người hạn lượng được đó, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

31. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, cõi nước của Ta thanh tịnh, thủy đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương, dường như gương sáng soi

thấy rõ bóng mặt, nếu không được như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

32. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, trong nước Ta, từ mặt đất lên đến hư không, những cung điện, lầu đài, ao nước, cây hoa... tất cả muôn vật đều do vô lượng chất báu đẹp cùng trăm nghìn thứ hương thơm hiệp chung lại làm thành, nghiêm sức tốt lạ, hơn hẳn hàng trời. Mùi thơm của những vật ấy xông khắp cả cõi nước ở mười phương, Bồ Tát nào ngửi được hơi hương ấy thời đều tu hạnh của Phật. Nếu không đặng như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

33. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, những loài chúng sinh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương, được ánh sáng của Ta chiếu đến thân, thời thân tâm của chúng sinh ấy hòa dịu hơn hẳn hàng trời, người. Nếu không đặng như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

34. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, những loài chúng sinh trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước chư Phật ở mười phương nghe danh tự của Ta, mà chẳng đặng các món tổng trì sâu mầu cùng Vô sinh Pháp nhẫn của Bồ Tát, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

35. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, những người nữ trong vô lượng bất khả tư nghị cõi

nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của Ta, mà vui mừng tin mến phát Bồ đề tâm nhằm ghét thân gái, nếu sau khi mạng chung còn thọ thân gái trở lại, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

36. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng Bồ Tát trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh tự của Ta, thời sau khi mạng chung vẫn thường tu hạnh thanh tịnh đến lúc thành Phật đạo. Nếu không đặng như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

37. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, các hàng trời, người nhân dân trong vô lượng bất khả tư nghị cõi nước của chư Phật ở mười phương nghe danh hiệu của Ta, năm vóc gieo xuống đất, cúi đầu lễ lạy, vui mừng tin mến, tu hạnh Bồ Tát thời các hàng trời, người đều kính trọng đó. Nếu không như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

38. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta muốn đặng y phục, thời những y phục tốt đẹp đúng phép của Đức Phật ngợi khen liền tùy niệm tự nhiên hiện đến trên thân, nếu còn phải cần may vá, đập, nhuộm, giặt... Ta nguyện chẳng chứng lấy quả Chánh giác.

39. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng trời, người trong nước Ta hưởng thọ sự vui sướng không bằng bậc Lưu Tận Tỳ kheo, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

40. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, Bồ Tát trong nước Ta, tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật nghiêm tịnh ở mười phương, tức thời ở trong cây báu thấy đều soi thấy rõ ràng đúng như ý muốn chẳng khác gương sáng soi thấy bóng mặt. Nếu không như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

41. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, các hàng Bồ Tát ở nước phương khác nghe danh tự của Ta, mãi đến lúc thành Phật, nếu các căn thiếu xấu chẳng đầy đủ, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

42. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, các hàng Bồ Tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, thấy đều chứng đặng “Chánh định thanh tịnh giải thoát”. Trụ trong chánh định đó, trong khoảng móng niệm liền cúng dường khắp vô lượng bất khả tư nghị các Đức Phật Thế Tôn, mà vẫn không sao mất tâm chánh định. Nếu không như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

43. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, các hàng Bồ Tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự

của Ta, sau khi mạng chung sinh vào nhà tôn quý. Nếu không như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

44. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, các hàng Bồ Tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, vui mừng hớn hở, tu hạnh Bồ Tát đầy đủ cội công đức. Nếu không như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

45. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng Bồ Tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, thấy đều chứng đặng “Chánh định Phổ đẳng”. Trụ trong chánh định đó, mãi đến lúc thành Phật, thường thấy tất cả vô lượng bất khả tư nghị các Đức Phật. Nếu không như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

46. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, Bồ Tát trong nước Ta tùy ý muốn nghe pháp chi, thời tự nhiên liền đặng nghe pháp đó. Nếu không như thế, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

47. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng Bồ Tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, chẳng liền đặng bậc “Bất thối chuyển”, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

48. Giả sử khi Ta đặng thành Phật, hàng Bồ Tát ở cõi nước phương khác nghe danh tự của Ta, mà chẳng liền chứng đặng bậc “âm hưởng nhãn”, “nhu thuận nhãn” và “vô sinh pháp

nhân” cùng ở nơi pháp của chư Phật mà chẳng liên dạng “bậc bất thối chuyển”, Ta nguyện không chứng lấy quả Chánh giác.

Trong Kinh lại nói : Sau khi thuật 48 điều đại nguyện xong Đức Phật phán tiếp : “Này A Nan ! Ngài Pháp Tạng Tỳ kheo (tiền thân của Đức Phật A Di Đà) vừa phát nguyện và nói tụng xong, liền đó khắp cõi đại địa sáu diệu vang động. Trời rưới hoa báu để rải trên mình Ngài Pháp Tạng. Âm nhạc tự nhiên trên hư không vang ra tiếng khen rằng : “Quyết định chắc chứng thành quả Vô Thượng Chánh giác !”. Đó rồi Ngài Pháp Tạng Tỳ kheo tu hoàn toàn đầy đủ các đại nguyện như thế chắc thiết chẳng dối... Pháp Tạng Bồ Tát nay đã thành Phật hiện ở nước Cực Lạc bên phương Tây, cách đây mười muôn ức cõi...”

*Mười phương chư Phật ba đời
 Di Đà bậc nhất chẳng rời quần sinh,
 Sen vàng chín phẩm sẵn dành
 Oai linh đức cả đã dành vô biên !
 Nay con dâng tâm lòng thiện.*

...

**NAM MÔ LẠC BANG GIÁO CHỦ ĐẠI TỪ BI PHỤ
 A DI ĐÀ PHẬT**



NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT

HỒNG DANH BỬU SÁM

HỒNG DANH BỬU SÁM

DƯƠNG CHI TÁN

Dương chi tịnh thủy,
Biển sái tam thiên,
Tánh không bát đức lợi như thiên,
Pháp giới quảng tăng diên ...
Diệt tội tiêu khiên,
Hỏa diệm hóa hồng liên.

NAM MÔ THANH LƯƠNG ĐỊA BỒ TÁT (3 lần)

ĐẠI BI THÂN CHÚ

NAM MÔ ĐẠI BI HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT.

(3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi
tâm đà la ni.

Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da.
Nam mô a rị da, bà lô kiết đế, thước bát
ra da, Bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa
bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra
phật duệ, số đất na đất tỏa.

Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị
da, bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì hê rị, ma ha bàn
đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ
dụng, tát bà tát đa, na ma bà dà, ma phạt
đạt đậu, đát diệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca
đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha Bồ đề tát đỏa,
tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê,
rị đà dụng, cu lô cu lô yết mông, độ lô độ
lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà
ra đà ra, địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra
dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê
di hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá
lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá da, hô lô
hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra,
tất rị tất rị, tô rô tô rô, Bồ đề dạ Bồ đề dạ,
bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cần
trì, địa rị sắc ni na, ba dạ ma na, ta bà ha.
Tất đà dạ, ta bà ha. Ma ha tất đà dạ, ta bà
ha. Tất đà đủ nghệ, thất bàn ra dạ, ta bà
ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta
bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha.
Ta bà ma ha a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết
ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất

đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra
dạ, ta bà ha. Ma bà lợi thắng yết ra dạ, ta
bà ha.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da.
Nam mô a rị da, bà lô kiết đế, thước bàn
ra dạ, ta bà ha. Án, tất điện đô, mạn đa
ra, bát đà dạ, ta bà ha.



HỒNG DANH BỬU SÁM



NGHI THỨC

Bất Động Pháp Sư thuật

1

Đại từ đại bi mẫn chúng sinh
Đại hỷ đại xả tế hàm thức,
Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm,
Chúng đẳng chí tâm quy mạng lễ.

2

Nam mô quy y Kim Cang Thượng sư.
Quy y Phật, quy y pháp, quy y Tăng.

3

Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu Nhơn
Thiên phước báu, Thanh Văn, Duyên
Giác, nãi chí quyền thừa chư vị Bồ Tát.

NGHI THỨC HỒNG DANH BỬU SÁM ⁽¹⁾



Bất Động Pháp Sư thuật

1. TÁN THÁN CÔNG ĐỨC CỦA CHƯ PHẬT ⁽²⁾

Đại từ đại bi thương chúng sinh
Đại hỷ đại xả cứu hàm thức,
Tướng tốt sáng rõ dùng nghiêm thân,
Chúng con chí tâm quy mạng lễ.

2. QUY Y TAM BẢO ⁽³⁾

Nam mô quy y Kim Cang Thượng sư.
Quy y Phật, quy y pháp, quy y Tăng.

3. PHÁT TÂM TỐI THƯỢNG THỪA ⁽⁴⁾

Con nay phát tâm chẳng vì tự cầu phước
báu Nhân, Thiên cùng quả Thanh Văn,
Duyên Giác, nhĩn đến các quả vị Bồ Tát
trong quyền thừa.

Duy y tối thượng thừa, phát Bồ đề tâm, nguyện dữ pháp giới chúng sinh nhất thời đồng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề.

4

Nam mô quy y thập phương taten hư không giới nhất thiết chư Phật.

Nam mô quy y thập phương taten hư không giới nhất thiết Tôn Pháp.

Nam mô quy y thập phương taten hư không giới nhất thiết Hiền Thánh Tăng.



Con chỉ y theo Tối thượng thừa phát tâm Bồ đề, nguyện cùng chúng sinh trong pháp giới chung một lúc đồng chứng đặng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

4. QUY Y VÔ TẬN TAM BẢO ⁽⁵⁾

Nam mô quy y khắp mười phương cùng tận cõi hư không tất cả các Đức Phật.

Nam mô quy y khắp mười phương cùng tận cõi hư không tất cả Tôn Pháp.

Nam mô quy y khắp mười phương cùng tận cõi hư không tất cả Hiền Thánh Tăng.



5. XÚNG DƯƠNG 10 HIỆU CỦA PHẬT

Nam mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

6. LỄ 89 HIỆU PHẬT

Nam mô Phổ Quang Phật.

Nam mô Phổ Minh Phật.

Nam mô Phổ Tịnh Phật.

Nam mô Đa Ma La Bát Chiên Đàn
Hương Phật.

Nam mô Chiên Đàn Quang Phật.

Nam mô Ma Ni Tràng Phật.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo
Tích Phật.

Nam mô Nhất Thiết Thế Gian Nhạo
Kiến Thượng Đại Tinh Tấn Phật.

Nam mô Ma Ni Tràng Đăng
Quang Phật.

Nam mô Huệ Cự Chiếu Phật.

Nam mô Hải Đức Quang Minh Phật.

Nam mô Kim Cang Lao Cường
Phổ Tán Kim Quang Phật.

Nam mô Đại Cường Tinh Tấn
Đồng Mãnh Phật.

Nam mô Đại Bi Quang Phật.

Nam mô Từ Lực Vương Phật,

Nam mô Từ Tạng Phật.

Nam mô Chiên Đàn Khốt
Trang Nghiêm Thắng Phật.

Nam mô Hiền Thiện Thủ Phật.

Nam mô Thiện Ý Phật.

Nam mô Quảng Trang Nghiêm
Vương Phật.

Nam mô Kim Hoa Quang Phật.

Nam mô Bảo Cái Chiếu Không
Tự Tại Lực Vương Phật.

Nam mô Hư Không Bảo Hoa
Quang Phật.

Nam mô Lưu Ly Trang Nghiêm
Vương Phật.

Nam mô Phổ Hiện Sắc Thân
Quang Phật.

Nam mô Bất Động Trí Quang Phật.

Nam mô Hàng Phục Chúng Ma
Vương Phật.

Nam mô Tài Quang Minh Phật.

Nam mô Trí Huệ Thắng Phật.

Nam mô Di Lạc Tiên Quang Phật.

Nam mô Thiện Tịch Nguyệt Âm
Diệu Tôn Trí Vương Phật.

Nam mô Thế Tịnh Quang Phật.

Nam mô Long Chúng Thượng Tôn
Vương Phật.

Nam mô Nhật Nguyệt Quang Phật.

Nam mô Nhật Nguyệt Châu
Quang Phật

Nam mô Huệ Tràng Thắng
Vương Phật.

Nam mô Sư Tử Hống Tự Tại
Lực Vương Phật.

Nam mô Diệu Âm Thắng Phật.

Nam mô Thường Quang Tràng Phật.

Nam mô Quang Thế Đăng Phật.

Nam mô Huệ Oai Đăng Vương Phật.

Nam mô Pháp Thắng Vương Phật.

Nam mô Tu Di Quang Phật.

Nam mô Tu Ma Na Hoa Quang Phật.

Nam mô Ưu Đàm Bát La Hoa

Thù Thắng Vương Phật.

Nam mô Đại Huệ Lực Vương Phật.

Nam mô A Súc Tỳ Hoan Hỷ

Quang Phật.

Nam mô Vô Lượng Âm Thanh

Vương Phật.

Nam mô Tài Quang Phật.

Nam mô Kim Hải Quang Phật.

Nam mô Sơn Hải Huệ Tự Tại

Thông Vương Phật.

Nam mô Đại Thông Quang Phật.

Nam mô Nhất Thiết Pháp Tràng

Mãn Vương Phật.

Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Kim Cang Bất Hoại Phật.

Nam mô Bảo Quang Phật.

Nam mô Long Tôn Vương Phật.

Nam mô Tinh Tấn Quân Phật.

Nam mô Tinh Tấn Hỷ Phật.

Nam mô Bảo Hỏa Phật.

Nam mô Bảo Nguyệt Quang Phật.

Nam mô Hiện Vô Ngu Phật.

Nam mô Bảo Nguyệt Phật.

Nam mô Vô Cấu Phật.

Nam mô Ly Cấu Phật.

Nam mô Đông Thích Phật.

Nam mô Thanh Tịnh Phật.

Nam mô Thanh Tịnh Thích Phật.

Nam mô Ta Lưu Na Phật.

Nam mô Thủy Thiên Phật.

Nam mô Kiên Đức Phật.

Nam mô Chiên Đàn Công Đức Phật.

Nam mô Vô Lượng Cúc Quang Phật.

Nam mô Quang Đức Phật.

Nam mô Vô Ưu Đức Phật.

Nam mô Na La Diên Phật.

Nam mô Công Đức Hoa Phật.

Nam mô Liên Hoa Quang Du Hí

Thần Thông Phật.

Nam mô Tài Công Đức Phật.

Nam mô Đức Niệm Phật.

Nam mô Thiện Danh Xưng

Công Đức Phật.

**Nam mô Hồng Diệm Đế Tràng
Vương Phật.**

Nam mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật.

Nam mô Đấu Chiến Thắng Phật.

Nam mô Thiện Du Bộ Phật.

**Nam mô Châu Tráp Trang Nghiêm
Công Đức Phật.**

Nam mô Bảo Hoa Du Bộ Phật.

**Nam mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ
Ta La Thọ Vương Phật.**

**Nam mô Pháp Giới Tạng Thân
A Di Đà Phật.**



7

Như thị đẳng, nhất thiết thế giới, chư Phật Thế Tôn, thường trụ tại thế, thị chư Thế Tôn, đương từ niệm ngã !

Nhược ngã thử sinh, nhược ngã tiền sinh, tùng vô thử sinh tử dĩ lai, sở tác chúng tội, nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.

Nhược tháp, nhược Tăng, nhược tứ phương Tăng vật, nhược tự thủ, nhược giáo tha thủ, kiến thủ tùy hỷ.

Ngũ vô gián tội, nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.

Thập bất thiện đạo, nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ.

Sở tác tội chương, hoặc hữu phú tàng, hoặc bất phú tàng, ưng đoạ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chư dư ác thú, biên địa, hạ tiện, cập miệt lệ xa.

7. SÁM HỐI TỘI LỖI

Các Đức Phật Thế Tôn khắp trong tất cả thế giới như thế thường trụ tại trong đời, xin các Đức Thế Tôn nên từ niệm con !

Hoặc đời này của con, hoặc đời trước của con, con từ vô thủy sinh tử nhân đến nay gây phạm các điều tội lỗi, hoặc tự mình làm hoặc bảo người làm, hoặc thấy người làm mình vui mừng theo.

Đồ vật của tháp, của hiện tiền Tăng, hay của tứ phương Tăng, hoặc tự mình lấy, hoặc bảo người lấy, hoặc thấy người lấy mình vui mừng theo.

Năm tội vô gián, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người làm, hoặc thấy người làm mình vui mừng theo.

Mười điều bất thiện, hoặc tự mình phạm, hoặc bảo người phạm, hoặc thấy người phạm mình vui mừng theo.

Bao nhiêu tội chướng của con gây tạo ra, hoặc có che giấu hoặc không che giấu, đáng dọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cùng các ác thú khác, dọa vào chốn biên địa, hạ hạ tiện, kẻ ác kiến.

Như thị đẳng xứ, sở tác tội
chướng, kim giai sám hối.

8

Kim chư Phật Thế Tôn, đương
chứng tri ngã, đương ức niệm ngã,
ngã phục ư chư Phật Thế Tôn tiền,
tác như thị ngôn :

Nhược ngã thử sinh, nhược ngã
dư sinh, tăng hành bố thí, hoặc thủ
tịnh giới, nãi chí thí dữ súc sinh,
nhất đoàn chi tự.

Hoặc tu tịnh hạnh, sở hữu thiện
căn, thành tựu chúng sinh, sở hữu
thiện căn, tu hạnh Bồ đề, sở hữu
thiện căn, cập vô thượng trí, sở hữu
thiện căn, nhất thiết hiệp tập, giáo
kế trừ lượng, giai tất hồi hướng
A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề.

Như quá khứ, vị lai, hiện tại
chư Phật sở tác hồi hướng, ngã diệc
như thị hồi hướng.

Những tội chướng đáng bị đọa vào các nơi khổ báo như thế, nay con đều sám hối.

8. HỒI HƯỚNG CĂN LÀNH

Nay các Đức Phật Thế Tôn nên chứng biết cho con. Con lại đối trước các Đức Phật Thế Tôn bạch lời này :

Hoặc đời này của con, hoặc đời khác của con đã từng làm việc bố thí, hay giữ gìn giới pháp trong sạch, nhần đến thí cho loài chim muông một vạt cơm.

Hoặc đã từng tu hạnh thanh tịnh có bao nhiêu căn lành, thành tựu chúng sinh có bao nhiêu căn lành, tu hành đạo Bồ đề có bao nhiêu căn lành, cho đến đã từng phát tâm Vô thượng Phật trí có bao nhiêu căn lành; hiệp nhóm so đếm tính lường tất cả căn lành, thấy đều hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các Đức Phật trong thuở quá khứ, vị lai và hiện tại cách thức hồi hướng như thế nào, con cũng hồi hướng như thế đó.

9

Chúng tội giai sám hối,
Chư phước tận tùy hỷ,
Cập thỉnh Phật công đức,
Nguyện thành vô thượng trí.
Khứ, lai, hiện tại Phật,
Ư chúng sinh tối thắng,
Vô lượng công đức hải,
Ngã kim quy mạng lễ.

10

Sở hữu thập phương thế giới trung,
Tam thế nhất thiết nhưn Sư Tử,
Ngã dĩ thanh tịnh thân, ngữ, ý,
Nhất thiết biến lễ tận vô dư.
Phổ Hiền hạnh nguyện oai thần lực,
Phổ hiện nhất thiết Như Lai tiền,
Nhất thân phục hiện sát trần thân,
Nhất nhất biến lễ sát trần Phật,

9. TỔNG KẾT HAI ĐOẠN TRƯỚC

Những tội lỗi con đều sám hối.
Các phước lành con vội tùy hân
(vui ưa theo)
Với cùng thỉnh Phật công huân,
Trí mẫu vô thượng nguyện thuận nên ngay
Các Đức Phật khứ, lai, hiện tại.
Trong chúng sinh thắng Đại Thánh vương.
Biển khơi công đức không lường.
Con nay quy mạng nguyện thường lễ tin.

10. LỄ KÍNH CHÚ PHẬT ⁽¹⁰⁾

Trong bao nhiêu mười phương cõi nước.
Cả ba đời các đức Pháp vương
Con dùng ba nghiệp tịnh xương, (sạch tốt)
Khắp lễ tất cả mười phương vẹn tuyền.
Sức thần oai Phổ Hiền hạnh nguyện.
Trước Như Lai khắp hiện tự thân,
Mỗi thân lại hiện trần thân,
Thân thân lễ khắp sát trần Thế Tôn.

11

Ư nhất trần trung trần số Phật,
Các xứ Bồ Tát chúng hội trung,
Vô tận pháp giới trần diệc nhiên,
Thâm tín chư Phật giai sung mãn.
Các dĩ nhất thiết âm thanh hải,
Phổ xuất vô tận diệu ngôn từ,
Tận ư vị lai nhất thiết kiếp,
Tán Phật thậm thâm công đức hải.

12

Dĩ chư tối thắng diệu hoa man,
Kỷ nhạc đồ hương cập tán cái
Như thị tối thắng trang nghiêm cụ,
Ngã dĩ cúng dường chư Như Lai
Tối thắng y phục tối thắng hương,
Mạc hương, thiêu hương dĩ đăng chúc,
Nhất nhất giai như Diệu Cao tu,
Ngã tất cúng dường chư Như Lai
Ngã dĩ quảng đại thắng giải tâm,
Thâm tín nhất thiết tam thế Phật,

11. XÚNG TÁN NHƯ LẠI

Trong một trần có trần số Phật.
Đều ở trong hội bậc thượng nhân.
Khắp cùng pháp giới mảy trần.
Sâu tin chữ Phật đều thường đầy trong.
Biển âm thanh đều dùng trọn vẹn,
Diệu ngôn từ vô tận khắp vang,
Vị lai cả kiếp thấy toàn, (tất cả)
Ngợi khen Phật đức biển ngàn rất sâu !

12. QUẢNG TU CÚNG DƯỠNG ⁽¹¹⁾

Tràng hoa đẹp rất xinh thơm ngát,
Cùng hương xoa, kỹ nhạc, lộng tàn,
Như kia đồ tốt trang hoàng,
Cúng dường chư Phật con toàn kính dâng.
Y tối thắng cùng hương tối thắng.
Với đức đèn, hương phấn, hương xông,
Đều nhiều như Diệu Cao Phong,
(núi Tu Di)
Cúng dường chư Phật con đồng dâng lên.
Tâm thắng giải mong mệnh con dụng,
Phật ba đời thấy cũng tin kiên, *(tin chắc)*

Đều nương hạnh nguyện Phổ Hiền,
Cúng dường chư Phật khắp miền
mười phương.

13. SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG

Các tội ác xưa con lầm lỡ,
Do tham sân muôn thuở gây nên,
Từ thân ngũ ý sinh lên,
Nay con cả thấy đều bền sám luôn.

14. TÙY HỖ CÔNG ĐỨC ⁽¹²⁾

Các chúng sinh khắp mười phương cõi,
Bậc Nhị thừa : Hữu học cùng Vô,
Như Lai Bồ Tát vẹn tuyền,
Có bao công đức con càng vui ưa.

15. THỈNH CHUYỂN PHÁP LUÂN ⁽¹³⁾

Thế Gian Đẳng trong mười phương nước,
Lúc tối sơ thành được Bồ đề,
Nay con đều thỉnh một bề,
Giảng truyền diệu pháp vô về quần sinh.

16

Chư Phật nhược dục thị Niết bàn,
Ngã tất chí thành nhi khuyến thỉnh,
Duy nguyện cứu trụ sát trần kiếp,
Lợi lạc nhất thiết chư chúng sinh.

17

Sở hữu lễ tán cúng dường phước,
Thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân,
Tùy hỷ, sám hối chư thiện căn,
Hồi hướng chúng sinh cập Phật đạo.

18

Nguyện tương dĩ thử thắng công đức,
Hồi hướng vô thượng chân pháp giới,
Tánh tướng Phật, Pháp cập Tăng già,
Nhị đế dung thông tam muội ấn
Như thị vô lượng công đức hải,
Ngã kim giai tất tận hồi hướng,
Sở hữu chúng sinh thân, khẩu, ý,
Kiến hoặc đàn báng ngã pháp đẳng,

16. THỈNH PHẬT TRỤ THỂ ⁽¹⁴⁾

Các Đức Phật muốn toan nhập diệt,
Con chí thành mãi miết ân cần :
Cúi mong ở mãi kiếp trần,
Làm cho lợi lạc khắp quần sinh linh.

17. PHỔ GIAI HỒI HƯỚNG

Bao nhiêu phước cúng dường, lễ, tán,
Thỉnh ở đời cùng giảng pháp luân,
Vui theo, sám hối thiện căn,
Hồi sinh, hướng Phật, cao thẳng Bồ đề.

18. QUY CHƠN THỪA VÀ TỔNG KẾT

Con nguyện đem đức đầy thắng lợi,
Hồi hướng chân pháp giới tối cao,
Tánh, tướng Tam Bảo thế nào,
Hải ấn tam muội dung vào tục, chân.
Biển công đức không lường như thế,
Nay con đều đem để hồi về :
Dưới cho muôn loại nương kê,
Cùng con đồng chứng Bồ đề đạo chân.

Như thị nhất thiết chư nghiệp chương,
Tất giai tiêu diệt tận vô dư,
Niệm niệm trí châu ư pháp giới
Quảng độ chúng sinh giai bất thối,
Nãi chí hư không thế giới tận,
Chúng sinh cập nghiệp phiền não tận,
Như thị tứ pháp quảng vô biên,
Nguyện kim hồi hướng diệt như thị.

NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN
BỒ TÁT MA HA TÁT

(3 xưng)



THÍCH NGHĨA



1. **Hồng danh** : Danh hiệu rộng lớn: Danh hiệu của Phật là danh hiệu tôn quý nhất trong đời, nên gọi là “**Hồng danh**”. Toàn thể những đoạn văn dưới đây : trước xưng lễ danh hiệu của chư Phật để rồi ai cầu sám hối, là pháp sám hối rất báu quý vì có thể đem nhiều sự lợi ích lớn lao cho hành nhân, nên gọi là “**Hồng Danh Bửu Sám**”. Văn sám hối này là của ngài Bất Động Pháp Sư đời Tống soạn ra. Toàn văn chia làm 108 lay để biểu nghĩa đối trị 108 món phiền não. Nên chính tên là “**Lễ Phật đại sám hối văn**”.
2. Đại từ đại bi, đại hỷ, đại xả là bốn đức **Vô lượng tâm** của Phật. Ban vui cho tất cả muôn loài là **đại từ**. Cứu khổ cho tất cả muôn loài là **đại bi**. Muôn loài được lợi ích, Đức Phật vui mừng đó là **đại hỷ**. Dầu luôn luôn ban vui, cứu khổ, làm lợi ích cho muôn loài, Đức Phật vẫn không thấy mình có làm, mà cũng không thấy có mình v.v... đó là **đại xả**.

Hàm thức là những loài hàm súc thức tâm tri giác, một tên riêng của hữu tình chúng sinh.

Quy mạng là đem thân mạng, món quý trọng nhất của mình, nương về nơi Đức Phật, giao phó cho Đức Phật, đó là biểu lòng kính tưởng chí thiết không tiếc gì mạng sống.

3. *Quy y* là về nương. Quy y và quy mạng đồng là Hán dịch ở danh từ Phạn âm "*Nam mô*".

Phật, Pháp, Tăng, là ba ngôi báu quý rất lợi ích ở trong đời nên gọi là *Tam Bảo*.

Kim Cang Thượng Sư là đáng Giáo Chủ Tỳ Lô Giá Na, bảo hiệu của pháp tánh nhất thể Tam Bảo.

4. *Tối thượng thừa* là thừa (đưa đến chỉ về các pháp môn) rất trên hơn cả, cũng gọi là *Phật thừa* hay *Viên thừa, Nhất thừa*.
5. Mười phương hư không rộng lớn vô biên, Tam Bảo ở trong mười phương cũng nhiều vô tận, nên nói là *Vô Tận Tam Bảo*.
6. Các Đức Phật đều có đủ mười đức hiệu này, đủ mười đức hiệu này mới phải là Phật.

Như Lai : Tự thể Pháp thân chẳng động chẳng dời là *Như*. Trí quang chiếu khắp, bi tâm độ sinh là *Lai*.

Ứng Cúng : Đức Phật đã dứt hẳn tất cả mê lầm tội quấy, xa khỏi tất cả khổ lụy, viên thành tất cả công đức, đầy đủ tất cả phước huệ, là phước điền của tất cả Thánh phàm,

kham ứng thọ sự cúng dương của tất cả Thánh phàm, do đó tất cả Thánh phàm trọn nên thiện căn công đức.

Chánh Biến Trí : Đức Phật có trí lớn rõ thấu tất cả một cách hoàn toàn đúng đắn.

Minh Hạnh Túc : Trí minh và vạn hạnh đều đầy đủ.

Thiện Thệ : Hay khéo ra khỏi thế gian chứng thành quả Phật, hằng đến trong thế gian để độ sinh, hẳn không bị thế gian làm ô nhiễm.

Thế Gian Giải : Thế gian đây là gồm cả thế gian và xuất thế gian, tất cả pháp trong đó Đức Phật đều hiểu rõ thấu suốt.

Vô Thượng Sĩ : Đấng cao thượng không còn có ai trên.

Điều Ngự Trượng Phu : Đấng đầy đủ đức tướng tai năng hay điều hòa những chúng sinh nhu thuận và ngự phục những chúng sinh cang cường.

Thiên Nhân Sư : Đấng Đạo Sư của tất cả trời, người.

Phật : Nói tắt của danh từ Phật Đà (Phạn âm), Hán dịch là **Giác Giả**, nghĩa là đấng giác ngộ hoàn toàn.

Đức Phật đủ cả mười đức hiệu ở trên, là đáng tôn quý cao thượng nhất trong thế gian và xuất thế gian nên gọi là Thế Tôn.

7. Từ *Phật Phổ Quang* đến *Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương Phật* (53 hiệu Phật) rút ở trong Kinh *Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ Tát*. Từ *Thích Ca Mâu Ni Phật* đến *Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật* (35 hiệu Phật) rút trong Kinh *Bảo Tích*.

Trong Kinh Đức Phật dạy rằng : “Người nào chí tâm xưng niệm và kính lễ đức hiệu của 53 Đức Phật và của 35 Đức Phật, thời bao nhiêu tội nghiệp ác chướng đều tiêu diệt, được công đức rất lớn. Chính Đức Phật lúc còn tu hạnh Bồ Tát cũng nhờ đó mà đặng mau thành Phật”.

Rốt sau lễ Đức *A Di Đà Phật* là ngụ ý đem cả công đức hồi hướng nguyện sinh về cõi Cực Lạc.

8. *Sám* là tiếng nói tắt của danh từ *sám ma* (Phạn âm), Hán dịch là *hối quá*, sám hối là gồm cả Phạn âm là Hán dịch mà gọi tắt vậy... Ăn năn lỗi trước, chừa bỏ lỗi sau là ý nghĩa của hai chữ sám hối.

Năm tội vô gián : 1) Giết cha, 2) Giết mẹ, 3) Phá hòa hợp Tăng, 4) Ác tâm làm thân của Phật ra máu, 5) Giết các bậc Thánh.

Người nào phạm một trong năm điều trên đây phải bị đọa vào Vô gián địa ngục (nơi địa ngục mà các sự khổ sở không hề hở ngớt), nên gọi là tội vô gián.

Mười đạo bất thiện : Nơi thân nghiệp có ba : 1) Sát sinh, 2) Trộm cướp, 3) Tà dâm. Nơi khẩu nghiệp có bốn : 1) Nói dối, 2) Nói chia rẽ, 3) Nói thô ác, 4) Nói thêu dệt. Nơi ý nghiệp có ba : 1) Tham lam bòn xẻn, 2) Giận hờn ganh ghét, 3) Mê lầm tà kiến.

Có che giấu là ẩn khuất giấu giếm, **không che giấu** là phô bày tự thú.

Đức Phật dạy : Tất cả mọi người chẳng phải mới có một đời sống hiện tại, mà trước đã trải qua vô lượng đời sống, hoặc là làm trời, làm súc, làm quỷ, làm người v.v... tùy theo hạnh nghiệp gây tạo ở những đời chiêu cảm ra. Và những hạnh nghiệp gây tạo ra trong đời sống làm người hiện tại đây hiệp với quá khứ, sẽ chiêu cảm thành đời sống tương lai, khi mãn đời sống này. Nếu hạnh nghiệp trong đời hiện tại và quá khứ có tính cách lành, thì nó sẽ cảm với đời sống tương lai một trình độ cao tốt vui sướng, người, trời, thánh v.v... ngược bằng tính cách dữ, đời sống tương lai sẽ xấu xa thấp thỏi khổ sở (quỷ, súc v.v...) vì thế nên trong đây sám hối cả tội lỗi trong đời này cho đến vô lượng đời về trước vô cùng nên gọi là Vô tử.

9. Những điều làm, nói và suy nghĩ hay phải, có thật lợi ích cho mình cho người v.v... là những **căn lành**. Với một tâm lượng hẹp nhỏ những

căn lành kia sẽ kết thành những quả báo hẹp nhỏ trên đường lành (tâm thế gian sẽ kết thành quả báo nhân, thiên, tiên, thần. Tâm xuất thế Tiểu thừa sẽ kết thành bậc Tiểu Thánh, Thanh Văn, Duyên Giác). Nay đem căn lành hồi hướng về Phật đạo (Vô thượng Chánh giác), đó là dùng tâm lượng rộng lớn xuất thế Đại thừa, với tâm lượng này những căn lành kia sẽ kết thành bậc Đại Thánh Phật quả. Đem căn lành công đức xoay về đó, hướng đến đó, nguyện cầu cho được thành Phật, như thế gọi là hồi hướng **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề**.

10. Sư tử là chúa tể trong loài muôn thú, mỗi khi gầm hét, tất cả muôn thú nghe đều thất vía kinh hồn. Đức Phật ra đời dùng viên âm thuyết pháp, tất cả Thiên ma, ngoại đạo v.v... đều khiếp phục quy đầu, như thế Đức Phật đáng là chúa tể tự tại vô úy trong loài người; như sư tử là chúa tể tự tại vô úy trong loài thú nên gọi là đáng **Nhân Sư Tử**.

Lòng tưởng Phật, miệng xưng danh hiệu Phật, năm vóc gieo xuống đất, đó là **thanh tịnh lễ Phật**.

Hạnh nguyện Phổ Hiền lượng rộng lớn đồng pháp giới. Nương hạnh nguyện Phổ Hiền thời tâm và thân của hành giả cũng đồng pháp

giới. Pháp giới rộng vô biên, các Đức Phật trong pháp giới nhiều vô lượng, tâm của hành giả cũng rộng vô biên, thân của hành giả cũng biến hiện nhiều vô lượng như sát trần (bụi trần trong cội nước) để lễ khắp tất cả Phật.

Thượng Nhân là các vị Bồ Tát (Kinh Duy Ma Cát).

11. *Núi Tu Di* (Phạn âm). Hán dịch là Diệu Cao, núi này thuần bằng bốn chất báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, rất xinh đẹp nên gọi là *Diệu*, cao hơn tất cả núi khác nên gọi là *Cao*. Lưng chừng núi là chỗ của trời Tứ Thiên Vương, trên đỉnh là nước của trời Đao Lợi.

Tâm Thắng giải là tâm nhận hiểu chắc thật quyết định.

12. *Nhị thừa* là Thanh Văn thừa và Duyên Giác thừa.

Trong hai thừa này bậc A La Hán và Bích Chi Phật là bậc *Vô học* (đối trong hai thể chỗ tu chúng đã xong không còn phải học nữa), dưới hai bậc trên là bậc *Hữu học* (chỗ tu chúng chưa xong còn phải học thêm).

13. *Chuyển pháp* là thuyết pháp độ đời.

Đức Phật ra đời nói pháp phá tan lòng mê tối lầm lạc của mọi người trong đời, như ngọn đèn sáng phá sự tối tăm, nên gọi là đáng Thế Gian Đăng.

14. *Toan thị tịch* là sắp muốn thể hiện Niết Bàn (nhập diệt).

Kiếp trần là kiếp số nhiều như bụi trần, ý muốn thỉnh Phật ở mãi trên đời đừng nhập diệt, để mọi người được gọi nhờ ơn giáo hóa.

15. *Vô thượng chân pháp giới* là tự tánh bốn tâm. Tâm này thể tánh chân thật tuyệt đối trùm khắp pháp giới, là thể của pháp giới, mà mọi người đều tự sẵn đủ. Hồi hướng về đó là ý rằng từ trên tất cả công đức lễ Phật, sám hối v.v... là việc làm thuộc về hình thức bề ngoài, nay đem tất cả quy về tự bốn tâm chân tánh vậy.

Nhị đế là Chân đế (tánh thể chân thật) và Tục đế (tướng dụng giả huyễn). Tánh Phật, Pháp, Tăng thuộc Chân đế. Tướng Phật, Pháp, Tăng thuộc tục đế. Trong **Tam muội** (chánh định) dung thông cả tánh (chân) và tướng (tục) như trong biển ảnh hiện sum la vạn tượng (hải ấn).

Từ *Lễ kính chư Phật* đến *Phổ giai hồi hướng* (48 câu kệ) trích trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện.



南
無
阿
彌
陀
佛

PHẬT THUYẾT
VU LAN BỒN KINH

PHẬT THUYẾT

VU LAN BỒN KINH

Tây Tấn, Tam Tạng Pháp Sư
Trúc Pháp Hộ dịch.

**Như thị ngã văn : Nhất thời
Phật tại Xá Vệ quốc Kỳ thọ Cấp Cô
Độc viên.**

**Đại Mục Kiền Liên, tử đắc lục
thông, dục độ phụ mẫu, báo nhũ bộ
chi ân.**

**Tức dĩ đạo nhân quan thị thế
gian, kiến kỳ vong mẫu sinh nga
quỷ trung, bất kiến ẩm thực, bì cốt
liên lập.**

**Mục Liên bi ai, tức dĩ bát thanh
phạn, vãng hướng kỳ mẫu.**

**Mẫu đắc bát phạn, tiện dĩ tả
thủ chướng bát, hữu thủ suy tự.**

**Tự vị nhập khẩu, hóa thành hỏa
thán, toại bất đắc thực.**

PHẬT NÓI

KINH VU LAN BỒN ⁽¹⁾

Đời Tây Tấn, Ngài Tam Tạng
Pháp Sư Trúc Pháp Hộ dịch.

Ta nghe như vậy : Một lúc nọ, Đức Phật ở trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc tại nước Xá Vệ.

Ông Đại Mục Kiền Liên vừa mới chứng đẳng sáu pháp thần thông ⁽²⁾ ông muốn cứu độ cha mẹ của ông để đền đáp công ơn bú mớm.

Ông liền dùng đạo nhãn ⁽³⁾ ngó xem khắp trong thế gian, thấy bà vong mẫu ⁽⁴⁾ của ông sinh vào trong loài ngạ quỷ ⁽⁵⁾ chẳng đặng uống ăn, thân thể ốm gầy da bọc lấy xương.

Thấy thế, ông Mục Liên chẳng xiết xót thương, liền lấy bình bát đựng cơm đem dâng cho mẹ ông.

Mẹ ông tiếp đặng bình bát cơm, bèn dùng tay trái che bát, tay mặt bốc cơm.

Cơm của bà bốc chưa vào đến miệng đã hóa thành than lửa, bà ăn không đặng.

Mục Liên đại kiếu, bi hiếu thế khắp, trì hườn bạch Phật, cụ trần như thử.

Phật ngôn : “Nhữ mẫu tội căn thâm kiết, phi như nhất nhân lực sở nại hà !

Nhữ tuy hiếu thuận, thỉnh động Thiên địa, Thiên thần, Địa kỳ, tà ma, ngoại đạo, đạo sĩ, tứ Thiên Vương Thần; diệc bất năng nại hà !

Đương tu thập phương chúng Tăng oai thần chi lực, nãi đắc giải thoát.

Ngô kim đương thuyết cứu tế chi pháp, linh nhất thiết nạn, giai ly ưu khổ”.

Phật cáo Mục Liên : Thập phương chúng Tăng, thất nguyệt thập ngũ nhật, Tăng tự tứ thời, đương vị thất thế phụ mẫu, cập hiện tại phụ mẫu ách nạn trung giả, cụ phạm bá vị, ngũ quả, cấp quán bồn khí, hương du, đĩnh chúc, sàng phu ngoại cụ, tận thế cam mỹ, dĩ trước

Ông Mục Liên kêu to, buồn rầu khóc lóc, vội vã trở về bạch với Đức Phật, thuật đủ những việc như thế.

Đức Phật dạy rằng : Tội căn ⁽⁶⁾ của mẹ ông gây kết sâu nặng, chẳng phải thần lực của một mình ông mà có thể làm sao cứu đặng.

Dẫu rằng ông có lòng hiếu thuận, tiếng tăm vang động cả trời đất, mà những vị Thiên Thân, Địa kỳ, tà ma, ngoại đạo, đạo sĩ và bốn vị Thiên Vương Thân ⁽⁷⁾ cũng không thể làm thế nào cứu đặng.

Cần phải nhớ đến sức oai thần của chúng Tăng ở mười phương, mẹ ông mới có thể giải thoát.

Nay Ta sẽ nói phương pháp cứu tế, làm cho tất cả kẻ bị hoạn nạn như thế, đều được thoát khỏi những sự buồn khổ”.

Đức Phật bảo ông Mục Liên : Ngày Rằm tháng bảy là ngày tự tứ của chúng Tăng ở mười phương ⁽⁸⁾, đến ngày ấy người làm con phải nên vì cha mẹ trong bảy đời đã qua ⁽⁹⁾ và cha mẹ trong đời hiện tại đương bị khổn trong vòng ách nạn, mà sắm những giường trải nệm chiếu, những bồn chậu đựng nước rửa, hương dầu, đèn, nến, năm thứ trái, cơm canh trăm thứ những đồ ăn ngon lành nhất

bồn trung cúng dường thập phương
Đại Đức chúng Tăng.

Đương thử chi nhật, nhất thiết
Thánh chúng, hoặc tại sơn gian
thiền định, hoặc đắc tứ đạo quả,
hoặc tại thọ hạ kinh hành, hoặc lục
thông tự tại giáo hóa Thanh Văn,
Duyên Giác hoặc Thập địa Bồ Tát
đại nhân, quyền hiện Tỳ kheo tại
đại chúng trung, giai đồng nhất tâm
thọ bát hòa la phạm, cụ thanh tịnh
giới Thánh chúng chi đạo, kỳ đức
uống dương.

Kỳ hữu cúng dường thử đẳng tự
tứ Tăng già, hiện thế phụ mẫu, lục
thân quyến thuộc đắc xuất tam đồ
chi khổ, ứng thời giải thoát, y thực
tự nhiên.

Nhược phụ mẫu hiện tại giả
phước lạc bá niên.

Nhược thất thế phụ mẫu sinh
thiên, tự tại hóa sinh nhập Thiên
hoa quang”.

trên đời, dựng vào trong bốn cúng dường cho hàng Đại Đức Tăng ở mười phương ⁽¹⁰⁾.

Dương trong ngày đó, tất cả Thánh chúng : hoặc những người tu thiền nhập định ở trong núi, hoặc những vị chứng đẳng bốn đạo quả ⁽¹¹⁾ hoặc những người đi kinh hành dưới cội cây hoặc những bậc Thanh Văn và Duyên Giác ⁽¹²⁾ đủ sáu pháp thân thông tự tại giáo hóa, hoặc là hàng Thập địa Bồ Tát đại nhân ⁽¹³⁾ quyền hiện làm Tỳ kheo ⁽¹⁴⁾... đồng hội về ở trong đại chúng đều đồng nhất tâm lãnh thọ bát cơm, đạo đức của hàng Thánh chúng hoàn toàn giới hạnh thanh tịnh đó rất là rộng lớn.

Có người nào cúng dường cho hàng chúng Tăng tự tứ dường ấy, thời cha mẹ cùng lục thân ⁽¹⁵⁾ quyến thuộc trong đời hiện tại của người đó dặng ra khỏi chốn khổ tam đồ ⁽¹⁶⁾ liền giải thoát, hưởng thọ những đồ mặc, món ăn tự nhiên.

Như cha mẹ hiện đương còn sống, thời sống lâu trăm tuổi hưởng phước an vui.

Còn cha mẹ trong bảy đời đã qua, đều được sinh lên cõi trời, hóa sinh tự tại vào trong cõi trời sáng đẹp”

Thời Phật sắc thập phương chúng Tăng giai tiên vị thí chủ mông chú nguyện, nguyện thất thế phụ mẫu, hành thiện định ý nhiên hậu thọ thực.

Sở thọ thực thời, tiên an tại Phật tiền, tháp tự trung Phật tiền. Chúng Tăng chú nguyện cánh, tiện tự thọ thực.

Thời Mục Liên Tỳ kheo cập đại Bồ Tát chúng, giai đại hoan hỷ. Mục Liên bi đề khắp thỉnh thích nhiên trừ diệt.

Thời Mục Liên mẫu tức ư thị nhật, đắc thoát nhất kiếp nga quỷ chi khổ.

Mục Liên phục bạch Phật ngôn : “Đệ tử sở sinh mẫu đắc mông Tam Bảo công đức chi lực, chúng Tăng oai thần chi lực cố.

Nhược vị lai thế, nhất thiết Phật đệ tử, diệc ứng phụng Vu Lan Bồn, cứu độ hiện tại phụ mẫu nãi chí thất thế phụ mẫu, khả vi nhĩ phủ ?”.

Phật ngôn : “Đại thiện khoái vãn ! Ngã chánh dục thuyết nhữ kim phục vãn”.

Bấy giờ, Đức Phật truyền chúng Tăng ở mười phương, trước phải vì người thí chủ mong chờ chú nguyện, cầu cho cha mẹ bảy đời, mà chuyên ý thiền định ⁽¹⁷⁾ rồi sau mới thọ thực.

Lúc ban đầu thọ thực, trước hết để món ăn nơi trước Đức Phật, hay để trước tượng Phật trong chùa tháp. Chúng Tăng đồng chú nguyện xong, rồi tự thọ thực.

Lúc đó, ông Mục Liên Tỳ kheo và hàng đại Bồ Tát đều rất vui mừng, tiếng buồn rầu khóc lóc của ông Mục Liên liền nín lặng.

Chính trong ngày đó, bà mẹ của ông Mục Liên đang thoát khỏi một kiếp chịu khổ trong loài ngựa quý.

Ông Mục Liên lại bạch với Đức Phật rằng : “Sinh mẫu ⁽¹⁸⁾ của đệ tử nay do nhờ sức công đức của Tam Bảo và sức oai thần của chúng Tăng mà được khỏi khổ.

Còn về đời vị lai, tất cả đệ tử của Phật cũng phải phụng Bồn Vu Lan để cứu độ cha mẹ hiện tại nhân đến cha mẹ trong bảy đời đã qua, làm như thế được chăng ?”

Đức Phật nói : “Ông hỏi rất hay ! Chính là Ta vừa muốn nói, mà ông nay hỏi liền”.

Thiện nam tử ! Nhược Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Quốc vương, Thái tử, Đại thân, Tể tướng, Tam công, bá quan, vạn dân, thứ nhân hành từ hiếu giả, giai ứng tiên vị sở sinh hiện tại phụ mẫu, quá khứ thất thế phụ mẫu, ư thất nguyệt thập ngũ nhật, Phật hoan hỷ nhật, Tăng tự tứ nhật, dĩ bá vị phạn thực, an Vu Lan Bồn trung thị thập phương tự tứ Tăng.

Nguyên sử hiện tại phụ mẫu thọ mạng bá niên, vô bệnh, vô nhất thiết khổ não chi hoạn, nãi chí thất thế phụ mẫu ly nga quý khổ, sinh nhân Thiên trung, phước lạc vô cực.

Thị Phật đệ tử tu hiếu thuận giả, ứng niệm niệm trung thường ức phụ mẫu nãi chí thất thế phụ mẫu.

Niên niên thất nguyệt thập ngũ nhật, thường dĩ hiếu từ, ức sở sinh phụ mẫu, vi tác Vu Lan Bồn thí Phật cập Tăng, dĩ báo Phụ mẫu trưởng dưỡng từ ái chi ân.

Này Thiện nam tử ! Những người tu hạnh hiếu tử hoặc là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hoặc là Quốc vương, Thái tử, quan Đại thần, Tể tướng, Tam công, trăm quan, muôn dân, kẻ thứ nhân v.v... đến ngày Rằm tháng bảy, ngày Đức Phật hoan hỷ, ngày chúng Tăng tự tứ, đều nên trước vì cha mẹ hiện tại và cha mẹ trong bảy đời đã qua, mà sắm cơm đồ ăn trăm vị thơm ngon để vào Bồn Vu Lan cúng dường cho chúng Tăng tự tứ ở mười phương.

Cầu nguyện cho cha mẹ được sống lâu trăm tuổi, không đau ốm, không tất cả hoạn nạn khổ não, nhân đến cầu nguyện cho cha mẹ trong bảy đời đã qua thoát khỏi chốn khổ nạn quỷ, sinh vào trong loài người, hoặc cõi trời hưởng phước vui vô cùng.

Là hàng đệ tử của Phật tu hạnh hiếu thuận, trong mỗi niệm phải thường nhớ tưởng cha mẹ hiện tại, nhân đến cha mẹ trong bảy đời.

Mỗi năm đến ngày Rằm tháng bảy, do lòng hiếu tử ⁽¹⁹⁾ thường nhớ tưởng đến cha mẹ đã sinh mình, vì cha mẹ sắm Bồn Vu Lan cúng dường Đức Phật và chúng Tăng, để đền đáp công ơn từ ái nuôi nấng của cha mẹ.

Nhược nhất thiết Phật đệ tử
 ứng đương phụng trì thị pháp.

Thời, Mục Liên Tỳ kheo, tứ bối
 đệ tử hoan hỷ phụng hành.

PHẬT THUYẾT VU LAN BỒN KINH



BÁO PHỤ MẪU ÂN CHÚ

NAM MÔ MẬT LẬT ĐA ĐÁ BÀ DẠ TÁ HA.

(7 xưng)

VU LAN KINH TÁN

Thần thông Tôn giả, mãn bát
 trình thân,

Thực tài nhập khẩu hỏa viêm thân,

Hiếu khắp mặc năng thân,

Thánh giáo phu trần,

Hương tiên trượng Từ Tôn.

NAM MÔ ĐẠI HIẾU MỤC KIỀN LIÊN TÔN GIẢ.

(3 xưng)

Nếu làm đệ tử của Đức Phật, tất cả phải nên phụng trì phương pháp báo hiếu này.

Bảy giờ, ông Đại Mục Kiền Liên Tỳ kheo và bốn hàng đệ tử ⁽²⁰⁾ đều vui mừng tuân theo thực hành.

PHẬT NÓI KINH VU LAN BỒN



THÍCH NGHĨA



1. **Phật** tức là Đức **Thích Ca Mâu Ni Phật**, trong kinh này. Đức Phật vì ông Đại Mục Kiền Liên và mọi người mà chỉ dạy phụng Bồn Vu Lan để cứu độ cha mẹ hiện tại, nhắc đến cha mẹ trong bảy đời đã qua cùng cả lục thân quyến thuộc.

Bồn là bồn, thau, tượng, chậu, đồ bằng sành, bằng thiếc, hoặc bằng thau, đồng v.v... để đựng chứa đồ ăn.

Vu Lan là Phạn âm, Hán dịch là **Giải đảo huyền**, nghĩa đen : là tháo mở sự treo ngược. Sự treo ngược là ám chỉ cho tất cả sự thống khổ nặng nề. Dem bồn đựng đồ ăn cúng dường Phật và chúng Tăng, trong ngày Rằm tháng bảy để cứu độ cha mẹ v.v... khỏi sự thống khổ nên gọi là **Vu Lan Bồn**.

2. 1) **Thiên nhân thông** : Thiên nhân thấy xa đến cả thế giới, thấy rõ vật nhỏ như vi trùng v.v... thấy suốt thấu các chất ngại.
- 2) **Thiên nhĩ thông** : Thiên nhĩ nghe được xa và nghe được tiếng rất nhỏ, cùng tiếng nói của tất cả loài.
- 3) **Túc mạng thông** : Biết rõ những đời trước của mình và của kẻ khác.

- 4) **Tha tâm thông** : Hiểu biết tâm niệm, tư tưởng của người khác.
- 5) **Thân tức thông** : Bay đi mau lẹ tự tại, ý muốn đến đó thời thân liền đến đó.
- 6) **Lậu tận thông** : Những phiền não loạn tưởng đã dứt sạch, thấy suốt đời vị lai.
3. **Đạo nhân** chính là **Thiên nhân thông**. Do tu hành đạo hạnh thành tựu đạo quả mà có nên gọi là đạo nhân
4. **Vong mẫu** là người mẹ đã qua đời.
5. **Nga quỷ (quỷ đói)**. Loài này cả đời chịu khổ về đói khát. Không hề được uống, vì thấy nước thành máu mủ hay lửa hừng, nước dính vào miệng nó làm phỏng cả miệng lưỡi, mà cũng không hề được ăn, vì cuống họng nhỏ bằng cây kim, bụng lớn như trống, mà đồ ăn đến miệng lại biến thành than lửa, nên dầu có cũng không ăn được. Trên đây là nói về hạng **Vô tài nga quỷ**, mẹ ông Mục Liên bị đọa sinh vào loài này. Ngoài ra còn hạng **Hữu tài nga quỷ**, loài sau này có phần ít đói khát hơn.

Trong Kinh nói : Những người bị đọa vào nga quỷ vì gây nhiều tội ác mà tánh ích kỷ, bòn sẻn, tham lam là phần chính.

6. **Tội căn** : Cội gốc tội lỗi, đã kết thành quả báo xấu khó lay chuyển như cây có gốc rễ.
7. Các vị Thần trên cõi trời gọi là **Thiên Thần**, những vị Thần ở mặt đất gọi là **Địa Kỳ**. Giữa

chừng núi Tu Di bốn mặt có bốn cõi Trời, mỗi cõi có một vị Thiên Vương cai quản gọi đó là *Tứ Thiên Vương*.

8. *Chúng Tăng* là đoàn thể Tăng già từ bốn vị xuất gia trở lên y theo sáu pháp hòa hiệp mà trụ.

Tự tứ là tha hồ, mặc tình, hứa cho không ngăn cấm.

Sau ba tháng an cư (*bắt đầu từ ngày 16 tháng tư đến ngày Rằm tháng bảy*), thời tất cả chúng Tăng trong một đại giới đều câu hội lại rồi y theo luật pháp mà chỉ chỗ lỗi lầm lẫn nhau, để cùng nhau sám hối, cốt ý để chứng tỏ sự thanh tịnh (*nếu người không phạm lỗi*) hay làm cho thanh tịnh (*nếu người có phạm lỗi*) trong toàn thể đại chúng và khỏi những điều nghi ngờ, trong khi đó ai ai cũng sẵn sàng bằng lòng cho người khác chỉ trích lỗi của mình đã phạm trong ba tháng hạ mà mình không tự biết (*vì nếu tự biết thời đã làm phép sám hối rồi*) và sẵn sàng vui lòng nhận lấy lỗi của mình, trực nhớ lại, hoặc lời chỉ trích hữu lý cùng có bằng cứ. Vì thế nên ngày Rằm tháng bảy gọi là ngày Tăng tự tứ.

9. Phật dạy mọi người chẳng phải chỉ có một đời hiện tại mà về quá khứ, đã thọ nhiều thân, trải qua nhiều đời sống, một lần sinh, một lần chết gọi là một đời, một đời sống thời có một

đời cha mẹ, đã trải qua nhiều đời sống là đã có nhiều cha mẹ chớ chẳng phải nội bảy đời thôi, song trong Kinh đây nói cha mẹ trong bảy đời đã qua, đó là vì ba lẽ :

- A. Số bảy là con số của Đức Phật thường dùng, vì nó có quan trọng đối với sự biểu pháp.
- B. Ước lược mà nói.
- C. Còn gần với hiện tại, dễ hiểu biết và có phần thân thiết hơn.

10. **Cơm trăm vị** là cơm rất thơm ngon đủ các mùi vị.

Câu ***Đem đủ cả những đồ ăn ngon lành có trên đời (tận thế cam mỹ)*** là ý nói hết sức lo sắn sửa, người giàu thời tốt sức của phận giàu, người nghèo thời tận lực của phận nghèo.

Năm thứ trái :

- 1. Loại trái có hột lớn, như : táo, xoài v.v...
- 2. Loại trái dây com, như : dưa, hồng v.v...
- 3. Loại trái có vỏ cứng, như : lựu, măng v.v...
- 4. Loại trái mềm mại, như : nho v.v...
- 5. Loại trái có sừng khía, như : ấu v.v...

11. **Bốn đạo quả** xem lời thích nghĩa ở sau Kinh Kim Cang.

12. Bích Chi Phật là Phạm âm, quả vị đồng với bậc A La Hán (*quả thứ tư trong hàng Thanh Văn Tiểu thừa*). nhưng về công hạnh tu hành thời khác, có hai hạng :

- A. Ra đời không gặp Đức Phật mà cũng không gặp Phật Pháp, do căn lành đã vun trồng từ nhiều đời trước, xuất gia thấy cảnh sống chết của người vật, thấy cảnh tươi héo của cỏ hoa v.v... mà tự ngộ lý vô thường vô ngã, chứng sinh không quả gọi là vị **Độc Giác**.
- B. Ra đời gặp Phật hay giáo pháp của Đức Phật, y theo pháp quán mười hai nhân duyên mà tu tập, đoạn hoặc chứng chân thành quả vô sinh gọi là vị **Duyên Giác**.
13. Bồ Tát là người phát đại tâm, tu hành Đại thừa, chứng thành đại quả nên gọi là **Đại Nhân**.
- Đức Phật là đáng đã chứng pháp tánh thân hoàn toàn; còn những bậc cũng chứng pháp tánh thân mà chưa được hoàn toàn thời có hàng Thập địa Bồ Tát :
- | | |
|--------------------|-------------------|
| 1. Hoan Hỷ địa. | 6. Hiện Tiền địa. |
| 2. Ly Cấu địa. | 7. Viên Hành địa, |
| 3. Phát Quang địa. | 8. Bất Động địa |
| 4. Diệm Huệ địa. | 9. Thiện Huệ địa. |
| 5. Nan Thắng địa. | 10. Pháp Vân địa. |
14. Người xuất gia thọ 250 điều giới pháp Tỳ kheo thời gọi là **Thầy Tỳ kheo**.
15. Cha, mẹ, anh, em, chồng, vợ gọi là **lục thân**.

16. Tam đồ :

1) Hỏa đồ, tức địa ngục, chốn lửa đốt cháy ngày đêm.

2) Dao đồ, tức là ngạ quỷ, thường dùng dao gậy chém đập nhau.

3) Huyết đồ, tức là súc sinh, thường bị cắt cổ mổ bụng máu chảy lai láng.

17. Chuyên ý thiền định là chú ý lặng lòng để tưởng niệm, khiến cho sự cầu nguyện được mau thành tựu.

18. Sinh mẫu là mẹ đẻ, mẹ ruột.

19. Câu : Do lòng hiếu tử là ý chỉ rõ rằng do lòng hiếu tử thiết tha nhớ tưởng đến cha mẹ mà làm lễ Vu Lan để cầu phước cho cha mẹ, chớ chẳng phải làm theo lệ lấy có, hay cầu tiếng khen v.v...

20. Bốn hàng đệ tử :

1) Tỳ Kheo : Xuất gia thọ 250 điều giới pháp.

2) Tỳ Kheo Ni : Xuất gia thọ 348 điều giới pháp.

3) Ưu Bà Tắc : Người nam tu tại gia quy y thọ năm điều giới pháp.

4) Ưu Bà Di : Người nữ tu tại gia quy y thọ năm điều giới pháp.



NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

PHẬT THUYẾT
DIỆU PHÁP
LIÊN HOA KINH

NGHI THỨC TỤNG

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM

HƯƠNG TÁN

Chiên đàn hải ngạn,
Lư nhiệt danh hương,
Da Du tử mẫu lưỡng vô ương,
Hỏa nội đặc thanh lương.
Chí tâm kim tượng,
Nhất chú biến thập phương. ⁽¹⁾

NAM MÔ HƯƠNG VÂN CÁI BỒ TÁT MA HA TÁT.

(3 xưng)

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đặc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chân thiết nghĩa.

NAM MÔ PHÁP HOA HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT

(3 xưng)

NAM MÔ THÁNH QUAN TỰ TẠI BỒ TÁT

(3 xưng)

PHẬT THUYẾT

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH

QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM

Dao Tần, Tam Tạng Pháp Sư
Cưu Ma La Thập dịch.

1

Nhĩ thời Vô Tận Ý Bồ Tát tức tùng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn :

Thế Tôn ! Quan Thế Âm Bồ Tát dĩ hà nhân duyên danh Quan Thế Âm ?

2

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ Tát : “Thiện nam tử, nhược hữu vô lượng bá thiên vạn ức chúng sinh, thọ chư khổ não, văn thị Quan Thế Âm Bồ Tát nhất tâm xưng danh Quan Thế Âm Bồ Tát, tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát”.

Nhược hữu trì thị Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu, do thị Bồ Tát, oai thần lực cố.

PHẬT NÓI

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

PHẨM QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN ⁽²⁾

Hán dịch, nhà Dao Tân,
Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập.

1. BẠCH HỎI SỞ NHÂN

Lúc bấy giờ, ngài Vô Tận Ý Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật ⁽³⁾ mà bạch rằng : “Thế Tôn ! Ngài Quan Thế Âm Bồ Tát do nhân duyên gì mà tên là Quan Thế Âm ?”.

2. THOÁT TÁM ĐIỀU NẠN

Phật bảo ngài Vô Tận Ý Bồ Tát : “Thiện nam tử ! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sinh chịu các khổ não, nghe Quan Thế Âm Bồ Tát này, một lòng xưng danh Quan Thế Âm Bồ Tát tức thời xem xét tiếng tâm kia, đều đang giải thoát”.

Nếu có người trì danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy đặng, vì do sức oai thần của Bồ Tát này đặng như vậy.

Nhược vi đại thủy sở phiêu, xứng kỳ danh hiệu tức đắc thiên xứ.

Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng sinh, vị cầu : kim ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, đẳng bảo, nhập ư đại hải, giả sử hắc phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu đọa La sát quỷ quốc, kỳ trung nhược hữu nãi chí nhất nhân, xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư nhân đẳng giai đắc giải thoát La sát chi nạn. Dĩ thị nhân duyên, danh Quan Thế Âm.

Nhược phục hữu nhân, lâm đương bị hại, xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, bĩ sở chấp đao trượng, tầm đoạn đoạn hoại, nhi đắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung Dạ xoa, La sát, dục lai não nhân, văn kỳ xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, thị chư ác quỷ, thượng bất năng dĩ ác nhãn thị chi, huống phục gia hại.

Thiết phục hữu nhân, nhược hữu tội, nhược vô tội, nữ giới già tảo, kiểm hệ

Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ Tát này liền đăng chỗ cạn.

Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sinh vì tìm các thứ châu báu như vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu... nên vào trong biển lớn.

Giả sử gió lớn thổi ghe thuyền của kia trôi tấp nới nước quỷ La sát, trong ấy nếu có nhân đến một người xưng danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, thời các người đó đều được thoát khỏi nạn quỷ La sát, do nhân duyên đó mà tên là Quan Thế Âm.

Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xưng danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, tức thời đao gậy của người kia cầm liền gãy từng khúc mà dặng thoát khỏi.

Nếu quỷ Dạ xoa cùng La sát đầy trong cõi tam thiên đại thiên ⁽⁴⁾ muốn đến hại người, nghe người xưng hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, thời các quỷ dữ đó còn không có thể dùng mắt dữ mà nhìn người, hướng lại làm hại dặng.

Dầu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân,

kỳ thân, xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ, mãn trung oán tặc, hữu nhất thương chủ, tương chư thương nhân, tề trì trọng bảo kinh quá hiểm lộ.

Kỳ trung nhất nhân, tác thị xướng ngôn : “Chư thiện nam tử, vật đắc khùng bố ! Nhữ đẳng ứng đương nhất tâm xưng Quan Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, thị Bồ Tát năng dĩ vô úy thí ư chúng sinh, nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán tặc, đương đắc giải thoát”.

Chúng thương nhân văn, câu phát thanh ngôn : “Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát” xưng kỳ danh cố, tức đắc giải thoát.

Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát Ma ha tát, oai thần chi lực, nguy nguy như thị.

Nhược hữu chúng sinh, đa ư dâm dục, thường niệm cung kính Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly dục.

Nhược đa sân nhuế, thường niệm cung kính Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly sân,

xưng danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, thấy đều dứt rã, liền đặng thoát khỏi.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi tam thiên đại thiên, có một vị thương chủ dắt đoàn người buôn đem theo nhiều cửa báu, trải qua nơi đường hiểm trở.

Trong đó có một người xưng rằng : “Các thiện nam tử ! Chớ nên sợ sệt, các ông phải nên một lòng xưng danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, vị Bồ Tát đó hay đem pháp vô úy thí cho chúng sinh, nếu các ông xưng danh hiệu ngài, thời sẽ đặng thoát khỏi oán tặc này”.

Đoàn người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng : “Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát!”. Vì xưng danh hiệu Bồ Tát nên liền đặng thoát khỏi.

Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát sức oai thần cao lớn như thế.

Nếu có chúng sinh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, liền đặng lìa lòng dâm, ý dục.

Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, liền đặng lìa lòng giận hờn.

Nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện đắc ly si.

Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát, hữu như thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích. Thị cố chúng sinh thường ứng tâm niệm.

3

Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện sinh phước đức trí huệ chi nam, thiết dục cầu nữ, tiện sinh đoan chánh hữu tướng chi nữ, tức thực đức bốn, chúng nhân ái kính.

Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát hữu như thị lực.

4

Nhược hữu chúng sinh, cung kính lễ bái Quan Thế Âm Bồ Tát, phước bất đường quên, thị cố chúng sinh, giai ứng thọ trì Quan Thế Âm Bồ Tát danh hiệu.

Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, liền đặng là ngu si.

Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát có những sức oai thần lớn, nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sinh thường phải một lòng tưởng nhớ đến ngài.

3. TOẠI HAI ĐIỀU CẦU

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai lễ lạy cúng dường Quan Thế Âm Bồ Tát, liền sinh con trai phước đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sinh con gái có tướng xinh đẹp, vì trước đã trồng cội phước đức, mọi người đều kính mến.

Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát có sức thần như thế.

4. SO SÁNH CÔNG ĐỨC LỄ NIỆM

Nếu có chúng sinh cung kính lễ lạy Quan Thế Âm Bồ Tát, thời phước đức chẳng lường mất. Cho nên chúng sinh đều phải thọ trì danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát.

Vô Tận Ý ! Nhược hữu nhân thọ trì lục thập nhị ức hằng hà sa Bồ Tát danh tự, phục tận hình cúng dường : âm thực, y phục, ngọc cụ, y dược.

Ư nhữ ý vân hà ? Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân công đức đa phủ ?

Vô Tận Ý ngôn : “Thậm đa, Thế Tôn !”.
Phật ngôn : “Nhược phục hữu nhân, thọ trì Quan Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, nãi chí nhất thời lễ bái, cúng dường, thị nhị nhân phước, chánh đẳng vô dị ! Ư bá thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận.

Vô Tận Ý, thọ trì Quan Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, đắc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi”.

5

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Quan Thế Âm Bồ Tát, vân hà du thử Ta bà thế giới ? Vân hà nhi vị chúng sinh thuyết pháp ? Phương tiện chi lực, kỳ sự vân hà ?

Vô Tận Ý ! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi ức hằng hà sa Bồ Tát, lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang.

Ý ông nghĩ sao ? Công đức của người thiện nam người thiện nữ đó có nhiều chăng ?

Vô Tận Ý thưa : “Bạch Thế Tôn ! Rất nhiều”.

Phật dạy : “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, nhẫn đến một thời lễ lạy cúng dường, thời phước của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn muôn ức kiếp không thể cùng tận.”⁽⁶⁾

Vô Tận Ý ! Thọ trì danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát đặng vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế”.

5. MƯỜI CHÍN LOẠI THUYẾT PHÁP

Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng : “Thế Tôn ! Quan Thế Âm Bồ Tát dạo đi trong cõi Ta bà như thế nào ? Vì chúng sinh nói pháp như thế nào ? Sức phương tiện việc đó như thế nào ?”.

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ Tát : “Thiện nam tử ! Nhược hữu quốc độ chúng sinh, ứng dĩ Phật thân đắc độ giả, Quan Thế Âm Bồ Tát tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Bích Chi Phật thân đắc độ giả, tức hiện Bích Chi Phật thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Thanh Văn thân đắc độ giả, tức hiện Thanh Văn thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Phạm Vương thân đắc độ giả, tức hiện Phạm Vương thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Đế Thích thân đắc độ giả, tức hiện Đế Thích thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Tự Tại Thiên thân đắc độ giả, tức hiện Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Đại Tự Tại Thiên thân đắc độ giả, tức hiện Đại Tự Tại Thiên thân nhi vị thuyết pháp.

Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát : “Thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật đặng độ thoát, thời Quan Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật mà vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Duyên Giác đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Duyên Giác vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Thanh Văn đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Thanh Văn vì đó nói pháp. ⁽⁷⁾

Nơi đáng dùng thân Phạm Vương đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Phạm Vương vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Đế Thích đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Đế Thích vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Tự Tại Thiên đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Tự Tại Thiên vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên vì đó nói pháp.

Ứng dĩ Thiên Đại Tướng Quân thân đắc độ giả, tức hiện Thiên Đại Tướng Quân thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Tỳ Sa Môn thân đắc độ giả, tức hiện Tỳ Sa Môn thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Tiểu Vương thân đắc độ giả, tức hiện Tiểu Vương thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Trưởng Giả thân đắc độ giả, tức hiện Trưởng Giả thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Cư Sĩ thân đắc độ giả, tức hiện Cư Sĩ thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Tể Quan thân đắc độ giả, tức hiện Tể Quan thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Bà La Môn thân đắc độ giả, tức hiện Bà La Môn thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thân đắc độ giả, tức hiện Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thân nhi vị thuyết pháp.

Nơi đáng dùng thân Thiên Đại Tướng Quân dặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Tỳ Sa Môn dặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Tỳ Sa Môn mà vì đó nói pháp. ⁽⁸⁾

Nơi đáng dùng thân Tiểu Vương dặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Tiểu Vương vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Trưởng giả dặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Trưởng giả vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Cư sĩ dặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Cư sĩ vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Tể quan dặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Tể quan vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Bà La Môn dặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Bà La Môn vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di dặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di vì đó nói pháp.

Ứng dĩ Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan, Bà La Môn phụ nữ thân đặc độ giả, tức hiện phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Đồng nam, Đồng nữ thân đặc độ giả, tức hiện Đồng nam, Đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu-la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân, Phi nhân đẳng thân đặc độ giả, tức giai hiện chi nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Chấp Kim Cang thần đặc độ giả, tức hiện Chấp Kim Cang thần nhi vị thuyết pháp.

Vô Tận Ý ! Thị Quan Thế Âm Bồ Tát thành tựu như thị công đức dĩ chủng chủng hình, du chư quốc độ, độ thoát chúng sinh. Thị cố nhữ đẳng, ứng đương nhất tâm cúng dường Quan Thế Âm Bồ Tát.

Thị Quan Thế Âm Bồ Tát Ma ha tát, ư bố úy cấp nạn chi trung, năng thí vô úy. Thị cố thử Ta bà thế giới, giai hiệu chi vi Thí Vô Úy giả”.

Nơi đáng dùng thân phụ nữ của Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan, Bà La Môn đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân phụ nữ vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Đồng nam, Đồng nữ đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Đồng nam, Đồng nữ vì đó nói pháp.

Nơi đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hủ la đà, Nhân cùng Phi nhân đặng độ thoát, Bồ Tát liền đều hiện mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Chấp Kim Cang thần đặng độ thoát, Bồ Tát liền hiện thân Chấp Kim Cang thần vì đó nói pháp. ⁽⁹⁾

Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình dạo đi trong các cõi nước, để độ thoát chúng sinh như thế, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quan Thế Âm Bồ Tát.

Quan Thế Âm Bồ Tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban sự vô úy, cho nên cõi Ta bà này đều gọi ngài là vị Thí Vô Úy ⁽¹⁰⁾”.

6

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật ngôn :
“Thế Tôn ! Ngã kim đương cúng dường
Quan Thế Âm Bồ Tát”.

Tức giải cảnh chúng bảo châu anh lạc,
giá trị bá thiên lượng kim, nhi dĩ dữ chi,
tác thị ngôn : “Nhân giả thọ thử pháp thí,
trần bảo anh lạc”.

Thời Quan Thế Âm Bồ Tát bất khể
thọ chi.

Vô Tận Ý phục bạch Quan Thế Âm Bồ
Tát ngôn : “Nhân giả mẫn ngã đẳng cố,
thọ thử anh lạc”.

Nhĩ thời Phật cáo Quan Thế Âm Bồ
Tát : “Đương mẫn thử Vô Tận Ý Bồ Tát
cập tứ chúng : Thiên, Long, Dạ xoa, Càn
thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma
hầu la già, Nhân, Phi nhân đẳng cố, thọ
thử anh lạc”.

Tức thời Quan Thế Âm Bồ Tát, mẫn
chư tứ chúng, cập ư Thiên, Long, Nhân,

6. CÚNG DƯỠNG

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật : “Thế Tôn ! Con nay xin cúng dường Quan Thế Âm Bồ Tát”.

Ngài liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu giá trị trăm nghìn lượng vàng nời cổ, đem cúng dường cho ngài Quan Thế Âm mà nói rằng : “Xin ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này”.

Khi ấy Quan Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận chuỗi.

Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quan Thế Âm Bồ Tát rằng : “Xin ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này”.

Bấy giờ, Phật bảo Quan Thế Âm Bồ Tát : “Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ Tát và hàng tứ chúng ⁽¹¹⁾ cùng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la dà, Nhân và Phi nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó”.

Tức thời Quan Thế Âm Bồ Tát thương hàng tứ chúng và Trời, Rồng, Nhân, Phi

Phi nhân đẳng, thọ kỳ anh lạc, phân tác nhị phần : Nhất phần phụng Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất phần phụng Đa Bảo Phật tháp.

- Vô Tận Ý, Quan Thế Âm Bồ Tát hữu như thị tự tại thần lực du ư Ta bà thế giới.

7

Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ Tát dĩ kệ vấn viết :

Thế Tôn diệu tướng cụ
Ngã kim trùng vấn bỉ :
Phật tử hà nhân duyên,
Danh vi Quan Thế Âm ?
Cụ túc diệu tướng tôn
Kệ đáp Vô Tận Ý :
Nhữ thính Quan Âm hạnh,
Thiện ứng chư phương sở,
Hoàng thệ thâm như hải,
Lịch kiếp bất tư nghị,
Thị đa thiên ức Phật,
Phát đại thanh tịnh nguyện.

nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần : một phần dâng Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng tháp của Phật Đa Bảo. ⁽¹²⁾

- Vô Tận Ý ! Quan Thế Âm Bồ Tát có sức thần tự tại như thế, dạo đi nơi cõi Ta bà.

7. TRÙNG TỤNG

Lúc đó ngài Vô Tận Ý Bồ Tát nói kệ hỏi Phật rằng :

Thế Tôn đủ tướng tốt !

Con nay lại hỏi kia

Phật tử nhân duyên gì

Tên là Quan Thế Âm !

Dáng đầy đủ tướng tốt

Kệ đáp Vô Tận Ý :

Ông nghe hạnh Quan Âm

Khéo ứng các nơi chỗ

Thệ rộng sâu như biển.

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn

Hầu nhiều nghìn Đức Phật

Phát nguyện thanh tịnh lớn.

Ngã vị nhữ lược thuyết
Văn danh cập kiến thân,
Tâm niệm bất không quá,
Năng diệt chư hữu khổ,
Giả sử hưng hại ý,
Thôi lạc đại hỏa khanh,
Niệm bỉ Quan Âm lực,
Hỏa khanh biến thành trì.

Hoặc phiêu lưu cự hải,
Long ngư chư quỷ nạn,
Niệm bỉ Quan Âm lực,
Ba lăng bất năng một.

Hoặc tại Tu Di phong,
Vi nhân sở thôi dọa,
Niệm bỉ Quan Âm lực,
Như nhật hư không trụ.

Hoặc bị ác nhân trục,
Đọa lạc Kim Cang sơn,
Niệm bỉ Quan Âm lực,
Bất năng tổn nhất mao.

Hoặc trị oán tặc nhiều,
Các chấp đao gia hại,
Niệm bỉ Quan Âm lực,
Hàm tức khởi từ tâm.

Ta vì ông lược nói
Nghe tên cùng thấy thân
Tâm niệm chẳng luống qua
Hay diệt khổ các côi.

Giả sử sinh lòng hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Do sức niệm Quan Âm
Hầm lửa biến thành ao.

Hoặc trôi giạt biển lớn
Các nạn quý, cá, rồng
Do sức niệm Quan Âm
Sóng mòi chẳng chìm dặng.

Hoặc ở chót Tu Di ⁽¹⁷⁾
Bị người xô rớt xuống
Do sức niệm Quan Âm
Như mặt nhật treo không.

Hoặc bị người dữ rượt
Rớt xuống núi Kim Cang
Do sức niệm Quan Âm
Chẳng tổn đến mảy lông.

Hoặc gặp oán tặc vây
Đều cầm dao làm hại
Do sức niệm Quan Âm
Đều liền sinh lòng lành.

Hoặc tao vương nạn khổ,
Lâm hình dục thọ chung,
Niệm bĩ Quan Âm lực,
Đao tâm đoạn đoạn hoại.

Hoặc tù cấm già tảo,
Thủ túc bị nữ giới.
Niệm bĩ Quan Âm lực,
Thích nhiên đắc giải thoát.

Chú trở chư độc dược,
Sở dục hại thân giả,
Niệm bĩ Quan Âm lực,
Hoàn trước ư bốn nhân.

Hoặc ngộ ác La sát,
Độc long chư quỷ đảng,
Niệm bĩ Quan Âm lực,
Thời tất bất cảm hại.

Nhược ác thú vi nhiễu,
Lợi nha trảo khả bố,
Niệm bĩ Quan Âm lực,
Tật tẩu vô biên phương.

Ngoan xà cập phúc yết,
Khí độc yên hỏa nhiên,
Niệm bĩ Quan Âm lực,
Tâm thanh tự hồi khứ.

Hoặc bị khổ nạn vua
Khi hành hình sắp chết
Do sức niệm Quan Âm
Dao liền gãy từng đoạn.

Hoặc tù cấm xiềng xích
Tay chân bị gông cùm
Do sức niệm Quan Âm
Tháo rã dạng thoát khỏi.

Nguyên, rửa, các thuốc độc
Muốn hại đến thân đó
Do sức niệm Quan Âm
Trở hại nơi bốn nhân. ⁽¹⁸⁾

Hoặc gặp La sát dữ
Rồng độc các loài quỷ
Do sức niệm Quan Âm
Liên đều không dám hại.

Hoặc thú dữ vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Do sức niệm Quan Âm
Vội vàng bỏ chạy thẳng.

Rắn độc cùng bò cạp
Hơi độc khói lửa đốt
Do sức niệm Quan Âm
Nghe tiếng tự bỏ đi.

Vân lôi cổ xiết điện,
Giáng bạc chú đại võ,
Niệm bửu Quan Âm lực,
Ứng thời đắc tiêu tán.

Chúng sinh bỉ khốn ách,
Vô lượng khổ bức thân,
Quan Âm diệu trí lực,
Năng cứu thế gian khổ.

Cụ túc thân thông lực,
Quảng tu trí phương tiện,
Thập phương chư quốc độ,
Vô sát bất hiện thân.

Chủng chủng chư ác thú,
Địa ngục, quỷ, súc sinh,
Sinh, lão, bệnh, tử, khổ,
Dĩ tiệm tất linh diệt.

Chân quán thanh tịnh quán,
Quảng đại trí huệ quán,
Bỉ quán cập từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.

Vô cầu thanh tịnh quang,
Huệ nhật phá chư ám,
Năng phục tai phong hỏa,
Phổ minh chiếu thế gian.

Mây sấm nổ sét đánh
Tuông giá xối mưa lớn
Do sức niệm Quan Âm
Liên đăng tiêu tan cả.

Chúng sinh bị khổ ách
Vô lượng khổ bức thân
Quan Âm sức trí diệu
Hay cứu khổ thế gian.

Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Các cõi nước mười phương
Không cõi nào chẳng hiện.

Các loài trong đường dữ :
Địa ngục, quỷ, súc sinh
Sinh, già, bệnh, chết, khổ
Lần đều khiến dứt hết.

Chân quán thanh tịnh quán
Trí huệ quán rộng lớn
Bi quán và từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng

Sáng thanh tịnh không nhớ
Huệ nhật phá các tối ⁽²⁰⁾
Hay phục tai gió lửa
Khắp soi sáng thế gian.

Bì thế giới lôi chấn,
Từ ý diệu đại vân,
Chú cam lồ pháp võ,
Diệt trừ phiền não diêm.

Tránh tụng kinh quan xú,
Bố úy quân trận trung,
Niệm bỉ Quan Âm lực,
Chúng oán tất thối tán.

Diệu Âm Quan Thế Âm,
Phạm âm, Hải triều âm,
Thắng bỉ thế gian âm,
Thị cố tu thường niệm.

Niệm niệm vật sinh nghi,
Quan Thế Âm tịnh Thánh,
Ư khổ não tử ách,
Năng vị tác y hộ.

Cụ nhất thiết công đức,
Từ nhân thị chúng sinh,
Phước tụ hải vô lượng,
Thị cố ưng đánh lễ.

Lòng bi răn như sấm
Ý từ diệu dường mây
Xối mưa pháp cam lồ
Dứt trừ lửa phiền não. ⁽²¹⁾

Cãi kiện qua chỗ quan
Trong quân trận sợ sệt
Do sức niệm Quan Âm
Cừ oán đều lui tan.

Diệu Âm, Quan Thế Âm
Phạm âm, Hải triều âm
Tiếng hơn thế gian kia
Cho nên thường phải niệm.

Niệm niệm chớ sinh nghi
Quan Âm bậc tịnh Thánh
Nơi khổ não nạn chết
Hay vì làm nương cậy. ⁽²³⁾

Đủ tất cả công đức
Mắt lành trông chúng sinh
Biển phước lớn không lường
Cho nên phải đánh lễ.

8

Nhĩ thời Trì Địa Bồ Tát, tức tùng tòa khởi, tiền bạch Phật ngôn : “Thế Tôn ! Nhược hữu chúng sinh văn thị Quan Thế Âm Bồ Tát phẩm tự tại chi nghiệp, Phổ Môn thị hiện, thần thông lực giả, đương tri thị nhân công đức bất thiếu”.

Phật thuyết thị Phổ Môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sinh, giai phát Vô đẳng đẳng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề tâm.



8. TỔNG KẾT NGHE KINH ĐẠNG CÔNG ĐỨC LỚN

Bấy giờ, ngài Trì Địa Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng :
“Thế Tôn ! Nếu có chúng sinh nào nghe phẩm Quan Thế Âm Bồ Tát đạo nghiệp tự tại Phổ môn thị hiện sức thần thông này, thời phải biết công đức người đó chẳng ít”.

Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sinh đều phát tâm Vô đẳng đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.



**ĐIỀU PHÁP LIÊN HOA KINH
QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM
CHÂN NGÔN VIẾT :**

**Án, đa rị đa rị, đốt đa rị, đốt đốt đa rị,
ta bà ha.** *(7 xưng)*

LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÂN NGÔN

Án, ma ni bát di hồng. *(108 xưng)*

PHỔ MÔN TÁN

Phổ môn thị hiện,
Cứu khổ tầm thanh,
Từ bi thuyết pháp độ mê tân,
Phó cảm ứng tùy hình,
Tứ hải thanh ninh,
Bát nạn vĩnh vô xâm.



**DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM
CHÂN NGÔN VIẾT :**

Án, đa rị đa rị, đốt đa rị, đốt đốt đa rị,
ta bà ha. (7 biến)

LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÂN NGÔN

Án, ma ni bát di hồng. (108 biến)

PHỔ MÔN TÁN

Phổ môn thị hiện,
Cứu khổ tâm thanh,
Từ bi thuyết pháp độ mê tân,
Phó cảm ứng tùy hình,
Tứ hải thanh ninh,
Bát nạn vĩnh vô xâm.⁽²⁵⁾



THẬP NHỊ NGUYỆN

(Mười hai điều nguyện)



1. Nam mô hiệu Viên Thông danh Tự
Tại, Quan Âm Như Lai, quảng phát hồng
thệ nguyện. ⁽²⁶⁾

2. Nam mô nhất niệm tâm vô quá ngại,
Quan Âm Như Lai, thường cư Nam Hải
nguyện.

3. Nam mô trụ Ta bà, U minh giới,
Quan Âm Như Lai, tâm thỉnh cứu khổ
nguyện.

4. Nam mô hàng tà ma trừ yêu quái,
Quan Âm Như Lai, năng trừ nguy hiểm
nguyện.

5. Nam mô thanh tịnh bình thủy
dương liễu, Quan Âm Như Lai, cam lộ sái
tâm nguyện.

6. Nam mô đại từ bi, năng hỷ xả, Quan
Âm Như Lai, thường hành bình đẳng
nguyện.

7. Nam mô trú dạ tuần vô tổn hoại,
Quan Âm Như Lai, thệ diệt tam đồ
nguyện. ⁽²⁷⁾

8. Nam mô vọng nam nham cần lễ bái,
Quan Âm Như Lai, già tỏa giải thoát
nguyện.

9. Nam mô tạo pháp thuyền du khổ
hải, Quan Âm Như Lai, độ tận chúng sinh
nguyện.

10. Nam mô tiền tràng phan, hậu bảo
cái, Quan Âm Như Lai, tiếp dẫn Tây
phương nguyện.

11. Nam mô Vô Lượng Thọ Phật cảnh
giới, Quan Âm Như Lai, Di Đà thọ ký
nguyện.

12. Nam mô đốn nghiêm thân vô tỷ
tái, Quan Âm Như Lai, quả tu thập nhị
nguyện.



CỦ TÁN

Quan Âm Đại sĩ,
Phổ hiệu Viên Thông,
Thập nhị đại nguyện thệ hoàng thâm.
Khổ hải phiếm từ phong,
Phổ tế tâm dung,
Sát sát hiện vô cùng.

NAM MÔ THÁNH QUAN TỰ TẠI
BỒ TÁT MA HA TÁT.

(3 lần)



THÍCH NGHĨA



1. Trong *Kinh Pháp Hoa* phẩm *Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự* có câu : “Lại rưới hương *hải thử ngạn chiêm đàn*, sáu thù hương này giá trị bằng cội Ta Bà...”. Sáu thù là hai chữ rưới. Hương hải ngạn chiêm đàn là một thứ hương rất quý.

Trong Trí Độ luận nói : Sau khi đức Thái tử Sĩ Đạt Ta bỏ ngôi đi xuất gia vào núi Tuyết tu hành, nhiều người nghĩ bà Gia Du Đà La, vợ của Thái tử, là có chứa hoang. Ở trước mặt mọi người bà lập thệ rằng : “Nếu ta không trình chánh, đứa con trong bụng ta đây nếu không phải chính thật là con của Thái tử Sĩ Đạt Ta, nguyện ta cùng con đều bị lửa cháy tiêu”. Nguyện xong, bà liền nhảy vào hầm lửa. Lúc đó hầm lửa đang cháy hừng hực, bỗng biến thành ao nước mát mẻ đầy hoa sen tươi tốt, bà an lành ngồi trên hoa sen. Do đó mà mọi người đồng công nhận bà là bậc trình chánh. Nay người tu hành dùng chí thành đem nén tâm hương cúng dường thập phương Tam Bảo, như lòng chí thành của bà Gia Du Đà La, thời quyết có cảm nghiệm.

2. Toàn bộ **Kinh Diệu Pháp Liên Hoa** (thông thường gọi tắt là Kinh Pháp Hoa) có 28 phẩm chia làm 7 quyển. Phẩm **Phổ Môn** này là phẩm thứ 25, thuộc về quyển thứ 7.
3. **Phật** đây là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.
4. **Tam thiên đại thiên** (Xem thích nghĩa ở sau Kinh A Di Đà)
5. **Hằng hà sa** (Xem thích nghĩa ở sau Kinh A Di Đà).
6. **Không thể cùng tận** là phước đức đó còn mãi mãi không hết không dứt.
7. Thân Phật, thân Duyên Giác (Bích Chi Phật) và thân Thanh Văn là thân của ba bậc Thánh xuất thế gian.
8. Từ **Phạm Vương** đến **Tỳ Sa Môn** (một trong Tứ Thiên Vương) là hiện thân các vị trời cõi Sắc và cõi Dục để độ chúng sinh.
9. **Chấp Kim Cang Thần** là thần cầm chày Kim Cang, thường trừ dẹp tà ma ác quỷ để trợ Chánh pháp, ủng hộ người tu hành chân chính.
10. **Thí Vô Úy** là ban cho sự không sợ hãi, nghĩa là làm cho thoát khỏi sự hoạn nạn hiểm nguy tật bệnh v.v...
11. **Tứ chúng** : 1) Tỳ Kheo. 2) Tỳ Kheo Ni.(hai chúng xuất gia). 3) Ưu Bà Tắc. 4) Ưu Bà Di (hai chúng tại gia).

12. Trong hội Pháp Hoa, *tháp của Đức Phật Đa Bảo* từ dưới đất hiện lên dừng tại trên lưng chừng không, để nghe Phật Thích Ca nói Kinh và để chứng thật. (Xem Kinh Pháp Hoa quyển thứ 4, phẩm thứ 11).
13. *Trùng tụng* là lời kệ tụng thuật lại những điều, những nghĩa đã nói ở trước.
14. Bồ Tát từ nơi pháp của Đức Phật mà nên, là con pháp của Đức Phật nên gọi là *Phật tử*.
15. Thệ nguyện rộng sâu của Bồ Tát đã trải qua nhiều kiếp và không thể lấy tâm tư suy đoán bàn luận đến được.
16. Những sự khổ trong cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc.
17. *Núi Tu Di* (xem lời thích nghĩa ở sau Hồng Danh)
18. Những thứ nguyên rửa, bùa chú, thuốc độc v.v... trở lại hại người chủ.
19. *Chân quán* : Chân trí soi chân lý.
Thanh tịnh quán : Rõ thấu pháp tánh thanh tịnh.
Quảng đại trí huệ quán : Trí huệ rộng lớn suốt thấu tất cả pháp.
Bi quán : Lòng đại bi xem xét sự khổ của mọi loài để cứu vớt chúng.

Từ quán : Lòng đại từ thường xem xét mọi loài ưa thích những gì để ban sự vui cho chúng.

20. Trí huệ phá tan sự mê lầm ngu đại như ánh sáng mặt trời trừ chỗ tối tăm nên gọi là **huệ nhật**.

21. **Phiền não** là những lòng tham, giận v.v... nó làm cho tâm người loạn động bứt rứt khổ sở, như bị lửa đốt.

22. **Diệu âm** : Tiếng nhiệm mầu khai ngộ cho tất cả chúng sinh.

Quan Thế Âm : Tiếng quan sát thế gian để cứu giúp.

Phạm âm : Tiếng thanh tịnh.

Hải triều âm : Tiếng lớn vang khắp và đúng giờ, như tiếng nước triều trong biển.

23. **Bồ Tát** là nơi chúng sinh nương dựa để được mọi điều vui, cậy nhờ để được khỏi những sự khổ.



NAM MÔ QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT TÂM THINH CỨU KHỔ

Một chuyện linh cảm của đức Quan Thế Âm Bồ Tát xảy ra vào năm 1940 (DL) do thầy Giáo Thọ Đạt Tứ, trụ trì chùa Thiên Tôn (làng Thanh Mỹ Lợi, tỉnh Gia Định) tường thuật

Hoặc trôi giạt biển lớn, các nạn quỷ cá rồng. Do sức niệm Quan Âm sóng mồi chẳng chìm đắm.

Tại miền Nam Việt Nam, gần đây có một người bốn xứ nhập tịch dân Pháp tên là Brillan. Bà thân của ông vốn tin trọng Phật, thường niệm Quan Thế Âm Bồ Tát. Bà thường nhắc những chuyện linh cảm của Bồ Tát để khuyên dạy con cháu. Vì thế ông Brillan sớm đã có tin tưởng Bồ Tát. Lớn lên đi lính, lắm khi gặp việc bất tường ông thường niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, thời đều được toại nguyện. Lúc ông được bổ vào sở thủy phi thuyền thời ông đã lên chức Thiếu Úy.

Năm 1940 DL một hôm Thiếu Úy Brillan cùng với Đại Úy Touffan, Trung Úy Retourna, ba người ngồi phi thuyền ra đảo Côn Lôn.

Lúc trở về phi thuyền hư, nên đồng ngộ nạn ngoài biển khơi. Trong lúc nguy khốn chỉ còn dự bị để chờ chết vì sóng to chụp lên phi thuyền, mặc cho hai ông kia rối rít gọi nhau lo kế thoát khổ, Thiếu Úy chỉ cả tiếng kêu cầu Quan Thế Âm Bồ Tát. Chiếc phi thuyền vẫn lững đững lơ dờ trên lượn sóng đến mấy tiếng đồng hồ. Rất may, một chiếc tàu đánh cá của người Nhật bắt gặp.

Sau khi thông thang dây xuống cho ba người leo lên, chiếc phi thuyền liền chìm ! Toàn trên tau cả

khách lẫn chủ, ai cũng lấy làm lạ. Tại sao chiếc phi thuyền lúc có người thì mãi mấy giờ vẫn bập bênh không chìm, bây giờ không có người lại chìm liền như vậy ? Thiếu Úy lần lượt thuật sự linh cảm của Quan Thế Âm Bồ Tát, ngày trước cũng như vừa rồi ngộ nạn phi thuyền ông luôn kêu cầu Bồ Tát mà đều có ứng nghiệm. Chiếc phi thuyền kia đáng lẽ chìm liền khi sóng biển chụp lên, nhưng vẫn bập bênh chờ cả ba lên tàu rồi mới chìm đắm, đó phải chăng là do oai thần của Quan Thế Âm Bồ Tát cứu hộ ?

Nghe Thiếu Úy trình trọng giải bày, Đại Úy Touffan rất chú ý vì Đại Úy công nhận rằng chiếc phi thuyền lúc này không chìm là do một sự lạ lùng không thể có được, và nhớ rõ rằng Brillan chỉ một mặt chấp tay kêu gọi nhờ cầu cứu với một tiếng liêng nào, trong lúc ông và Trung Úy Retourna lính quính không tìm ra cách thoát thân.

Từ đó về sau, Đại Úy rất tín ngưỡng đạo Phật, và biết ơn đối với Quan Thế Âm Bồ Tát. Muốn tỏ lòng thành, Đại Úy cất một cái am thờ Phật rất trang nghiêm tại Cát Lái (làng Thanh Mỹ Lợi, tỉnh Gia Định). Thường ngày hai lần Đại Úy đến am dâng hoa chiêm ngưỡng. Thỉnh thoảng Đại Úy cũng có đến chùa Thiền Tôn cúng Phật trong những ngày lễ hay ngày Tam ngươn. Ông thường nhắc đến câu chuyện ngộ nạn phi thuyền trên đây và cũng vì đó mà ông tin Phật.

Hiện nay Đại Úy đã dời đi nơi khác, cái am đã biến thành trại xưởng, nhưng Cai Tham vẫn ghi rõ chuyện trên và thường thuật lại cho người khác nghe.

PHẬT THUYẾT
KINH KIM CANG
BÁT NHÃ BA LA MẬT

NGHI THỨC TỤNG
KINH KIM CANG
BÁT NHÃ BA LA MẬT

HƯƠNG TÁN

Lư hương sạ nhiệt,
Pháp giới môn huân.
Chư Phật hải hội tất diêu văn,
Tùy xứ kiết tường vân,
Thành ý phương ân,
Chư Phật hiện toàn thân.

NAM MÔ HƯƠNG VÂN CÁI BỒ TÁT (3 xưng)

TỊNH KHẨU NGHIỆP CHƠN NGÔN

Tu rị tu rị, ma ha tu rị tu tu rị, tát
bà ha. (7 biến)

TÌNH TAM NGHIỆP CHƠN NGÔN

Án ta phạ bà phạ, truật đà ta phạ, đạt
mạ ta phạ, bà phạ truật độ hám. (7 biến)

ÁN THỔ ĐỊA CHƠN NGÔN

Nam mô tam mãn đa một đà nẫm, án
độ rô độ rô, địa vĩ ta bà ha. (7 biến)

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN

Án nga nga nằng tam bà pha phiệt
nhật ra hồng. (7 biến)



PHỤNG THỈNH BÁT KIM CANG

Phụng thỉnh Thanh Trì Tai Kim Cang.

Phụng thỉnh Bích Độc Kim Cang.

Phụng thỉnh Huỳnh Tuyền Cầu Kim Cang.

Phụng thỉnh Bạch Tịnh Thủy Kim Cang.

Phụng thỉnh Xích Tinh Hỏa Kim Cang.

Phụng thỉnh Định Trì Tai Kim Cang.

Phụng thỉnh Tử Hiền Kim Cang.

Phụng thỉnh Đại Thần Kim Cang.

PHỤNG THỈNH TỨ BỒ TÁT

Phụng thỉnh Kim Cang Quyển Bồ Tát.

Phụng thỉnh Kim Cang Sách Bồ Tát.

Phụng thỉnh Kim Cang Ái Bồ Tát.

Phụng thỉnh Kim Cang Ngũ Bồ Tát.



PHÁT NGUYỆN VĂN

Khể thủ tam giới Tôn,
Quy mạng thập phương Phật,
Ngã kim phát hoằng nguyện,
Trì tụng Kim Cang Kinh,
Thượng báo tứ trọng ân,
Hạ tế tam đồ khổ,
Nhuộc hữu kiến văn giả,
Tất phát Bồ đề tâm,
Tận thử nhất báo thân,
Đồng sinh Cực lạc quốc.



VÂN HÀ PHẠM

Vân hà đặc trường thọ,
Kim Cang bất hoại thân,
Phục dĩ hà nhân duyên,
Đắc đại kiên cố lực,
Vân hà ư thủ kinh,
Cứu cánh đáo bỉ ngạn,
Nguyện Phật khai vi mật,
Quảng vị chúng sinh thuyết.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

(3 xưng)



KHAI KINH KÊ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chơn thiết nghĩa.

NAM MÔ KIM CANG BÁT NHÃ HỘI THƯỢNG
PHẬT BỒ TÁT

(3 xưng)



PHẬT THUYẾT

KINH KIM CANG

BÁT NHÃ BA LA MẬT

Dao Tần Tam Tạng Pháp sư
Cưu Ma La Thập dịch

1

Như thị ngã văn : Nhất thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại Tỳ kheo chúng thiên nhị bá ngũ thập nhân câu.

Nhĩ thời, Thế Tôn, thực thời, trước y trì bát, nhập Xá Vệ đại thành khát thực.

Ư kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hườn chí bốn xứ, phạn thực ngật thâu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa.

2

Thời Trưởng lão Tu Bồ đề tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên dẫn

PHẬT NÓI

KINH KIM CANG

BÁT NHÃ BA LA MẬT

Hán dịch, nhà Dao Tân,
Ngài Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập.

1.- PHÁP HỘI NHÂN DO

Ta nghe như vậy : Một lúc nọ, Đức Phật ở trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc tại nước Xá Vệ cùng với chúng đại Tỳ kheo một nghìn hai trăm năm mươi người câu hội. ⁽²⁾

Lúc đó, gần đến giờ ăn, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát vào thành lớn Xá Vệ mà khát thực.

Trong thành ấy Đức Phật theo thứ tự ghé từng nhà khát thực xong ⁽³⁾, trở về Tinh xá, dùng cơm rồi cất y bát, sau khi rửa chân xong, Đức Phật trải tòa mà ngồi.

2.- ÔNG TU BỒ ĐỀ THỪA HỎI ⁽⁴⁾

Bấy giờ, ông Trưởng lão Tu Bồ đề, ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo

hữu kiên, hữu tất trước địa hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn :

“Hy hữu Thế Tôn ! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát ! Thế Tôn ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề tâm, vân hà ứng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm ?”.

Phật ngôn : “Thiện tai ! Thiện tai ! Tu Bồ đề ! Như nhữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát.

Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề tâm, ứng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm”.

- Duy nhiên, Thế Tôn ! Nguyện nhạo dục văn.

3

Phật cáo Tu Bồ đề : “Chư Bồ Tát Ma ha tát, ứng như thị, hàng phục kỳ tâm :

bên vai hữu, gối bên hữu quỳ sát đất, cung kính chấp tay mà bạch cùng Đức Phật rằng :

“Hy hữu thay Đức Thế Tôn ! Đức Như Lai khéo hay hộ niệm ⁽⁵⁾ các vị Bồ Tát và khéo hay phó chúc ⁽⁶⁾ cho các vị Bồ Tát !

Bạch Đức Thế Tôn ! Trang thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời phải trụ tâm như thế nào, nên hàng phục tâm mình như thế nào ?”

Đức Phật dạy : Hay thay ! Hay thay ! Nay Tu Bồ đề ! Đúng như lời của ông vừa nói. Đức Như Lai khéo hay hộ niệm các vị Bồ Tát và khéo hay phó chúc cho các vị Bồ Tát.

Nay ông nên lắng nghe. Ta sẽ vì ông mà nói. Trang thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải trụ tâm như thế này, phải hàng phục tâm mình như thế này”.

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn ! Con xin vui thích muốn nghe.

3.- ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ đề : “Các vị đại Bồ Tát phải hàng phục tâm mình như thế

Sở hữu nhất thiết chúng sinh chi loại, nhược noãn sinh, nhược thai sinh, nhược thấp sinh, nhược hóa sinh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng, phi vô tướng, ngã giai linh nhập Vô dư Niết Bàn, nhi diệt độ chi.

Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh, thiết vô chúng sinh, đắc diệt độ giả.

Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát.

4

Phục thứ, Tu Bồ đề ! Bồ Tát ư pháp, ưng vô sở trụ, hành ư bố thí.

Sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí.

này : Bao nhiêu những loài chúng sinh, hoặc là loài noãn sinh, hoặc loài thai sinh, hoặc loài thấp sinh, hoặc loài hóa sinh, hoặc loài có hình sắc, hoặc loài không hình sắc, hoặc loài có tư tưởng, hoặc loài không tư tưởng, hoặc loài chẳng phải có tư tưởng mà cũng chẳng phải không tư tưởng ⁽⁷⁾ thời Ta đều diệt độ đó mà làm cho vào nơi Vô dư Niết Bàn ⁽⁸⁾.

Diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sinh như thế, mà thiệt không có chúng sinh là kẻ được diệt độ.

Tại sao vậy ? Này Tu Bồ đề ! Nếu vị Bồ Tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả thời chẳng phải là Bồ Tát.

4.- DIỆT HẠNH VÔ TRỤ

Tu Bồ đề ! Lại nữa, vị Bồ Tát, đúng nơi pháp, phải nên không có chỗ trụ trước mà làm việc bố thí.

Nghĩa là không trụ trước nơi hình sắc mà bố thí, không trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc pháp mà bố thí ⁽⁹⁾.

Tu Bồ đề ! Bồ Tát ứng như thị bố thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố ?

Nhược Bồ Tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lượng.

Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Đông phương hư không khả tư lượng phủ ?

- Phát dã, Thế Tôn !

- Tu Bồ đề ! Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy thượng, hạ hư không khả tư lượng phủ ?

- Phát dã, Thế Tôn !

- Tu Bồ đề ! Bồ Tát vô trụ tướng bố thí, phước đức diệt phục như thị, bất khả tư lượng.

Tu Bồ đề ! Bồ Tát dân ứng như sở giáo trụ.

Này Tu Bồ đề ! Vị Bồ Tát phải nên bố thí như thế, chẳng trụ trước nơi tướng. Tại vì sao ?

Vì nếu vị Bồ Tát không trụ trước nơi tướng mà bố thí thời phước đức nhiều không thể suy lường.

Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ sao ? Có thể suy lường được cõi hư không ở phương Đông chẳng ?

- Bạch Đức Thế Tôn không thể suy lường được.

- Tu Bồ đề ! Có thể suy lường được cõi hư không ở phương Nam, Tây, Bắc, cõi hư không ở bốn hướng cạnh ⁽¹⁰⁾ và cõi hư không ở trên, dưới chẳng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không thể suy lường được.

Tu Bồ đề ! Vị Bồ Tát không trụ trước nơi tướng mà bố thí, thời phước đức cũng lại như thế, không thể suy lường được.

Tu Bồ đề ! Vị Bồ Tát chỉ phải nên đúng như lời Ta đã dạy đó mà trụ.

5

Tu Bồ đề ! Ủ ý vân hà ? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ ?

- Phát dã, Thế Tôn ! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố ? Như Lai sở thuyết thân tướng, tức phi thân tướng.

Phật cáo Tu Bồ đề : “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”.

6

Tu Bồ đề bạch Phật ngôn : “Thế Tôn ! Phả hữu chúng sinh, đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú, sinh thiết tín phủ ?”

Phật cáo Tu Bồ đề : “Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bá tuế hữu trì giới tu phước giả, ư thủ chương cú, năng sinh tín tâm, dĩ thủ vi thiết, đương tri thị nhân, bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam, tứ, ngũ Phật, nhi

5.- THẤY CHƠN THIỆT ĐÚNG LÝ

- Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ sao ? Có thể do nơi thân tướng mà thấy Như Lai chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không thể do nơi thân tướng mà đặng thấy Như Lai. Bởi vì sao ? Vì Đức Như Lai nói thân tướng đó chính là chẳng phải thân tướng ⁽¹¹⁾.

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề : Phàm hề có tướng đều là hư vọng cả. Nếu nhận thấy các tướng đều là không phải các tướng, chính là thấy Như Lai”.

6.- CHÁNH TÍN RẤT HY HỮU

Ông Tu Bồ đề bạch cùng Đức Phật rằng : Bạch Đức Thế Tôn ! Như có chúng sinh nào đặng nghe những câu bài giảng giải như vậy, có sinh lòng tin thiệt chăng ?”

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề : Ông chớ nói lời ấy ! Sau khi Đức Như Lai diệt độ, năm trăm năm cuối sau, có người trì giới tu phước có thể sinh lòng tin nơi những câu trong bài này mà cho đó là thiệt. Thời phải biết rằng người ấy chẳng phải chỉ vun trồng căn lành nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật, mà

chúng thiện căn, dĩ ư vô lượng, thiên vạn Phật sở, chúng chư thiện căn.

Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm, sinh tịnh tín giả. Tu Bồ đề ! Như Lai, tất tri tất kiến, thị chư chúng sinh, đắc như thị vô lượng phước đức. Hà dĩ cố ?

Thị chư chúng sinh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng, diệt vô phi pháp tướng. Hà dĩ cố ?

Thị chư chúng sinh nhược tâm thủ tướng, tác vi trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả,

Nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Hà dĩ cố ?

Nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, thị cố bất ứng thủ pháp, bất ứng thủ phi pháp.

Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết : Như đẳng Tỳ kheo, tri ngã thuyết pháp, như phiệt dụ giả. Pháp thượng ứng xả hà huống phi pháp !

người đó đã vun trồng căn lành từ nơi vô lượng nghìn muôn Đức Phật rồi.

Như có ai nghe những câu bài này sinh lòng tin trong sạch hẳn đến chừng trong khoảng một niệm. Tu Bồ đề ! Đức Như Lai đều thấy đều biết những chúng sinh đó đang phước đức vô lượng dường ấy. Tại vì sao ?

Vì những chúng sinh đó không còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, không có tướng pháp, cũng không có tướng phi pháp. Tại vì sao ?

Vì những chúng sinh đó nếu trong lòng chấp tướng thời chính là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Nếu chấp tướng pháp thời chính là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả và vì nếu chấp tướng phi pháp thời cũng chính là chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, vì thế cho nên chẳng nên chấp pháp và chẳng nên chấp phi pháp.

Cũng bởi nghĩa đó Đức Như Lai thường dạy rằng : Nay các ông Tỳ Kheo, các ông phải biết pháp của Ta nói ra đó dụ cũng như thuyền bè ⁽¹²⁾ đến pháp còn phải xả bỏ hướng nữa là phi pháp ! ⁽¹³⁾

7

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề gia ? Như Lai hữu sở thuyết pháp gia ?

Tu Bồ đề ngôn : “Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp, danh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề, diệt vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết.

Hà dĩ cố ? Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà ?

Nhất thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt”.

8

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Nhược nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhân sở đắc phước đức, ninh vi đa phủ ?

7.- VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ thế nào ? Đức Như Lai có chứng đẳng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng ? Đức Như Lai có nói pháp chăng ?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Như con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thời không có pháp nhất định nào gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định nào mà Đức Như Lai có thể nói được.

Bởi vì sao ? Vì pháp của Đức Như Lai nói đều không thể vin lấy, không thể nói được, chẳng phải pháp, chẳng phải không phải pháp. Tại vì sao ?

Vì tất cả Hiền Thánh đều do nơi pháp vô vi mà có từng bậc khác nhau”.⁽¹⁴⁾

8.- Y PHÁP XUẤT SINH CÔNG ĐỨC

Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ thế nào ? Như có người đem bảy thứ báu đầy cả cõi tam thiên đại thiên thế giới để làm việc bố thí, phước đức của người đó đáng có nhiều hay chăng ?

Tu Bồ đề ngôn : “Thậm đa, Thế Tôn ! Hà dĩ cố ? Thị phước đức tức phi phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa”.

Nhược phục hữu nhân, ư thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thắng bỉ.

Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Nhất thiết chư Phật cập chư Phật A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề pháp, giai tùng thử kinh xuất.

Tu Bồ đề ! Sở vị Phật pháp giả, tức phi Phật pháp.

9

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Tu Đà Hoàn năng tác thị niệm : Ngã đắc Tu Đà Hoàn quả phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : “Phát dã, Thế Tôn !

Hà dĩ cố ? Tu Đà Hoàn danh vi Nhập lưu, nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu Đà Hoàn”.

Tu Bồ đề bạch rằng : Bạch Đức Thế Tôn rất nhiều ! Tại làm sao ? Vì phước đức đó chính là không phải thật phước đức cho nên Đức Như Lai nói là phước đức nhiều”

Còn như có người nơi trong Kinh này nhấn đến thọ trì một bài kệ bốn câu v.v... lại giảng nói cho người khác thời phước đức này trội hơn phước đức trước.

Bởi vì sao ? Nay Tu Bồ đề ! Tất cả các Đức Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Đức Phật đều từ Kinh này mà có ra.

Nay Tu Bồ đề ! Phật pháp nói đó chính chẳng phải là Phật pháp.

9.- NHẤT TUỞNG KHÔNG CÓ TUỞNG ⁽¹⁵⁾

Tu Bồ đề ! Vì Tu Đà Hoàn có thể tự nghĩ là mình chứng đẳng quả Tu Đà Hoàn chăng ? ⁽¹⁶⁾

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn không thể dạng !

Bởi vì sao ? Vì vị Tu Đà Hoàn gọi là bậc Nhập Lưu, mà chính không nhập vào nơi đâu, chẳng vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đó gọi là Tu Đà Hoàn”.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Tư Đà Hàm năng tác thị niệm : Ngã đắc Tư Đà Hàm quả phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : “Phát dã, Thế Tôn !

Hà dĩ cố ? Tư Đà Hàm danh Nhất Vãng Lai, nhi thiết vô vãng lai, thị danh Tư Đà Hàm”.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? A Na Hàm năng tác thị niệm : Ngã đắc A Na Hàm quả phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : “Phát dã, Thế Tôn !

Hà dĩ cố ? A Na Hàm danh vi Bất Lai, nhi thiết vô bất lai, thị cố danh A Na Hàm”.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? A La Hán năng tác thị niệm : Ngã đắc A La Hán đạo phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : “Phát dã, Thế Tôn !

Hà dĩ cố ? Thiết vô hữu pháp danh A La Hán.

- Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ thế nào ? Vì Tu Đà Hàm có thể tự nghĩ rằng mình đang quả Tu Đà Hàm chăng ?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn không thể đang !

Bởi vì sao ? Vì vị Tu Đà Hàm gọi là bậc Nhất Vãng Lai, mà thiết không có vãng lai, đó gọi là Tu Đà Hàm”.

- Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ thế nào ? Vì A Na Hàm có thể tự nghĩ rằng mình đang quả A Na Hàm chăng ?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn không thể đang !

Bởi vì sao ? Vì vị A Na Hàm gọi là bậc Bất Lai, mà thiết không có tướng bất lai cho nên gọi là A Na Hàm”.

- Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ thế nào ? Vì A La Hán có thể tự nghĩ rằng mình đang đạo A La Hán chăng ?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn không thể đang !

Bởi vì sao ? Vì thiết không có pháp chi gọi là A La Hán.

Thế Tôn ! Nhược A La Hán tác thị niệm : Ngã đắc A La Hán đạo, tức vi trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Thế Tôn ! Phật thuyết ngã đắc Vô tránh tam muội, nhân trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A La Hán. Thế Tôn ! Ngã bất tác thị niệm, ngã thị ly dục A La Hán.

Thế Tôn ! Ngã nhược tác thị niệm : Ngã đắc A La Hán đạo, Thế Tôn, tức bất thuyết Tu Bồ đề thị nhạo a lan na hạnh giả. Dĩ Tu Bồ đề thiết vô sở hành, nhi danh Tu Bồ đề thị nhạo a lan na hạnh”.

10

Phật cáo Tu Bồ đề : “Ư ý vân hà ? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp hữu sở đắc phủ ?”.

- Phát dã, Thế Tôn, Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thiết vô sở đắc.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ ?

Bạch Đức Thế Tôn ! Nếu như vị A La Hán nghĩ thế này : Ta đang đạo A La Hán, thời chính là chấp trước tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Bạch Đức Thế Tôn ! Đức Phật dạy rằng con đang môn Vô tránh tam muội ⁽¹⁷⁾ là bậc nhất trong mọi người, là bậc A La Hán ly dục thứ nhất.

Bạch Đức Thế Tôn ! Nếu con tự nghĩ rằng : Mình đang đạo A La Hán, thời chắc Đức Thế Tôn chẳng nói Tu Bồ đề là người ưa hạnh tịch tịnh. Bởi Tu Bồ đề thiết không móng niệm, mới gọi Tu Bồ đề là ưa hạnh tịch tịnh”.

10.- TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề : “Ý của ông nghĩ thế nào ? Thuở xưa hồi ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, Đức Như Lai có chỗ đang nơi pháp chẳng ?”

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không ! Hồi ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, nơi pháp Đức Như Lai thiết không chỗ đang.

- Nay Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ thế nào ? Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ chẳng ?

- Phát dã, Thế Tôn ! Hà dĩ cố ?
Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang
nghiêm, thị danh trang nghiêm.

Thị cố, Tu Bồ đề ! Chư Bồ Tát Ma
ha tát ứng như thị sinh thanh tịnh tâm;
bất ứng trụ sắc sinh tâm, bất ứng trụ
thinh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm,
ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.

- Tu Bồ đề ! Thí như hữu nhân thân
như Tu Di Sơn vương. Ư ý vân hà ? Thị
thân vi đại phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : “Thậm đa, Thế Tôn.
Hà dĩ cố ? Phật thuyết phi thân, thị
danh đại thân”.

11

- Tu Bồ đề ! Như hằng hà trung sở
hữu sa số, như thị sa đẳng hằng hà, ư ý
vân hà ? Thị chư hằng hà sa, ninh vi đa
phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : “Thậm đa, Thế Tôn !
Đản chư hằng hà, thượng đa vô số, hà
huống kỳ sa ?”.

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không, tại vì sao ? Vì trang nghiêm Phật độ đó, chính chẳng phải trang nghiêm, đó gọi là trang nghiêm.

- Nay Tu Bồ đề ! Vì thế các vị đại Bồ Tát phải nên sinh tâm thanh tịnh như vậy : Chẳng nên trụ trước nơi sắc mà sinh tâm, chẳng nên trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc và pháp mà sinh tâm, nên không chỗ trụ trước mà sinh tâm thanh tịnh kia.

- Nay Tu Bồ đề ! Ví như có người thân như núi chúa Tu Di ⁽¹⁸⁾, ý của ông nghĩ thế nào ? Thân của người đó có lớn chăng ?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Rất lớn ! Bởi vì sao ? Vì Đức Phật nói chẳng phải thân, đó gọi là thân lớn”.

11.- PHƯỚC ĐỨC VÔ VI THÙ THẮNG

- Tu Bồ đề ! Như trong sông Hằng có bao nhiêu số cát, số sông Hằng lại đồng như số cát đó. Ý của ông nghĩ thế nào ? Số cát trong những sông Hằng đó chừng có nhiều chăng ?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : Bạch Đức Thế Tôn ! Rất nhiều ! Nội những sông Hằng đã là nhiều vô số rồi, huống nữa là số cát trong sông ?”

Tu Bồ đề ! Ngã kim thiệt ngôn cáo nhữ. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới dĩ dụng bố thí, đắc phước đa phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : “Thậm đa, Thế Tôn !”.

Phật cáo Tu Bồ đề : “Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, nhi thử phước đức, thắng tiền phước đức”.

12

- Phục thứ, Tu Bồ đề ! Tùy thuyết thị kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ nhất thiết thế gian; Thiên, nhân, A-tu-la giai ứng cúng dường chư Phật tháp miếu. Hà hướng hữu nhân tận năng thọ trì đọc tụng.

Tu Bồ đề ! Đương tri thị nhân, thành tựu tối thượng đệ nhất hy hữu chi pháp.

Nhược thị kinh diễn sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử”.

Này Tu Bồ đề ! Nay Ta nói thật mà bảo ông. Nếu có trang nam tử, người nữ nhân nào đem bảy thứ báu đầy cả ngân ấy hàng hà sa số cõi tam thiên đại thiên để làm việc bố thí, người đó đặng phước có nhiều không ?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Rất nhiều”.

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề : “Nơi trong Kinh này, nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào thọ trì nhĩn đến một bài kệ bốn câu v.v... và giảng nói cho người khác nghe, thời phước đức này hơn phước đức trước kia”.

12.- TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

Này Tu Bồ đề ! Lại nữa, tùy chỗ nào giảng nói kinh này nhĩn đến một bài kệ bốn câu v.v... phải biết chỗ đó, tất cả Trời, Người, A-tu-la v.v... trong đời đều nên cúng dường như là tháp miếu thờ Đức Phật. Huống nữa là có người nào hay thọ trì đọc tụng trọn cả Kinh này !

Này Tu Bồ đề ! Phải biết người ấy thành tựu pháp tối thượng hy hữu bậc nhất.

Còn nếu kinh điển này ở tại chỗ nào, thời chỗ đó chính là có Đức Phật, hoặc có hàng tôn trọng đệ tử của Phật. ⁽¹⁹⁾

13

Nhĩ thời Tu Bồ đề bạch Phật ngôn :
“Thế Tôn ! Đương hà danh thử kinh ? Ngã
đẳng vân hà phụng trì ?”.

Phật cáo Tu Bồ đề : Thị kinh danh vi
“Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật”, dĩ thị
danh tự như đương phụng trì.

Sở dĩ giả hà ? Tu Bồ đề ! Phật thuyết
Bát nhã Ba la mật, tức phi Bát nhã Ba la
mật, thị danh Bát nhã Ba la mật.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai hữu
sở thuyết pháp phủ ?

Tu Bồ đề bạch Phật ngôn : “Thế Tôn !
Như Lai vô sở thuyết”.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Tam thiên
dại thiên thế giới sở hữu vi trần, thị vi đa
phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : “Thậm đa, Thế Tôn”.

- Tu Bồ đề ! Chư vi trần, Như Lai
thuyết phi vi trần, thị danh vi trần. Như
Lai thuyết thế giới, phi thế giới, thị danh
thế giới.

13.- THỌ TRÌ ĐÚNG NHƯ PHÁP

Bấy giờ ông Tu Bồ đề bạch Đức Phật rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Tên gọi kinh này là gì ? Chúng con phải phụng trì thế nào ?”

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề rằng : “Kinh này tên là “Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật”; ông nên theo danh tự ấy mà phụng trì.

Bởi vì sao ? Nay Tu Bồ đề ! Đức Phật nói Bát Nhã Ba La Mật, chính chẳng phải Bát Nhã Ba La Mật, đó gọi là Bát Nhã Ba La Mật.

Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ thế nào ? Đức Như Lai có chỗ nói pháp chẳng ?

Ông Tu Bồ đề bạch Phật rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Đức Như Lai không chỗ nói pháp”.

- Tu Bồ đề ! Ý của ông nghĩ thế nào ? Bao nhiêu vi trần trong cõi tam thiên đại thiên, thế là nhiều chăng ? ⁽²⁰⁾

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Rất nhiều”.

Nay Tu Bồ đề ! Những vi trần ấy, Đức Như Lai nói chẳng phải vi trần, đó gọi là vi trần. Đức Như Lai nói thế giới chẳng phải thế giới, đó gọi là thế giới.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ ?

- Phát dã, Thế Tôn ! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai.

Hà dĩ cố ? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng,

- Tu Bồ đề ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ hằng hà sa đẳng thân mạng bố thí.

Nhược phục hữu nhân ư thủ kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thậm đa.

14

Nhĩ thời, Tu Bồ đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp nhi bạch Phật ngôn :

“Hy hữu Thế Tôn ! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã từng tích lai sở đắc huệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi kinh”.

Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng ? ⁽²¹⁾

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không - Chẳng có thể do ba mươi hai tướng mà đặng thấy Như Lai.

Bởi vì sao ? Đức Như Lai nói ba mươi hai tướng chính chẳng phải tướng, đó gọi là ba mươi hai tướng.

- Tu Bồ đề ! Như có trang thiện nam, người thiện nữ nào đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí.

Nếu lại có người theo trong Kinh này mà thọ trì nhận đến bài kệ bốn câu v.v... mà giảng nói cho người khác nghe, thời phước của người này nhiều hơn người trên.

14.- VẮNG TẶNG LÀ TƯỚNG

Bấy giờ, ông Tu Bồ đề nghe Đức Phật nói Kinh này, thời ông hiểu thấu nghĩa thú ⁽²²⁾ của kinh, nên ông buồn khóc mà bạch với Đức Phật rằng :

“Hy hữu thay Đức Thế Tôn ! Đức Phật nói kinh điển rất sâu xa dường ấy, từ ngày đặng huệ nhận đến nay, con chưa từng được nghe Kinh điển như thế này”.

Thế Tôn ! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh tức sinh thiết tướng.

Đương tri thị nhân, thành tựu đệ nhất hy hữu công đức.

Thế Tôn ! Thị thiết tướng giả, tức thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thiết tướng.

Thế Tôn ! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì, bất tức vi nan.

Nược đương lai thế, hậu ngũ bá tuế, kỳ hữu chúng sinh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tức vi đệ nhất hy hữu.

Hà dĩ cố ? Thử nhân vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng.

Sở dĩ giả hà ? Ngã tướng tức thị phi tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, tức thị phi tướng.

Hà dĩ cố ? Ly nhất thiết chư tướng, tức danh chư Phật.

Phật cáo Tu Bồ đề : “Như thị ! Như thị ! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh,

Bạch Đức Thế Tôn ! Nếu lại có người nào dặng nghe kinh này mà có lòng tin thanh tịnh, thời chính là sinh thiết tướng.

Phải biết người ấy thành tựu công đức hy hữu bậc nhất.

Bạch Đức Thế Tôn ! Thiết tướng đó chính chẳng phải tướng, cho nên Đức Như Lai gọi là thiết tướng.

Bạch Đức Thế Tôn ! Nay con dặng nghe kinh điển thế này, con tin hiểu thọ trì, chẳng đủ lấy làm khó.

Nếu khoảng năm trăm năm rốt sau ở đời tương lai, mà có chúng sinh nào dặng nghe kinh này rồi tin hiểu thọ trì, thời người ấy chính là hy hữu bậc nhất.

Bởi vì sao ? Người ấy không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sinh, không có tướng thọ giả.

Vì sao thế ? Vì tướng ngã chính là không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, chính là không phải tướng.

Bởi vì sao ? Vì rời lìa tất cả tướng chính đó gọi là chư Phật.

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề : “Đúng thế ! Đúng thế ! Lại như có người dặng nghe kinh

bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri thị nhân, thậm vi hy hữu.

Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Như Lai thuyết đệ nhất Ba la mật, tức phi đệ nhất Ba la mật, thị danh đệ nhất Ba la mật.

Tu Bồ đề ! Nhẫn nhục Ba la mật, Như Lai thuyết phi nhẫn nhục Ba la mật, thị danh nhẫn nhục Ba la mật.

Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Như ngã tích vị Ca Lợi Vương cát triệt thân thể. Ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng.

Hà dĩ cố ? Ngã ư vãng tích, tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, ưng sinh sân hận.

Tu Bồ đề ! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bá thể tác nhẫn nhục Tiên nhân.

Ư nhĩ sở thể, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng.

này mà lòng không kinh hãi, không e sợ, không nhút nhát, thời phải biết người đó rất là hy hữu.

Bởi vì sao ? Đây Tu Bồ đề ! Đức Như Lai nói môn Ba la mật thứ nhất, chính chẳng phải môn Ba la mật thứ nhất, đó gọi là môn Ba la mật thứ nhất.

Đây Tu Bồ đề ! Môn Nhẫn nhục ba la mật, Đức Như Lai nói chẳng phải Nhẫn nhục Ba la mật, đó gọi là Nhẫn nhục Ba la mật.

Bởi vì sao ? Đây Tu Bồ đề ! Như Ta thuở xưa bị vua Ca Lợi chặt đứt thân thể ⁽²³⁾ Trong lúc đó Ta không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sinh, không có tướng thọ giả.

Vì sao vậy ? Vì thuở xưa, trong lúc thân thể bị chặt rời rã đó, nếu Ta có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, thời lẽ ra Ta móng lòng hờn giận.

Đây Tu Bồ đề ! Ta lại nhớ hồi thuở quá khứ, trong năm trăm đời Ta làm vị Tiên nhẫn nhục.

Trong bao nhiêu đời đó, Ta không tướng ngã, không tướng nhân, không tướng chúng sinh, không tướng thọ giả.

Thị cố, Tu Bồ đề ! Bồ Tát ứng ly nhất thiết tướng, phát A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề tâm.

Bất ứng trụ sắc sinh tâm, bất ứng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm. Ứng sinh vô sở trụ tâm.

Nhược tâm hữu trụ, tức vi phi trụ. Thị cố Phật thuyết Bồ Tát tâm, bất ứng trụ sắc bố thí.

Tu Bồ đề ! Bồ Tát vị lợi ích nhất thiết chúng sinh cố, ứng như thị bố thí. Như Lai thuyết nhất thiết chư tướng, tức thị phi tướng, hựu thuyết nhất thiết chúng sinh tức phi chúng sinh.

Tu Bồ đề ! Như Lai thị chân ngữ giả, thiệt ngữ giả, như ngữ giả, bất cưỡng ngữ giả, bất dị ngữ giả.

Tu Bồ đề ! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thiệt vô hư.

Tu Bồ đề ! Nhược Bồ Tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí, như nhân nhập ám, tức vô sở kiến.

Tu Bồ đề ! Vì thế nên Bồ Tát phải rời lia tất cả tướng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chẳng nên trụ trước nơi sắc mà sinh tâm, chẳng nên trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sinh tâm. Nên sinh tâm không trụ trước vào đâu cả

Nếu như tâm có trụ, chính là không phải trụ; cho nên Đức Phật nói tâm của Bồ Tát chẳng nên trụ trước nơi sắc mà bố thí.

Này Tu Bồ đề ! Bồ Tát vì lợi ích cho tất cả chúng sinh nên phải bố thí như thế. Đức Như Lai nói tất cả các tướng, chính là không phải tướng, lại nói tất cả chúng sinh, chính là chẳng phải chúng sinh.

Này Tu Bồ đề ! Đức Như Lai là bậc nói lời chân chính, lời chắc thiết, lời đúng đắn, lời không phỉnh phờ, lời không sai khác.

Này Tu Bồ đề ! Pháp của Đức Như Lai chứng đẳng, pháp ấy không thiết không hư. ⁽²⁴⁾

Này Tu Bồ đề ! Nếu tâm của Bồ Tát trụ trước nơi pháp mà làm việc bố thí, thời như người vào chỗ tối tăm liền không thấy dạng chi cả.

Nhược Bồ Tát tâm trụ pháp nhị hành
bố thí, như ân hữu mục, nhật quang minh
chiếu kiến chủng chủng sắc.

Tu Bồ đề ! Đương lai chi thế, nhược
hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, năng ư
thử kinh thọ trì độc tụng, tức vi Như Lai,
đĩ Phật trí huệ, tất tri thị nhân, tất kiến
thị nhân, giai đắc thành tựu vô lượng vô
biên công đức.

15

Tu Bồ đề ! Nhược hữu thiện nam tử,
thiện nữ nhân, sơ nhật phần dĩ Hằng hà
sa đẳng thân bố thí, trung nhật phần
phục dĩ Hằng hà sa đẳng thân bố thí, hậu
nhật phần diệc dĩ Hằng hà sa đẳng thân
bố thí, như thị vô lượng bá thiên vạn ức
kiếp, dĩ thân bố thí.

Nhược phục hữu nhân văn thử kinh
diễn tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng
bĩ. Hà huống thơ tả, thọ trì độc tụng, vi
nhân giải thuyết.

Nếu tâm của Bồ Tát, không trụ trước nơi pháp mà làm việc bố thí, thời như người có mắt sáng, lại có ánh sáng của mặt trời chiếu đến liền thấy các thứ hình sắc.

Này Tu Bồ đề ! Về đời đường lai, nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào có thể thọ trì đọc tụng kinh này, liền được Đức Như Lai dùng trí huệ của Phật đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, thấy đều đặn thành tựu công đức vô lượng vô biên.

15.- CÔNG ĐỨC TRÌ KINH

Này Tu Bồ đề ! Nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào vào khoảng buổi sáng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố thí, vào khoảng buổi trưa lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố thí, vào khoảng buổi chiều cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng để bố thí; trong vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp đem thân mạng bố thí như thế.

Lại như có người nào nghe Kinh điển này mà sinh lòng tin không trái, thời phước của người này hơn phước của người trước kia, huống chi là biên chép, thọ trì, đọc tụng, nói cho người khác nghe !

Tu Bồ đề ! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xúng lượng vô biên công đức.

Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát Tối thượng thừa giả thuyết.

Nhược hữu nhân năng thọ trì, độc tụng, quảng vị nhân thuyết Như Lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xúng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công đức.

Như thị nhân đẳng tác vi hà đảm Như Lai A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính thọ, độc tụng vị nhân giải thuyết.

Tu Bồ đề ! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A-tu-la sở ứng cúng dường.

Này Tu Bồ đề ! Tóm tắt mà nói đó, thời kinh này có vô biên công đức không thể nghĩ bàn, không thể cân lường đặng.

Đức Như Lai vì người phát tâm Đại thừa mà nói, vì người phát tâm Tối thượng thừa mà nói.

Như có người nào có thể thọ trì, đọc tụng giảng nói rộng ra cho người khác nghe, thời Đức Như Lai đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, thấy đều đặng thành tựu công đức không thể lường đặng, không thể cân đặng, không có ngăn mé, không thể nghĩ bàn đặng.

Những người như thế chính là người gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Đức Như Lai.

Bởi vì sao ? Này Tu Bồ đề ! Vì nếu người nào ham ưa pháp Tiểu thừa chấp trước tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, thời ở nơi kinh này, người ấy không thể nghe nhận, đọc tụng và giảng nói cho người khác nghe được.

Này Tu Bồ đề ! Nếu những nơi chỗ nào mà có kinh này, thời tất cả Trời, Người, A-tu-la... trong đời đều nên cúng dường.

Đương tri thử xứ, tức vi thị tháp giai
ưng cung kính, tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa
hương, nhi tán kỳ xứ.

16

Phục thứ, Tu Bồ đề ! Nhược thiện nam
tử, thiện nữ nhân thọ trì, độc tụng thử
kinh, nhược vi nhân khinh tiện, thị nhân
tiên thế tội nghiệp, ưng đọa ác đạo, dĩ
kim thế nhân khinh tiện cố, tiên thế tội
nghiệp tức vi tiêu diệt, đương đắc A Nậu
Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

Tu Bồ đề ! Ngã niệm quá khứ vô lượng
a tăng kỳ kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiền,
đắc trì bát bá tứ thiên vạn ức na do tha
chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự vô
không quá giả.

Nhược phục hữu nhân, ư hậu mạng thế,
năng thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc
công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật
công đức, bá phần bất cập nhất, thiên vạn
ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất
năng cập.

Phải biết chỗ đó chính là tháp thờ Đức Phật, đều phải cung kính lễ lạy đi nhiều quanh ⁽²⁵⁾ đem các món hoa hương mà rải trên chỗ đó.

16.- SẠCH TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG

Lại nữa, này Tu Bồ đề ! Như trang nam tử, người nữ nhân nào thọ trì đọc tụng kinh này, hoặc lại bị người khinh tiện; tội nghiệp đã gây ra trong đời trước, người ấy đáng lẽ sẽ phải đọa vào ác đạo, nhưng bởi trong đời nay bị người khinh tiện, nên tội nghiệp đã gây ra trong đời trước đó liền được tiêu diệt, người ấy sẽ đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu Bồ đề ! Ta nhớ lại hồi thuở trước Đức Phật Nhiên Đăng ra đời vô lượng vô số kiếp về quá khứ, Ta gặp đặng tám trăm bốn nghìn muôn ức na do tha các Đức Phật, lúc ấy Ta thấy đều hầu hạ cúng dường, không có lòng bỏ qua.

Về đời mạt thế sau này, nếu lại có người hay thọ trì đọc tụng kinh này, thời công đức của những người ấy, đặng công đức cúng dường các Đức Phật của Ta trong thuở trước sánh không bằng một phần trăm, một phần nghìn muôn ức, cho đến tính đếm thí dụ đều chẳng bằng được.

Tu Bồ đề ! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư hậu mạng thế, hữu thọ trì độ tụng thủ kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn, tâm tác cuồng loạn, hồ nghi bất tín.

Tu Bồ đề ! Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệt bất khả tư nghị.

17

Nhĩ thời, Tu Bồ đề bạch Phật ngôn : “Thế Tôn ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề tâm, vân hà ứng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm ?”.

Phật cáo Tu Bồ đề : “Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề tâm giả, đương sinh như thị tâm : Ngã ứng diệt độ nhất thiết chúng sinh, diệt độ nhất thiết chúng sinh dĩ, nhi vô hữu nhất chúng sinh thiết diệt độ giả.

Này Tu Bồ đề ! Về đời mạt thế sau này, nếu có trang thiện nam, người thiện nữ nào thọ trì đọc tụng Kinh này, công đức của những người đây đặng, nếu Ta nói đủ hết cả ra, hoặc có kẻ nghe đó, trong lòng liền cuống loạn nghi ngờ không tin.

Này Tu Bồ đề ! Phải biết rằng vì nghĩa lý của Kinh này không thể nghĩ bàn được nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn được.

17.- RỐT RÁO KHÔNG NGÃ

Bấy giờ, ông Tu Bồ đề bạch với Đức Phật: “Bạch Đức Thế Tôn ! Trang thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải trụ tâm như thế nào, phải hàng phục tâm mình như thế nào ?”

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề : “Trang thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó, thời phải sinh tâm như vậy : Ta phải diệt độ tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh xong, mà không có một chúng sinh nào thiệt diệt độ.

Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát.

Sở dĩ giả hà ? Tu Bồ đề ! Thiết vô hữu pháp, phát A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề tâm giả.

Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề phủ ?

- Phát dã, Thế Tôn ! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu pháp đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

Phật ngôn : “Như thị ! Như thị ! Tu Bồ đề ! Thiết vô hữu pháp, Như Lai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

Tu Bồ đề ! Nhược hữu pháp Như Lai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề giả, Nhiên Đăng Phật tức bất dữ ngã thọ ký :

- “Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”.

Bởi vì sao ? Này Tu Bồ đề ! Nếu Bồ Tát có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, thời chính là, chẳng phải Bồ Tát.

Vì có sao ? Này Tu Bồ đề ! Vì thiết ra không có pháp chi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả !

Tu Bồ đề ! Nơi ý ông nghĩ thế nào ? Ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai có pháp chi đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không, như chỗ con hiểu nghĩa lý của Đức Phật nói, thời Đức Phật ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng không có pháp chi đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy rằng : “Đúng thế ! Đúng thế ! Này Tu Bồ đề ! Thiết không có pháp chi Đức Như Lai đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu Bồ đề ! Nếu có pháp Đức Như Lai đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời Đức Phật Nhiên Đăng bèn chẳng thọ ký cho Ta rằng :

“Ông ở đời sau sẽ được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni”.

Dĩ thiết vô hữu pháp, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dĩ ngã thọ ký, tác thị ngôn :

“Như ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”.

Hà dĩ cố ? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa.

Nhược hữu nhân ngôn : “Như Lai đắc A Nậu Đa La tam miệu tam Bồ đề”.

Tu Bồ đề ! Thiết vô hữu Pháp, Phật đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

Tu Bồ đề ! Như Lai sở đắc A Nậu Đa La tam miệu tam Bồ đề, ư thị trung vô thiết vô hư, thị cố Như Lai thuyết nhất thiết pháp, giai thị Phật pháp.

Tu Bồ đề ! Sở ngôn nhất thiết pháp giả, tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp.

Tu Bồ đề ! Thí như nhân thân trường đại.

Tu Bồ đề ngôn : “Thế Tôn ! Như Lai thuyết : Nhân thân trường đại, tức vi phi đại thân, thị danh đại thân”.

Bởi thiết không có pháp chi đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta mà nói lời này :

“Ông ở đời sau sẽ đặng thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni”.

Bởi vì sao ? Vì Như Lai đó chính là nghĩa các pháp như như”. (26)

Nếu có người nói rằng : “Đức Như Lai đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Này Tu Bồ đề ! Thiết ra không có pháp chi mà Đức Phật đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu Bồ đề ! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Đức Như Lai chứng đặng trong đó không thiết không hư, vì thế Đức Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp.

Này Tu Bồ đề ! Tất cả pháp mà Đức Phật nói đó, chính chẳng phải tất cả pháp, cho nên gọi là tất cả pháp.

Này Tu Bồ đề ! Ví như thân người cao lớn.

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Đức Như Lai nói thân người cao lớn, chính là chẳng phải thân cao lớn, đó tạm gọi là thân cao lớn”.

- Tu Bồ đề ! Bồ Tát diệt như thị.

Nhược tác thị ngôn : “Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sinh, tức bất danh Bồ Tát. Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Thiết vô hữu pháp, danh vi Bồ Tát”.

Thị cố Phật thuyết nhất thiết pháp, vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả.

Tu Bồ đề ! Nhược Bồ Tát tác thị ngôn : Ngã đương trang nghiêm Phật độ. Thị bất danh Bồ Tát.

Hà dĩ cố ? Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

Tu Bồ đề ! Nhược Bồ Tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ Tát.

18

Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai hữu nhục nhân phủ ?

- Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu nhục nhân.

Này Tu Bồ đề ! Bồ Tát cũng như thế.

Nếu nói lời như vậy : “Ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh, thời vị đó không gọi là bậc Bồ Tát.

Bởi vì sao ? Này Tu Bồ đề ! Thiết không có pháp chi gọi là Bồ Tát”.

Vì thế, Đức Phật nói tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả.

Này Tu Bồ đề ! Nếu Bồ Tát nói như thế này : Ta phải trang nghiêm Phật độ, thời vị ấy không gọi là bậc Bồ Tát.

Bởi vì sao ? Vì Đức Như Lai nói trang nghiêm Phật độ, đó chính chẳng phải trang nghiêm, đó tạm gọi là trang nghiêm.

Này Tu Bồ đề ! Nếu Bồ Tát thông đạt được lý không ngã, không pháp đó, ⁽²⁷⁾ thời Đức Như Lai gọi là thiết phải bậc Bồ Tát.

18.- XEM ĐỒNG MỘT THỂ

Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Đức Như Lai có nhục nhãn chăng ? ⁽²⁸⁾

Bạch Đức Thế Tôn ! Đúng thế, Đức Như Lai có nhục nhãn.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai hữu thiên nhân phủ ?

- Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu thiên nhân.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai hữu huệ nhân phủ ?

- Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu huệ nhân.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai hữu pháp nhân phủ ?

- Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu pháp nhân.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai hữu Phật nhân phủ ?

- Như thị, Thế Tôn ! Như Lai hữu Phật nhân.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ ?

- Như thị, Thế Tôn ! Như Lai thuyết thị sa.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như nhất Hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng Hằng hà. Thị chư Hằng hà sở hữu

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Đức Như Lai có thiên nhãn chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Đúng thế, Đức Như Lai có thiên nhãn.

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Đức Như Lai có huệ nhãn chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Đúng thế, Đức Như Lai có huệ nhãn.

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Đức Như Lai có pháp nhãn chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Đúng thế, Đức Như Lai có pháp nhãn.

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Đức Như Lai có Phật nhãn chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Đúng thế, Đức Như Lai có Phật nhãn.

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Như bao nhiêu cát trong sông Hằng. Đức Phật có nói là cát chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Đúng thế, Đức Như Lai nói là cát.

Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Như bao nhiêu cát trong một sông Hằng, có những sông Hằng, bằng số cát như thế, cõi Phật như bao nhiêu số cát trong

sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ ?

- “Thậm đa, Thế Tôn !”.

Phật cáo Tu Bồ đề : “Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sinh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri.

Hà dĩ cố ? Như Lai thuyết chư tâm, giai vi phi tâm, thị danh vi tâm.

Sở dĩ giả hà ? Tu Bồ đề ! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”.

19

Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Nhược hữu nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí.

Thị nhân dĩ thị nhân duyên đắc phước đa phủ ?

- Như thị, Thế Tôn ! Thử nhân dĩ thị nhân duyên, đắc phước thậm đa.

- Tu Bồ đề ! Nhược phước đức hữu thiệt, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa.

Dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa.

những sông Hằng đó, như thế chừng có nhiều chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Rất nhiều.

Đức Phật bảo ông Tu Bồ đề : “ Bao nhiêu thứ tâm niệm của tất cả chúng sinh trong ngàn ấy cõi nước, Đức Như Lai đều biết rõ.

Bởi vì sao ? Vì Đức Như Lai nói các thứ tâm đều là chẳng phải tâm, đó gọi là tâm.

Vì có sao thế ? Nay Tu Bồ đề ! Tâm quá khứ chẳng thể dặng, tâm hiện tại chẳng thể dặng, tâm vị lai chẳng thể dặng”.

19.- THÔNG HÓA PHẬT GIÁO

Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Như có người đem bảy thứ báu đầy cả cõi tam thiên đại thiên để dùng bố thí.

Do nhân duyên như thế, người ấy dặng phước có nhiều chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Đúng thế, người đó do nhân duyên ấy dặng phước rất nhiều.

- Nay Tu Bồ đề ! Nếu phước đức là có, thì Đức Như Lai chẳng nói là dặng phước đức nhiều.

Do vì phước đức là không, nên Đức Như Lai mới nói dặng phước đức nhiều.

20

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Phạt khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ ?

- Phất dã, Thế Tôn ! Như Lai bất ứng dĩ cụ túc sắc thân kiến.

Hà dĩ cố ? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân, tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân.

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ ?

- Phất dã ! Thế Tôn ! Như Lai bất ứng dĩ cụ túc chư tướng kiến.

Hà dĩ cố ? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc.

21

- Tu Bồ đề ! Nhữ vật vị Như Lai tác thị niệm : Ngã đương hữu sở thuyết pháp. Mạc tác thị niệm.

20.- LÌA SẮC LÌA TƯỚNG

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý ông nghĩ thế nào ? Có thể do sắc thân cụ túc để thấy Đức Phật chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không. Chẳng nên do sắc thân cụ túc để thấy Đức Như Lai.

Bởi vì sao ? Vì Đức Như Lai nói sắc thân cụ túc, chính chẳng phải sắc thân cụ túc, đó gọi là sắc thân cụ túc.

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý ông nghĩ thế nào ? Có thể do nơi các tướng cụ túc mà thấy Đức Như Lai chăng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không. Chẳng nên do các tướng cụ túc mà thấy Đức Như Lai.

Bởi vì sao ? Vì Đức Như Lai nói các tướng cụ túc chính là chẳng phải cụ túc, đó gọi là các tướng cụ túc.

21.- CHẲNG PHẢI NĂNG THUYẾT SỞ THUYẾT

- Này Tu Bồ đề ! Ông chớ nói rằng Đức Như lai nghĩ thế này : Ta nên có chỗ thuyết pháp, ông đừng nghĩ như thế.

Hà dĩ cố ? Nhược nhân ngôn : Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi bát ngát Phật, bất năng giả ngã sở thuyết cố.

Tu Bồ đề ! Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp.

Nhĩ thời, Huệ Mạng Tu Bồ đề, bạch Phật ngôn : “Thế Tôn ! Phả hữu chúng sinh, ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp sinh tín tâm phủ ?”

Phật ngôn : “Tu Bồ đề ! Bĩ phi chúng sinh, phi bất chúng sinh.

Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Chúng sinh, chúng sinh giả, Như Lai thuyết phi chúng sinh, thị danh chúng sinh”.

22

Tu Bồ đề bạch Phật ngôn : “Thế Tôn ! Phật đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề vi vô sở đắc gia”.

Phật ngôn : “Như thị ! Như thị ! Tu Bồ đề! Ngã ư A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề,

Bởi vì sao ? Vì nếu người nào nói rằng : Đức Như Lai có thuyết pháp, thời là hủy báng Đức Phật, không hiểu đặng nghĩa lý của Phật nói.

Này Tu Bồ đề ! Thuyết pháp đó chính thiệt không có pháp chi nói được, đó gọi là thuyết pháp,

Bấy giờ, ông Huệ Mạng Tu Bồ đề bạch Đức Phật rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Trong vị lai, chừng có chúng sinh nào nghe nói pháp này mà sinh lòng tin chẳng ?”

Đức Phật dạy rằng : “Này Tu Bồ đề ! Chúng sinh kia chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải là không phải chúng sinh ⁽²⁹⁾ .

Bởi vì sao ? Này Tu Bồ đề ! Những chúng sinh, chúng sinh đó, Đức Như Lai nói chẳng phải chúng sinh, đó gọi là chúng sinh” ⁽³⁰⁾

22.- KHÔNG PHÁP CHI CÓ THỂ ĐẶNG

Ông Tu Bồ đề bạch với Đức Phật rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Đức Phật chứng đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là không có chỗ chi đặng ư ?”

Đức Phật dạy rằng : “Đúng thế ! Đúng thế ! Này Tu Bồ đề ! Ta ở nơi Vô thượng Chánh

nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

23

Phục thứ, Tu Bồ đề ! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả. Tu nhất thiết thiện pháp, tức đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

Tu Bồ đề ! Sở ngôn thiện pháp giả. Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

24

- Tu Bồ đề ! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung, sở hữu chư Tu Di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ, hữu nhân trì dụng bố thí.

Nược nhân dĩ thử Bát Nhã Ba La Mật Kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì đọc tụng, vị tha nhân thuyết, ư tiền phước đức, bá phần bất cập nhất, bá thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập.

đẳng Chánh giác nhãn đến không có chút pháp chi có thể gọi là đẳng, đó mới gọi là Vô thượng Chánh giác”.

23.- TỊNH TÂM HÀNH THIỀN

Lại nữa, này Tu Bồ đề ! Pháp đó bình đẳng không có cao thấp, đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Do vì không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ giả, tu tất cả pháp lành liền đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu Bồ đề ! Pháp lành đã nói đó, Đức Như Lai nói chính chẳng phải pháp lành, đó gọi là pháp lành.

24.- PHƯỚC ĐỨC TRÍ HUỆ KHÔNG CHI SÁNH BẰNG

- Này Tu Bồ đề ! Như trong cõi tam thiên đại thiên có bao nhiêu núi chúa Tu Di, nếu có người góp cả bảy thứ báu lại bằng những núi Tu Di đó, đem dùng mà bố thí.

Nơi Kinh Bát Nhã Ba La Mật này, nhãn đến một bài kệ bốn câu v.v... nếu có người thọ trì đọc tụng, giảng nói cho kẻ khác nghe, thời phước đức của người bố thí trước sánh không bằng một phần trăm, một phần nghìn muôn ức, cho đến tính đếm thí dụ đều chẳng bằng được.

25

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm : Ngã đương độ chúng sinh.

- Tu Bồ đề, mặc tác thị niệm.

Hà dĩ cố ? Thiết vô hữu chúng sinh, Như Lai độ giả.

Nhược hữu chúng sinh Như Lai độ giả, Như Lai tức hữu ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Tu Bồ đề ! Như Lai thuyết hữu ngã giả, tức phi hữu ngã, nhi phạm phu chi nhân, dĩ vi hữu ngã.

Tu Bồ đề ! Phạm phu giả, Như Lai thuyết tức phi phạm phu, thị danh phạm phu.

26

- Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Khả dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai phủ ?

25.- HÓA ĐỘ KHÔNG NGƯỜI ĐƯỢC HÓA ĐỘ

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Các ông chớ cho rằng Đức Như Lai nghĩ như vậy : Ta phải hóa độ chúng sinh.

- Này Tu Bồ đề ! Ông đừng nghĩ như thế. Bởi vì sao ? Vì thật không có chúng sinh nào Đức Như Lai độ cả.

Nếu có chúng sinh mà Đức Như Lai độ đó, thời Đức Như Lai còn có tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

- Này Tu Bồ đề ! Đức Như Lai nói có ngã đó chính chẳng phải có ngã, mà kẻ phàm phu lại cho là có ngã.

- Này Tu Bồ đề ! Phàm phu đó, Đức Như Lai nói chính chẳng phải phàm phu, đó tạm gọi là phàm phu.

26. PHÁP THÂN KHÔNG PHẢI SẮC TƯỚNG

- Này Tu Bồ đề ! Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Có thể do nơi ba mươi hai tướng mà xem là Đức Như Lai chăng ?

Tu Bồ đề ngôn : “Như thị ! Như thị ! Dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai”.

Phật ngôn : “Tu Bồ đề ! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh Vương tức thị Như Lai ?”

Tu Bồ đề bạch Phật ngôn : “Thế Tôn ! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ứng dĩ tam thập nhị tướng quan Như Lai”.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn :

**Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.**

27

- Tu Bồ đề ! Nhữ nhược tác thị niệm, Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

- Tu Bồ đề ! Mạc tác thị niệm : Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề.

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : “Đúng thế ! Đúng thế ! Do nơi ba mươi hai tướng mà xem là Đức Như Lai”.

Đức Phật dạy rằng : “Này Tu Bồ đề ! Nếu do nơi ba mươi hai tướng mà xem là Đức Như Lai đó, thời vua Chuyển Luân Thánh Vương chính là Đức Như Lai rồi !” ⁽³¹⁾

Ông Tu Bồ đề bạch với Đức Phật rằng : “Bạch Đức Thế Tôn ! Theo như con hiểu nghĩa lý của Đức Phật nói thời chẳng nên do nơi ba mươi hai tướng mà xem là Đức Như Lai”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng :

Nếu dùng sắc thấy Ta,
Dùng tiếng tầm cầu Ta,
Người ấy tu đạo tà,
Chẳng thấy được Như Lai.

27.- KHÔNG ĐOẠN KHÔNG DIỆT

- Này Tu Bồ đề ! Nếu ông nghĩ thế này : Đức Như Lai vì chẳng do nơi tướng cụ túc, mà đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

- Này Tu Bồ đề ! Ông đừng nghĩ như vậy : Đức Như Lai vì chẳng do nơi tướng cụ túc, mà đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

**Tu Bồ đề ! Nhữ nhược tác thị niệm :
Phát A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề
tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt, mạn
tác thị niệm !**

**Hà dĩ cố ? Phát A Nậu Đa La Tam
Miệu tam Bồ đề tâm giả; ư pháp bất
thuyết đoạn diệt tướng.**

28

**- Tu Bồ đề ! Nhược Bồ Tát dĩ mãn
Hàng hà sa đẳng thế giới thất bảo trì
dụng bố thí.**

**Nhược phục hữu nhân tri nhất thiết
pháp vô ngã, đắc thành ư nhẫn. Thử Bồ
Tát thắng tiền Bồ Tát, sở đắc phước đức.**

**Hà dĩ cố ? Tu Bồ đề ! Dĩ chư Bồ Tát
bất thọ phước đức cố.**

**Tu Bồ đề bạch Phật ngôn : “Thế Tôn !
Vân hà Bồ Tát, bất thọ phước đức ?”.**

**- Tu Bồ đề ! Bồ Tát sở tác phước đức,
bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ
phước đức.**

Này Tu Bồ đề ! Nếu ông nghĩ như vậy :
Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng
Chánh giác nói các pháp đều đoạn diệt. Ông
đừng nghĩ như thế ?

Bởi vì sao ? Vì nơi các pháp người phát
tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác
không nói tướng đoạn diệt.

28.- CHẲNG NHẬN LẤY CHẲNG THAM

Này Tu Bồ đề ! Nếu Bồ Tát đem bảy thứ
báu đầy cả những cõi nước bằng số cát sông
Hằng để làm việc bố thí.

Nếu lại có người biết lý vô ngã của tất cả
pháp mà dặng thành nhận tri⁽³²⁾. Vị Bồ Tát
này dặng công đức hơn phước đức của vị Bồ
Tát trước.

Bởi vì sao ? Này Tu Bồ đề ! Vì các vị Bồ
Tát không nhận lấy phước đức.

Ông Tu Bồ đề bạch với Đức Phật rằng :
“Bạch Đức Thế Tôn ! Tại sao các vị Bồ Tát
không nhận lấy phước đức ?”

- Này Tu Bồ đề ! Vị Bồ Tát phàm có làm
việc phước đức thời chẳng nên tham trước,
vì thế nên nói là chẳng nhận lấy phước đức.

29

- Tu Bồ đề ! Nhược hữu nhân ngôn :
Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa,
nhược ngọa, thị nhân bất giải ngã sở
thuyết nghĩa.

Hà dĩ cố ? Như Lai giả, vô sở tùng lai,
diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.

30

- Tu Bồ đề ! Nhược thiện nam tử, thiện
nữ nhân, dĩ tam thiên đại thiên thế giới,
toái vị vi trần. Ư ý vân hà ? Thị vi trần
chúng, ninh vi đa phủ ?

Tu Bồ đề ngôn : Thập đa, Thế Tôn !

Hà dĩ cố ? Nhược thị vi trần chúng
thiệt hữu giả, Phật tức bất thuyết thị vi
trần chúng.

Sở dĩ giả hà ? Phật thuyết vi trần
chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi
trần chúng.

Thế Tôn ! Như Lai sở thuyết tam thiên
đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị
danh thế giới.

29.- OAI NGHI VẮNG LẶNG

- Nay Tu Bồ đề ! Nếu có người nói : Đức Như Lai hoặc đến hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, thời người ấy không hiểu nghĩa của Phật nói.

Bởi vì sao ? Vì Như Lai đó, không từ nơi nào lại, mà cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai !

30.- NGHĨA LÝ NHẤT HIỆP TUỞNG

Nay Tu Bồ đề ! Như có trang thiện nam, người thiện nữ đem cõi tam thiên đại thiên đập nát ra vi trần. Nơi ý ông nghĩ thế nào ? Các vi trần đó có nhiều chăng ?

Ông Tu Bồ đề bạch rằng : Bạch Đức Thế Tôn ! Rất nhiều.

Bởi vì sao ? Vì nếu những vi trần đó là thiệt có, thời Đức Phật chẳng nói là những vi trần.

Vì có sao thế ? Vì Đức Phật nói những vi trần chính chẳng phải những vi trần, đó gọi là những vi trần.

Bạch Đức Thế Tôn ! Cõi tam thiên đại thiên của Đức Như Lai nói, chính chẳng phải thế giới đó gọi là thế giới.

Hà dĩ cố ? Nhược thế giới thiết hữu giả, tức thị nhất hiệp tướng.

Như Lai thuyết nhất hiệp tướng, tức phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng.

- Tu Bồ đề ! Nhất hiệp tướng giả, tức thị bất khả thuyết, đản phạm phu chi nhân, tham trước kỳ sự.

31

- Tu Bồ đề ! Nhược nhân ngôn : Phạt thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ đề ! Ư ý vân hà ? Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ ?

- Phất dã, Thế Tôn ! Thị nhân bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa.

Hà dĩ cố ? Thế Tôn thuyết, ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

Bởi vì sao ? Vì nếu thế giới là thật có ấy, thời là một hiệp tướng.

Đức Như Lai nói một hiệp tướng chính chẳng phải một hiệp tướng, đó gọi là một hiệp tướng ⁽³³⁾.

- Nay Tu Bồ đề ! Một hiệp tướng đó bèn là chẳng thể nói được, chỉ nơi kẻ phàm phu tham trước việc ấy thôi.

31.- TRI KIẾN KHÔNG SINH

- Nay Tu Bồ đề ! Như có người nói : Đức Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến ⁽³⁴⁾. Nơi ý của ông nghĩ thế nào ? Người ấy hiểu nghĩa lý của Phật nói chẳng ?

- Bạch Đức Thế Tôn ! Không. Người ấy không hiểu nghĩa lý của Đức Phật nói. Bởi vì lẽ sao ? Đức Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, chính chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, đó gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến.

- Tu Bồ đề ! Phát A Nậu Đa La Tam Miệu tam Bồ đề tâm giả, ư nhất thiết pháp, ứng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sinh pháp tướng.

- Tu Bồ đề ! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.

32

- Tu Bồ đề ! Nhược hữu nhân dĩ mãn vô lượng a tăng kỳ thế giới thất bảo trì dụng bố thí. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát Bồ đề tâm giả, trì ư thử kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng thọ trì độc tụng, vị nhân diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ.

Vân hà, vị nhân diễn thuyết ? Bất thủ ư tướng, như như bất động.

Hà dĩ cố ?

“Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ, diệt như điện
Ứng tác như thị quán”

- Nay Tu Bồ đề ! Nơi tất cả pháp, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sinh pháp tướng.

- Nay Tu Bồ đề ! Pháp tướng nói ra đó, Đức Như Lai nói chính là không phải pháp tướng, đó gọi là pháp tướng.

32.- ỨNG HÓA KHÔNG PHẢI CHÂN THẬT

- Nay Tu Bồ đề ! Như có người đem bảy thứ báu đầy cả vô lượng vô số cội nước để làm việc bố thí. Như có trang thiện nam, người thiện nữ nào phát tâm Bồ đề thọ trì Kinh này, nhần đến một bài kệ bốn câu v.v... tự mình thọ trì đọc tụng, lại giảng cho kẻ khác nghe, thời phước đức của người này hơn người trước.

Giảng nói cho người khác nghe như thế nào ? Không chấp lấy nơi tướng, như như chẳng động.

Bởi vì sao ?

Tất cả những pháp hữu vi

Khác nào mộng, huyễn, khác gì điện, sương.

Như bóng nước, như ảnh tượng.

Xét suy như thế cho thường chớ quên ! ⁽³⁵⁾

33

Phật thuyết thử kinh dĩ, Trưởng lão Tu Bồ đề, cập chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nhất thiết thế gian : Thiên, Nhân, A-tu-la... văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH



33.- TIN NHẬN VÂNG LÀM

Đức Phật nói Kinh này xong, ông Trưởng lão Tu Bồ đề cùng với các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tất cả Trời, Người, A-tu-la v.v... trong thế gian nghe những lời của Đức Phật nói, thấy đều rất vui mừng tin nhận, vâng theo tu hành.

KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT



KIM CANG CHƠN NGÔN

 Ấn, hô rô, hô rô, xã duệ, mục khế,
tá ha (7 biến)

PHỔ HỒI HƯỚNG CHƠN NGÔN

 Ấn, Ta ma ra, Ta ma ra, Nhĩ ma nẳng,
tát cót ra. Ma ha chúc ca ra hồng. (7 biến)

 Nhất hồi hướng : Chân như thiết tế,
tâm tâm khế hiệp.

 Nhị hồi hướng : Vô thượng Phật quả
Bồ đề, niệm niệm viên mãn.

 Tam hồi hướng : Pháp giới nhất thiết
chúng sinh, đồng sinh Tịnh độ.

TÁN VIẾT

Kim Cang công đức
Diệu lý nan lường,
Như Lai vị chúng quảng tuyên dương,
Thọ thí ngô chân thường,
Dĩ chư hoa hương,
Phổ tán Pháp Trung Vương.

NAM MÔ KỲ VIÊN HỘI THƯỢNG PHẬT

BỒ TÁT MA HA TÁT

(3 xướng)

THÍCH NGHĨA



1. **Bát Nhã** (Phạn âm) Hán dịch là Trí Huệ.
Ba La Mật (Phạn âm) Hán dịch là Đáo Bỉ Ngạn (ý nói trọn nên hoàn toàn). Trí huệ hoàn toàn này có thể phá tất cả sự mê lầm trong thế gian và xuất thế gian, mà không có điều mê lầm nào phạm đến được, dụ như Kim Cang (một chất rất cứng có thể phá vỡ các chất khác, không chất gì cứng bằng).
2. Xem lời thích nghĩa ở sau kinh A Di Đà.
3. **Theo thứ tự ghé từng nhà khát thực** đó là sau khi ghé nhà thứ nhất liền ghé vào nhà kế cận (nếu đồ ăn chưa đủ dùng), tuần tự như thế cho đến khi vừa đủ ăn thì thôi. Không chọn nhà này bỏ nhà kia, mặc dầu là nhà giàu hay nhà nghèo, nhà sang hay nhà hèn. Đó là lòng từ bi bình đẳng của Đức Phật lưu lộ ra nơi cử chỉ vậy. Đức Phật đi khát thực là ý muốn cho mọi người được thấy nghi dung của Phật mà sinh lòng lành mộ đạo từ bi và để cho mọi người được phước, vì cúng dường cho Đức Phật thời được phước đức rất lớn. Đức Phật là vô thượng phước điền của tất cả chúng sinh !
4. **Tu Bồ đề** (Phạn âm) dịch là Không Sinh, là

bậc đại A La Hán, ngài tổ ngộ lý Chân không bậc nhất trong hàng Thanh Văn.

5. **Hộ niệm** là để ý nghĩ nhớ đến hầu giúp đỡ cho.

6. **Phó chúc** là giao phó dặn dò.

7. **Noãn sinh** là loài từ trứng nở ra, như chim...

Thai sinh là loài từ bào thai đẻ ra như người...

Thấp sinh là loài từ chỗ ẩm ướt sinh ra, như trùn, dóm....

Hóa sinh là loài do sự biến chuyển hóa ra như trời, địa ngục...

Có sắc là loài có sắc thân, như chúng sinh ở cõi Dục, cõi Sắc.

Không sắc là loài không có thân bằng sắc chất, như chúng sinh ở cõi Vô sắc.

Có tướng là loài có tướng găm suy nghĩ, như người.

Không tướng là loài không tướng găm suy nghĩ, như trời Vô Tướng.

Không phải có tướng không phải chẳng có tướng là loài không có sự tướng găm thô mà có sự tướng găm vi tế như trời Phi Phi Tướng.

8. **Diệt độ** là độ cho chúng sinh dứt sạch phiền não nghiệp chướng, khởi tất cả điều khổ lụy.

Vô dư Niết bàn là vắng bật tất cả phiền não, nghiệp chướng và khổ lụy không còn sót thừa (cảnh giới của chư Phật).

9. Dầu vẫn bố thí luôn luôn mà trong lòng không thấy có mình là người bố thí, kẻ khác là người thọ thí và đồ vật v.v... là của bố thí. Lòng vắng lặng không để dính mắc vào một điều gì, một sự gì nên gọi là không trụ trước. Không trụ trước thời lòng rỗng rang như hư không, nên phước đức cũng rộng lớn như hư không.
10. **Bốn hướng cạnh** là Đông nam, Đông bắc, Tây nam, Tây bắc.
11. **Thân tướng** là thân sắc vàng sáng chói đủ tướng tốt đẹp của Phật.
12. **Thuyền bè** là vật tạm dùng để đưa người qua sông, đến bờ thời bỏ bè lên bộ. Giáo Pháp của Phật cũng thế, là những môn phương tiện đưa người tu hành qua khỏi sông mê, biển khổ. Khi lên bờ giác thì bỏ phương tiện,
13. **Pháp** là pháp lành, pháp chánh, pháp Thánh, pháp Phật v.v... **Phi pháp** là pháp ác, pháp tà, pháp phàm, pháp chúng sinh v.v...
14. **Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác** là quả vị cứu cánh của chư Phật mà cũng là bản thể chân thật thanh tịnh của tất cả muôn loài, nơi đó, tuyệt dòng đối đãi, rời tướng ngữ ngôn, rời tướng văn tự, dứt tâm tư, bật ý niệm. Nếu Vô thượng Chánh giác mà lời nói đến được, thời còn trong phạm vi tướng ngữ ngôn, là hư vọng, không phải thật Vô thượng Chánh giác.

Nếu là thật Vô thượng Chánh giác thời không thể dùng lời nói kêu gọi được.

Pháp của Đức Phật nói cũng như thế, rời tất cả tướng, dứt tư niệm, không thể cho là có, cũng không thể cho là không. Rời tất cả tướng nên *không thể nói được*, dứt tư niệm nên *không thể duyên lấy*, không phải có nên *chẳng phải pháp*, không phải không nên *chẳng phải không phải pháp*. Đó cũng gọi là **vô vi pháp**. Vô vi pháp vẫn tuyệt đối mà do nơi vô vi pháp tu hành lại có các bậc Hiền Thánh cao thấp khác nhau ấy, chỉ bởi vì chỗ chứng ngộ của các ngài không đồng nhau đấy thôi.

15. Thế tánh chân thật làm tướng chung cho tất cả pháp, bình đẳng không có tướng sai khác, nên gọi là **nhất tướng**.
16. Trong Thanh Văn thừa có bốn quả vị; trong 4 quả vị này do sự tu hành dứt Kiến hoặc và Tư hoặc trong tam giới mà chứng đẳng. Kiến hoặc trong tam giới có 88 món, dứt sạch 88 món Kiến hoặc thời thoát khỏi phàm phu dự vào hàng Thánh (**Nhập Lưu** cũng gọi là Dự Lưu, tiếng Phạn Tu Đà Hoàn) đây là quả vị thứ nhất.

Về Tư hoặc, ở cõi Dục có 9 phẩm, cõi Sắc và Vô sắc chúng có 72 phẩm. Sau khi chứng bậc Tu Đà Hoàn (đã dứt 88 món Kiến hoặc) thời phải tu hành dứt Tư hoặc. Chín phẩm Tư hoặc cõi Dục nó làm cho vị Tu Đà Hoàn phải

bị bảy đời sinh tử ở cõi Dục. Dứt được sáu phẩm trước thời chỉ còn một lần sinh tử ở cõi Dục nên gọi là **Nhất Lai** (Tư Đà Hàm, Phạn âm) đây là quả vị thứ hai. Dứt luôn ba phẩm sau thời không còn bị sinh vào cõi Dục nữa nên gọi là **Bất Lai** (A Na Hàm, Phạn âm) đây là quả vị thứ ba. Dứt sạch luôn cả 72 phẩm Tư hoặc cõi Sắc và Vô sắc thời thoát hẳn vòng sinh tử luân hồi nên gọi **Vô Sinh** (A La Hán, Phạn âm) đây là quả vị thứ tư.

17. **Vô tránh tam muội** là môn chánh định cao siêu hơn hết trong các môn chánh định của hàng Thanh Văn.
18. **Tu Di** (xem lời thích nghĩa sau kinh A Di Đà).
19. **Hàng tôn trọng đệ tử của Đức Phật** như các ngài : Xá Lợi Phất, Ma Ha Ca Diếp v.v...
20. **Vì trần** là bụi nhỏ.

Tam thiên đại thiên thế giới (xem lời thích nghĩa sau kinh A Di Đà).

21. Trên thân Phật có 32 tướng tốt : 1. Nhục kế (danh đầu thịt nổi vun lên rất đẹp). 2. Lông trắng giữa chặn hai chân mày (bạch hào). 3. Tròng mắt đen trắng phân minh. 4. Lông nheo như của Ngưu vương. 5. Gương mặt tròn trịa đầy đặn như trăng rằm. 6. Răng đủ 40 cái. 7. Răng nhỏ đều khít khao. 8. Răng trắng trong tinh sạch. 9. Lưỡi rộng dài; khi le ra có thể trùm cả mặt đến mí tóc. 10. Tiếng nói thanh

tao và nghe được rất xa. 11. Trong cổ hầu thường có chất nước cam lồ rịn ra. 12. Thân mình nở nang tròn suông. 13. Mả âm tàng. 14. Hai bên hông đầy đặn. 15. Hai tay dài quá gối. 16. Cánh tay và bàn tay da thịt mềm dịu như bông. 17. Ngón tay dài và vót. 18. Vế như cửa Lộc vương. 19. Lưng hai bàn chân no tròn. 20. Lòng bàn chân bằng phẳng. 21. Gót chân tròn trịa. 22. Lòng bàn chân có chỉ xoáy rõ ràng như bánh xe nghìn cọng. 23. Ngón tay và ngón chân đều có da mỏng như lưới mịn, trong suốt như pha lê dính liền nhau. 24. Bảy chỗ trong thân đều đầy đặn (hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân, hai vai, yết hầu). 25. Tất cả lỗ chân lông đều có lông đẹp. 26. Lông và tóc đều xoắn tròn về phía hữu. 27. Da mịn màng trơn láng. 28. Màu da như màu vàng ròng tử kim. 29. Thân hình cao lớn hơn mọi người. 30. Hình tướng đoan nghiêm. 31. Thân hình ngay thẳng vững vàng. 32. Thường có ánh sáng sắc vàng ròng chiếu ra một tầm.

Trên đây là 32 tướng chính, còn có rất nhiều tướng tốt khác như bát thập tùy hình hảo v.v...

- 22. Nghĩa thú** là nghĩa lý và chỉ thú.
- 23.** Thuở quá khứ, nước Ba La Nại, có vị Quốc Vương hiệu Ca Lợi. Một hôm vua dẫn quan quân và cung phi đi du ngoạn cảnh núi rừng.

Trong khi nhà vua nằm nghỉ dưới bóng cây vì mỗi mệ, các cung phi rủ nhau đi hái hoa rừng để đem về hiến vua. Trên gộp đá các cung phi gặp một nhà tu dung nghi oai nghiêm khác thường, Đại Tiên Sần Đề Ba La đang tịnh tọa! Tỏ lòng kính ngưỡng, các cung phi đồng dâng hoa cúng dường Đại Tiên rồi chĩnh tề ngồi hai bên nghe Đại Tiên giảng dạy đạo lý. Vừa lúc đó vua và quan quân kéo đến. Thấy cung phi mình kính ngưỡng Đại Tiên, nhà vua không bằng lòng, liền đến trước gộp đá.

- Người ở đây làm việc gì ? Nhà vua hỏi gần từng tiếng một.

- Tôi ở đây tu hạnh nhẫn nhục. Đại Tiên thông thả đáp.

- Để ta thử ngươi ! Vua Ca Lợi nói với một giọng mỉa mai đầy căm tức. Dứt lời, vua tuốt gương chặt cụt hai cánh tay của Đại Tiên rồi hỏi tiếp : “Người ở đây làm việc gì ?”

- Tôi ở đây tu hạnh nhẫn nhục. Đại Tiên ung dung đáp.

Càng tức giận, nhà vua chặt luôn cả hai chân rồi kể đến lại lắc tai lắc mũi của Đại Tiên. Mỗi lần như thế vua đều hỏi : “Người ở đây làm gì ?”. Mắt không nháy, mặt không đổi sắc, với một giọng nhã nhặn hiền từ, Đại Tiên vẫn thản nhiên đáp : “Tôi ở đây tu hạnh nhẫn nhục”.

Thấy tư cách phi thường của Đại Tiên, nhà vua đổi giận làm sợ. Đại Tiên lại dịu dàng nói với vua : “Nay nhà vua lấy gương sắt chặt đứt thi thể của ta, sau này, khi ta thành Phật, ta sẽ dùng gương trí huệ mà đứt giùm ác tâm của nhà vua, để độ vua trước nhất”.

Gương rời khỏi tay, cả mình rớt ốc, nhà vua bất giác sụp quỳ trước hạnh nhân nhục, tinh thần cao quý vô thượng của Đại Tiên !

Vị Đại Tiên thuở xưa đó là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện nay. Vua Ca Lợi ngày trước bây giờ là Kiều Trần Như, vị đại A La Hán được Đức Phật độ trước nhất nơi Lộc Uyển.

24. ***Không thiết không hư*** nghĩa là không trụ trước vào tướng có và tướng không. Không trụ trước mới phải là pháp Vô thượng Chánh giác của Phật.
25. ***Đi nhiều quanh*** về phía hữu (Từ Đông qua Nam, Tây, Bắc, Đông) là tỏ vẻ cung kính thuận tùng.
26. Như Như bất động.
27. Ngã là phần tác động chủ thể, như Phật, Bồ Tát v.v... Pháp là phần thể chất, hình tượng, nghĩa lý, tức là những sự những điều có tánh cách riêng định có thể nhận đến được như : trang nghiêm, Phật độ v.v...

Đức Phật dạy : “Không có pháp chi gọi là Bồ Tát”. Đó là ***không ngã***. Đức Phật lại dạy : “Như Lai nói trang nghiêm Phật độ chính chẳng phải trang nghiêm”. Đó là nói ***không pháp***.

28. *Ngũ nhân* : 1) *Nhục nhân* (mắt thịt), mắt thường bằng chất tứ đại (địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại) hiệp thành. 2) *Thiên nhân*, tác dụng của sự thấy được xa trăm nghìn muôn ức dặm cho đến nhiều thế giới, thấy đến vật rất nhỏ như vi trùng, vi tử, khí chất v.v... và thấy suốt qua các chất ngại. Có hai thứ Thiên nhân : A. *Sinh đắc Thiên nhân* : Thiên nhân do phước báu mà cảm sinh ra, như Thiên nhân của các cõi Trời. B. *Tu đắc Thiên nhân* : Thiên nhân do công phu tu tập chứng đạo quả mà có, như Thiên nhân của A La Hán, Bồ Tát, Phật. Thiên nhân sau này hơn Thiên nhân trên. Thù thắng nhất là của Phật. Tất cả vô lượng vô biên thế giới chúng sinh khắp trong pháp giới, Thiên nhân của Đức Phật thấy rõ ràng cả thấy. 3) *Huệ nhân*, tác dụng của sự chứng thấu tánh thể không tịch vô ngã. Từ bậc Thánh A La Hán trở nên mới có Huệ nhân. Các cõi trời đến các loài dưới (phàm phu) đều không có. 4) *Pháp nhân*, tác dụng của sự soi suốt huyền trạng của hiện tượng tùy duyên vô pháp. Từ bậc đại Bồ Tát đến Phật mới có Pháp nhân, A La Hán trở xuống đều không có. 5) *Phật nhân*, Trí huệ viên mãn cứu cánh của Phật.
29. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh (Bồ đề tánh) nên nói **chẳng phải chúng sinh**. Nhưng không tự nhận lấy Phật tánh nên nói

chẳng phải là không phải chúng sinh.

30. *Chúng sinh chúng sinh* là nhiều loài chúng sinh. Tất cả chúng sinh đều sẵn đủ giống Bát Nhã nên Đức Như Lai nói *chẳng phải chúng sinh*. Sẵn đủ mà chưa hiển lộ nên gọi là *chúng sinh*.
31. *32 tướng* là tướng của ứng thân huyền chất; còn Pháp tánh thân mới thật là Như Lai. Thân vua Chuyển Luân cũng đủ 32 tướng, mà vua Chuyển Luân vẫn là phàm phu chớ chẳng phải Như Lai. Vì thế nên chỉ nhận 32 tướng nơi ứng thân mà cho là thật Như Lai thời chưa phải. Như Lai pháp thân rời tất cả sắc tướng, nên ở nơi sắc tướng mà thấy mà cầu Như Lai thời không thể thấy đặng. Vậy thời như thế nào ? Đức Phật dạy : “Phàm hề có tướng đều là hư vọng cả, nếu thấy các tướng đều là không phải tướng thời chính là thấy Như Lai”.
32. Hiểu biết nhận thật quyết định lý vô ngã của các pháp, gọi là *Vô sinh pháp nhẫn*.
33. *Hiệp tướng* là nhiều thứ hội hiệp làm thành một tướng thế giới.
34. *Ngã kiến, nhân kiến* v.v... là tình chấp cho có tướng ngã, tướng nhân v.v...
35. *Mộng* : Cảnh giới trong chiêm bao.
Huyền : Những cảnh vật do huyền thuật phù chú hóa hiện ra.

Diễn : Chớp nháng.

Sương : Sương mù.

Bóng nước : Bong bóng nổi trên mặt nước.

Ảnh tượng : Bóng hình hiện ra trong gương, trong nước.

Pháp hữu vi : Pháp do thi vi tạo tác mà có. Phạm tất cả những vật, những sự, những điều gì... bất luận thuộc về vật chất hay tinh thần trong thế gian cùng xuất thế gian, mà do nhân duyên chi phối cấu tạo hòa hiệp làm thành, đều thuộc về pháp hữu vi cả. Do nhân duyên chi phối mà có, nên đều là không thật thể, như mộng, như huyễn v.v...

NIỆM PHẬT HỒI HƯỚNG

NGHI THỨC ⁽¹⁾

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách. ⁽²⁾

Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệp phục như thị. ⁽³⁾

Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệp, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệp vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt đạo; vô trí diệp vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái

ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề.

Cố tri Bát nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thân chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát nhã Ba-la-mật-đa chú. Tức thuyết chú viết :

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.



BÁT NHẤT THIẾT NGHIỆP CHUỐNG
CĂN BẢN ĐẮC SINH TỊNH ĐỘ ĐÀ LA NI ⁽⁵⁾

Nam mô a di đà bà dạ - Đa tha dà đa
dạ - Đa địa dạ tha - A di rị đô bà tỳ - A di
rị đa - Tất đam bà tỳ - A di rị đa - Tỳ ca
lan đế - A di rị đa - Tỳ ca lan đà - Đà di nị -
Đà đà na - Chỉ đa ca lệ - Ta bà ha. (3 biến)

A Di Đà Phật thân kim sắc,
 Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
 Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
 Hám mục trùng thanh tứ đại hải,
 Quang trung hóa Phật vô số ức,
 Hóa Bồ tát chúng diệc vô biên,
 Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh,
 Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn. ⁽⁶⁾

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI
 ĐẠI TỪ ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT	(108 biến)
NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT	(10 biến)
NAM MÔ ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT	(10 biến)
NAM MÔ ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT	(10 biến)
NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG BỒ TÁT	(10 biến)

SÁM THẬP PHƯƠNG

Thập phương tam thế Phật,
 A Di Đà đệ nhất,
 Cứu phẩm độ chúng sinh,
 Oai đức vô cùng cực,
 Ngã kim đại quy y,
 Sám hối tam nghiệp tội. ⁽⁷⁾
 Phàm hữu chư phước thiện.
 Chí tâm dụng hồi hướng. ⁽⁸⁾
 Nguyên đồng niệm Phật nhân,
 Cảm ứng tùy thời hiện.
 Lâm chung Tây phương cảnh,
 Phân minh tại mục tiền.
 Kiến văn giai tinh tấn,
 Đồng sinh Cực Lạc quốc,
 Kiến Phật liễu sinh tử,
 Như Phật độ nhất thiết.
 Vô biên phiên não đoạn,
 Vô lượng pháp môn tu,
 Thệ nguyện độ chúng sinh,
 Tổng giai thành Phật đạo.

Hư không hữu tận, ngã nguyên vô cùng,
 Hư không hữu tận, ngã nguyên vô cùng,
 Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí. ⁽¹⁰⁾

Nhất giả lễ kính chư Phật,
 Nhị giả xưng tán Như Lai,
 Tam giả quảng tu cúng dường,
 Tứ giả sám hối nghiệp chướng,
 Ngũ giả tùy hỷ công đức,
 Lục giả thỉnh chuyển pháp luân
 Thất giả thỉnh Phật trụ thế,
 Bát giả thường tùy Phật học,
 Cửu giả hằng thuận chúng sinh
 Thập giả phổ giai hồi hướng. ⁽¹¹⁾



CÔNG ĐỨC BẢO SƠN THẦN CHÚ ⁽¹²⁾

Nam mô Phật đà gia – Nam mô Đạt
 mạ gia – Nam mô Tăng già gia – án – Tất
 đế hộ rô rô – Tất đô rô – Chỉ li ba – Kiết li
 bà – Tất đạt rị – Bố rô rị – Ta bà ha.

(7 biên)



HỒI HƯỚNG

Phúng kinh công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước giai hồi hướng,
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sinh,
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát. ⁽¹³⁾

Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não,
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu,
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ Tát đạo.

Nguyện sinh Tây phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh,
Bất thoái Bồ Tát vi bạn hữu. ⁽¹⁴⁾

Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhất thiết,
Ngã đẳng dĩ chúng sinh,
Giai cộng thành Phật đạo. ⁽¹⁵⁾

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng
sinh, thể giải đại đạo, phát Vô thượng tâm.

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng
sinh, thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như
hải.

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

NGUYỆN :

A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn, hiện tiền tăng tấn, bất thất tịnh nhân, lâm mạng chung thời, thân tâm chánh niệm, thị thính phân minh, diện phụng Di Đà, dữ chư Thánh chúng, thủ chấp hoa đài, tiếp dẫn ư ngã. Nhất sát na khoảnh, sinh tại Phật tiền, cụ Bồ Tát đạo, quảng độ chúng sinh, đồng thành chủng trí.

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật. *(nhất bái)*

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại bi Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. *(nhất bái)*

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới Liên trì Hải hội Phật, Bồ Tát, nhất thiết Hiền Thánh Chúng Chư Thượng Thiện Nhân. *(nhất bái)*

THÍCH NGHĨA



1. Sau khi tụng kinh xong, (hoặc Di Đà, Hồng Danh hay Phổ Môn, Kim Cang v.v...) thời tiếp tụng nghi thức này.
2. **Quan Tự Tại Bồ Tát** là Ngài Quan Thế Âm Bồ Tát. **Bát nhã Ba-la-mật-đa** là Trí huệ đáo bỉ ngạn (trí huệ cứu cánh).

Ngũ uẩn là : sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Xá Lợi Tử là ngài Xá Lợi Phất. Chữ Phất là Phạn âm, dịch là Tử (con trai). Nên Xá Lợi Tử cũng như Xá Lợi Phất đồng nghĩa, con bà Xá Lợi (tên của mẹ ngài), Trong đây ngài Quan Thế Âm Bồ Tát nói Kinh này với ngài Xá Lợi Phất.

3. **Thọ, sắc** v.v... là huyễn tướng, **không** là thật tướng (tánh thể), huyễn tướng cùng thật tướng không rời nhau nên nói **bất dị**, mà cũng chính là nhau nên nói **tức thị**. Như sóng với nước.
4. **Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý** là sáu căn. **Sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp** là sáu trần.

Sáu căn duyên sáu trần mà sinh sáu thức : nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Sáu căn, sáu trần, sáu thức hiệp lại là 18 giới.

- **Vô minh** là món thứ nhất trong mười hai

nhân duyên, *lão tử* là món thứ mười hai trong mười hai nhân duyên (vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử).

- *Khổ, tập, diệt, đạo* là Tứ đế, pháp tu của hàng Thanh Văn. Trí là trí huệ, đắc là chỗ chứng được, đây là trí huệ và chỗ chứng của Bồ Tát.

- *Tâm vô quái ngại* là tâm không bị trụ trước không chướng ngại mà được tự tại.

- *Vô hữu khủng bố* là không tất cả các điều sợ hãi mà được thường hằng an vui.

- *Viễn ly điên đảo mộng tưởng* là xa lìa những vọng niệm đảo điên mê lầm chấp trước.

- *Cửu cánh Niết bàn* là Niết bàn rốt ráo (Phật quả).

5. *Thần chú dứt tất cả* cội gốc của nghiệp chướng đặng sinh về cõi Tịnh độ (Cực Lạc quốc).

6. *Đức Phật A Di Đà* thân sắc vàng (huỳnh kim).

Tướng tốt sáng rõ không ai sánh bằng.

Lông trắng giữa chận hai chân mày uyển

chuyển như năm hòn núi Tu Di.

Cặp mắt xanh biếc như bốn biển cả.

Trong hào quang có vô số Đức Hóa Phật.

Chúng Hóa Bồ Tát cũng nhiều vô biên.

Bốn mươi tám điều nguyện độ chúng sinh.

Chín phẩm đều làm cho lên bờ giác.

(Xem ở đoạn sau Kinh A Di Đà).

7. Sám hối những tội lỗi do thân, khẩu, và ý gây ra.
8. Bao nhiêu phước lành đều hồi hướng nguyện sinh về nước Cực Lạc.
9. **Liễu sinh tử** là thoát khỏi sự sinh tử.
10. **Chủng trí** nói đủ là Nhất thiết chủng trí tức là trí của Phật.

Bài Thập Phương đây là của ngài Đại Từ Bồ Tát soạn ra. **Độ nhất thiết** là độ tất cả chúng sinh như Đức Phật.

11. Mười điều nguyện này cũng gọi là mười điều nguyện vương của đức Phổ Hiền Bồ Tát, trích trong “Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm”.
12. Trong Đại Tập Kinh nói : “Chuyên tâm tụng thần chú này thời được công đức vô lượng, hiện tiền hưởng phước vô cùng sau khi chết được sinh về cõi Cực Lạc”.
13. **Vô Lượng Quang Phật Sát** là cõi của Đức Phật A Di Đà, tức là nước Cực Lạc, bốn câu kệ này trích trong “Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm”.
14. Người sinh về cõi Cực Lạc thời từ trong hoa sen nơi ao thất bảo mà hóa sinh ra, có chia làm chín phẩm : thượng phẩm thượng sinh, thượng phẩm trung sinh, thượng phẩm hạ sinh; trung phẩm thượng sinh, trung phẩm trung sinh, trung phẩm hạ sinh; hạ phẩm thượng sinh, hạ phẩm trung sinh, hạ phẩm hạ sinh.

- **Ngộ vô sinh** là ngộ lý vô sinh thành vô sinh pháp nhẫn (xem lời thích nghĩa sau Kinh Kim Cang)

- Người sinh về Cực Lạc thời được gần gũi với các bậc Bất Thối Bồ Tát (xem lời thích nghĩa Kinh A Di Đà)

15. Bốn câu kệ năm chữ này trích trong phẩm “Hóa Thành Dụ” Kinh Pháp Hoa quyển thứ ba.



PHỎNG DỊCH BÀI SÁM

“THẬP PHƯƠNG” CỦA ĐẠI TỪ BỒ TÁT VÀ 10 ĐIỀU ĐẠI NGUYỆN CỦA PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Mười phương chư Phật ba đời,
 Di Đà bậc nhất, chẳng rời quần sanh
 Sen vàng chín phẩm đã dành,
 Oai linh đức cả đã dành vô biên !
 Nay con dâng tám lòng thiền ⁽¹⁾
 Quy y với Phật, sám liên tội căn,
 Phước lành con có chi chẳng ?
 Ít nhiều quyết cũng nguyện rằng về Tây !
 Nguyện cùng với bạn tu đây,
 Tùy thời cảm ứng hiện nay diêm lành,
 Biết giờ biết khắc rõ ràng,
 Lâm chung tận mặt cảnh lành Tây phương.
 Thấy nghe chánh niệm hơn thường,
 Vãng sinh lạc quốc đồng nương hoa vàng,
 Hoa nở thấy Phật rõ ràng,
 Thoát vòng sinh tử độ an muôn loài.
 Phiền não vô biên thế dứt trừ,
 Pháp môn tu học chẳng còn dư,

⁽¹⁾ Lòng thành

Pháp mầu con thỉnh đã vừa⁽⁵⁾ truyền trao.
Bảy, lòng chẳng chút lãng xao,
Cầu xin chư Phật chớ vào vô dư!⁽⁶⁾
Tám, thường tu học Đại thừa,
Bao giờ bằng Phật mới vừa lòng con.
Chín, thề chẳng dám mỗi mòn,
Dắt dìu muôn loại đều tròn Pháp thân.
Mười, đem tất cả công huân,
Mọi loài cùng hưởng khắp trần cùng vui.
Phổ Hiền nguyện lớn nguyện rồi,
Nguyện về Cực Lạc nguyện ngồi tòa sen.



⁽⁵⁾ Đã vừa là đã phải thời

⁽⁶⁾ Vô dư y Niết bàn, cảnh giới của chư Phật

BÀI TỰA VỀ VĂN “MƯỜI PHƯƠNG”

Bài hồi hướng “Thập phương”, văn chữ Hán (số A), vốn là của ngài Đại Từ Bồ Tát soạn ra. Sau khi tụng kinh cùng niệm Phật, tụng bài này cốt để đem bao nhiêu công đức tụng niệm đều hồi hướng cầu được vãng sinh về cõi Tây phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Tụng bài này phước đức lớn lắm nên từ xưa đến nay, nước ta cũng như Trung Quốc, trong các chốn thiền môn, luôn luôn dùng bài này phổ vào các thời khóa.

Còn từ “Nhất giả” đến “Thập giả” (số B), là mười điều nguyện rút ra trong phẩm “Phổ Hiền Hạnh Nguyện” của Kinh Hoa Nghiêm. Trong Kinh mỗi một nguyện ngài Phổ Hiền Bồ Tát vì ngài Thiện Tài Đồng tử và chúng hội Bồ Tát mà giảng giải rất rộng. Mười câu đây mà những tổng nêu về mỗi nguyện thôi.

Phàm tụng văn hồi hướng, cần nhất người tụng phải hiểu rõ nghĩa lý trong văn, vì có hiểu thời chỗ hồi hướng phát nguyện mới thiết thật, tâm quán tưởng mới xác thật, công đức mới tăng trưởng. Nếu tụng mà không hiểu chi hết, thời hồi hướng đó là hồi hướng về đâu ? Phát nguyện đó là

phát nguyện những gì và như thế nào ? Thành ra chỉ có tụng theo lệ suông thôi, chắc khó thành tựu công đức được.

Vì lẽ trên đây, nên tôi chẳng quản trí cạn văn vụng, phỏng theo nguyên văn và y cứ nơi nghĩa trong kinh mà dịch ra hai bài (số A và B) ra quốc văn. Dịch xong lại còn ngại vì trong sám văn, có nhiều nghĩa sâu ẩn, khuất khúc nên viết thêm đoạn thích nghĩa sau đây (số 19 và 20) để giải rõ bản quốc văn, ngõ hầu khi tụng đến, tụng chữ hiểu nghĩa, tâm và lý tương ứng khế hiệp, lâu lâu tinh thuần, thiện căn công đức chắc chắn là vô cùng vô tận vậy.

HÂN TỊNH TỶ KHEO
THÍCH TRÍ TỊNH
CÁN CHỈ

(19)- Trong khoảng không gian vô tận, chẳng phải chỉ có một cõi Ta Bà của ức Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Phật mà chúng ta hiện ở đây thôi, kỳ thật, ngoài Ta Bà ra còn có vô biên thế giới khác. Phàm hễ có một thế giới thời có một Đức Phật làm Giáo chủ, thế giới đã vô biên thời là có vô lượng chư Phật. Chẳng những hiện tại đây vô biên thế giới ở mười phương (*Đông Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, trên và dưới*) có vô lượng chư Phật, và về thời kỳ quá khứ đã có vô lượng chư Phật và đến thời kỳ vị lai cũng sẽ có vô lượng chư Phật. Nên trong văn nói : Mười Phương chư Phật ba đời.

Trong vô lượng chư Phật ở mười phương ba đời đó suy ra thời Đức Phật A Di Đà là bậc nhất.

Về Phật quả thời Phật đồng chứng như nhau, đồng trí viên, đồng hạnh mãn, đồng đức đủ, đồng nguyện toàn, công đức của chư Phật đã đồng nhau sao lại nói Phật A Di Đà là bậc nhất ? Đây nói bậc nhất là cứ nơi Ứng hóa thân của Phật mà so sánh thôi, chớ không phải nói đến Pháp thân và Báo thân, về Pháp thân và Báo thân của chư Phật quyết hần là đồng, vì hai thân đó là thật thân quả chứng của chư Phật vậy. Còn ứng hóa thân là những chiếc thân vì chúng sinh cảm cách đến Phật mà ứng hóa ra, chúng sinh cơ cảm có sai khác, nên thân ứng hóa của chư Phật cũng tùy đó mà sai khác, lại sự sai khác đó cũng do vì bốn nguyện của chư Phật lúc còn tu hạnh Bồ Tát không đồng nhau vậy.

Về sự thù thắng nơi ứng thân của Đức Phật A Di Đà lược kể về phần đại khái thời có bốn điều :

A) Quang minh thường nơi thân chiếu các cõi nước ở mười phương không bị che ngăn, như trong Kinh Tiểu Bản A Di Đà nói : “Quang minh của Đức Phật đó vô lượng, chiếu các cõi nước ở mười phương không bị chướng ngại nên hiệu A Di Đà”. Trong kinh Đại Bản A Di Đà nói : “Giả sử khi ta đặng thành Phật mà quang minh có hạn lượng, ít nhất là chẳng soi suốt trăm nghìn ức na do tha cõi nước của chư Phật, thời ta nguyện không chứng quả Chánh giác” (điều nguyện thứ mười hai trong bốn mươi tám điều nguyện).

Còn quang minh nơi ứng thân của chư Phật khác phần nhiều có hạn lượng, hoặc chiếu một do tuần, mười do tuần, một trăm do tuần, một ngàn... do tuần, hoặc chiếu một thế giới, mười, một trăm, một ngàn... thế giới. Như quang minh nơi ứng thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ chiếu có một tâm.

Vì quang minh vô lượng nên Đức Phật A Di Đà có mười hai biệt hiệu như trong Đại Bản Kinh :

- 1) Vô Lượng Quang. 2) Vô Biên Quang. 3) Vô Ngại Quang. 4) Vô Đối Quang. 5) Viêm Vương Quang (có chỗ để Diêm Vương Quang). 6) Thanh Tịnh Quang. 7) Hoan Hỷ Quang. 8) Trí Huệ Quang. 9) Nan Tư Quang. 10) Bất Đoạn Quang. 11) Vô Xúng Quang. 12) Siêu Nhật Nguyệt Quang.

Do đây, nên về quang minh thường nói ứng thân, thời Đức A Di Đà được phần thù thắng trong hàng chư Phật vậy

B) Thọ mạng ứng hiện ra đời của chư Phật phần nhiều đều có hạn lượng, hoặc 100 tuổi, 1.000 tuổi... hoặc một kiếp, một trăm kiếp, một ngàn kiếp v.v... Như Đức Phật Thích Ca ở đời chỉ có tám mươi năm.

Còn về ứng thân của Đức Phật A Di Đà, thọ lượng vô lượng. Trong Tiểu Bản Kinh nói : “Đức Phật đó sống lâu vô lượng vô biên vô số kiếp, nên hiệu là A Di Đà”.

Điều nguyện thứ mười ba trong Đại Bản Kinh nói : “Giả sử khi ta đặng thành Phật mà thọ mạng có hạn lượng, ít nhất không được trăm nghìn ức na do tha kiếp đó, thời ta nguyện không chứng quả Chánh giác”. Nên Đức Phật A Di Đà cũng hiệu là Vô Lượng Thọ Phật.

Đây là thọ mạng của Đức Phật A Di Đà có phần thù thắng trong hàng chư Phật vậy.

C) Về phần đồng cư độ nơi Cực Lạc là cõi nước của Đức Phật A Di Đà cực kỳ trang nghiêm, thuần vui, thanh tịnh, tuyệt không có mây may khổ não, như trong Đại Bản Kinh, Tiểu Bản Kinh và Quán Kinh đã rộng thuật.

Lại trong bộ Yếu Giải nói : “Cực Lạc đồng cư, tứ độ viên dung, thọ lạc viên dung. Ở nơi đồng cư độ

(cõi phàm) mà viên kiến cả ba độ trên (ba cõi Thánh: Phương Tiện độ, Thật Báo độ, Thường Tịch Quang độ. Cõi trước là cõi của Nhị thừa Thánh nhân, kế là cõi của đại Bồ Tát, sau rốt là cõi của Đức Phật).

Cứ so với các cõi khác, như Ta Bà chẳng hạn, nơi chúng ta đang sống đây chính là đồng cư độ của cõi Ta Bà vậy, thời lại đủ thứ ược như, nào tam khổ, bát khổ, vô lượng điều khổ sở, ngũ trược v.v... lại hạng phàm phu không thể dự phần nơi cảnh Thánh.

Đây là cõi Đức Phật A Di Đà, về phần đồng cư độ có phần đặc biệt trong các cõi nước ở mười phương vậy.

D) Nhân dân trong nước của Đức Phật A Di Đà đều là phàm, nhưng cũng đều trụ bậc “bất thối chuyển”, nghĩa là ở vào địa vị thăng mãi đến thành Phật, không còn ngưng trệ lui sụt. Nói chi các bậc Thánh ! Trong hàng Thánh của nước Cực Lạc, cứ về bậc “Nhất sinh bổ xứ Bồ Tát” như ngài Quan Âm, Thế Chí, hay là như ngài Di Lặc v.v... số nhiều vô hạn, huống là bậc Thập Địa, Địa Tiên cùng Thanh Văn, Duyên Giác ! Trong Tiểu Bản Kinh nói : “Nơi nước Cực Lạc, chúng sinh nào sinh về đó đều là bậc Bất thối chuyển. A La Hán và Bồ Tát đều đông vô lượng vô biên, không thể tính đếm mà biết được, chỉ có thể gượng nói là vô lượng vô biên vô số thôi. Trong đó có rất nhiều bậc Nhất sinh Bổ xứ, không thể tính đếm...”

Bậc Thánh trong cõi khác hoặc là có số hạn như cõi Ta Bà có sáu mươi hai ức hàng hà sa số vị Bồ Tát v.v...

Lại nhân dân nơi Cực Lạc tuổi thọ đồng với Phật, nghĩa là vô lượng, như Tiểu Bốn Kinh nói : “Thọ mạng của Đức Phật đó và thọ mạng của nhân dân của Ngài, vô lượng vô biên vô số kiếp”.

Đây là nhân dân, La Hán, Bồ Tát của Đức Phật A Di Đà có phần đặc thắng trong các cõi nước mười phương vậy.

Vì những điều đặc thắng trên đây, nên trong văn nói :

Mười phương chư Phật ba đời, Di Đà bậc nhất...

Đối với chúng sinh, Đức Phật A Di Đà có một nguyện lực độ sinh rất lớn. Nguyện lực đó rõ ràng nhất là đã nêu bày trong bốn mươi tám điều nguyện của Ngài : Những nguyện độ khắp Thánh phàm trong mười phương ! Lại trong Quán Kinh có câu : “Phật tâm đó là lòng đại từ bi vậy, dùng vô duyên từ nhiếp độ các hạng chúng sinh”. Kinh lại nói : “Đức Vô Lượng Thọ Phật có 84.000 tướng, trong mỗi tướng đều có 84.000 tùy hình hảo, trong mỗi hình hảo lại có 84.000 ánh sáng, mỗi ánh sáng chiếu khắp các cõi nước ở mười phương. Ánh sáng này nhiếp thủ chúng sinh niệm Phật không lìa bỏ”.

Đức Phật A Di Đà đã có lòng từ, nguyện lớn,

phóng quang minh tiếp độ chúng sinh không lìa bỏ, nên trong văn nói :

Di Đà bậc nhất chẳng rời quần sinh.

Do nguyên lực của Đức Phật A Di Đà, nên những người được sinh về cõi Cực Lạc của Ngài đều từ trong hoa sen bấu nơi ao thất bảo mà hóa sinh, nghĩa là mượn hoa sen làm bào thai mà có thân hình. Đó gọi là “liên hoa thanh tịnh hóa sinh”, cũng có câu : “liên hoa vi phụ mẫu”. Vì người vãng sinh về đó, nơi phước trí có cao thấp, có nhiều ít không đồng nhau, nên hoa sen là chỗ thác sinh cũng có nhiều hạng, đại khái chia làm chín phẩm : 1) Thượng phẩm thượng sinh. 2) Thượng phẩm trung sinh. 3) Thượng phẩm hạ sinh (ba phẩm này thuộc bậc Đại thừa Bồ Tát). 4) Trung phẩm thượng sinh. 5) Trung phẩm trung sinh (hai phẩm đây thuộc hàng Nhị thừa Thánh nhân). 6)- Trung phẩm hạ sinh (một phẩm đây thuộc hàng có công đức lành ở đời. 7) Hạ phẩm thượng sinh. 8) Hạ phẩm trung sinh. 9) Hạ phẩm hạ sinh (ba phần này thuộc về hạng người tạo ác nghiệp)

Cứ nơi chín phẩm trên đây, thời thấy rằng từ bậc Đại thừa Bồ Tát, Nhị thừa Thánh Nhân, người lành tốt trong đời cho đến kẻ tạo ác nghiệp, phạm ngũ nghịch, thập ác v.v... mà có gia công niệm Phật, thời đều được vãng sinh về cõi Cực Lạc cả (trừ người hủy báng Tam Bảo).

Đức Phật A Di Đà sẵn đức từ bi nguyên lực,

dùng chín phẩm liên hoa báu để chực chờ tiếp dẫn chúng sinh nào muốn sinh về nước của Ngài. Nên trong văn nói :

Sen vàng chín phẩm sẵn dành.

Oai lực linh thông của Phật vô cùng, đức lành của Phật vô cực, trí quang chiếu phá sự mê tối của chúng sinh khắp mười phương, đó là “oai lực”. Chúng sinh niệm Phật, thời liền hộ niệm giữ gìn cho được an ổn không thối không thất, và hiện vô lượng thân đến khắp vô lượng thế giới để tiếp dẫn chúng sinh về Cực Lạc. Đây là “linh thông”. Tâm của Phật không phút nào quên chúng sinh, như mẹ hiền nhớ con, thương con. Lại không công đức nào mà Phật không hoàn mãn, đây là “đức lành”. Như Tiểu Bốn Kinh nói: “Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nghe nói đến Đức A Di Đà Phật rồi hoặc trong một ngày, hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn. Người này đến lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà và hàng Thánh chúng hiện ra nơi trước, người lúc chết tâm không điên đảo, liền dặng vãng sinh về nước Cực Lạc của Phật A Di Đà”. Kinh Lăng Nghiêm có câu : “Các Đức Như Lai trong mười phương thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con”. Lại có câu : “Người nào niệm danh hiệu Phật, thời hào quang của Phật chiếu đến người đó, làm cho các sự tai vạ tà ma, quỷ quái không đến gần được”.

Oai lực linh thông của Phật vô cùng, đức dày

của Phật lại vô cực nên văn nói :

Oai linh đức cả đã đành vô biên.

Từ đây nhần lên là giải một đoạn bốn câu kệ về phần tán thán công đức của Phật :

Mười phương chư Phật ba đời.

Di Đà bậc nhất chẳng rời quần sinh.

Sen vàng chín phẩm sẵn dành,

Oai linh đức cả đã đành vô biên.

Đã rõ nơi Đức Phật A Di Đà có vô lượng công đức thù thắng, nếu không quy y với Phật còn quy y với ai ? Quy y là đem cả thân mạng mình nương nơi Phật, gởi nơi Phật, giao phó cho Phật. Lại dùng lòng chí thành mà quy y. Trong văn nói :

Nay con dâng tấm lòng thiện quy y với Phật...

Từ thuở trước đến ngày nay, vì say mê nên đã lỡ lầm gây tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi. Ngày nay nhờ nghe kinh thấy Phật mà tỉnh ngộ, đã biết tự xét ăn năn, nên cũng mau mau dùng lòng chí thành mà sám hối tội lỗi, nghĩa là ăn năn tội trước, chữa cải lỗi sau. Nên trong văn nói : *Sám liền tội căn.*

Nay tự suy lấy ta trong những đời đã qua, chắc có lẽ ta cũng đã có tu tạo ít nhiều phước lành chớ chẳng không, vì nếu không có phước lành thời quyết hẳn là không được sinh làm người, vì loài người thuộc về thiện đạo trong lục đạo. Lại trong Kinh nói: Gặp được Phật pháp là điều rất khó. Rất khó mà nay ta được nghe, thời chắc chắn ta đã có căn lành sẵn

rồi, dầu có nhưng vì ta mê muội nên cách đời mà quên đi. Lại trong đời này, những ngày qua, hiện tại nay, và sau này, thời ta đã có làm lành, hiện tu tập, và sẽ vun trồng cội phước. Dầu thế, song còn thuộc hạng phàm phu, phiền não, nghiệp chướng đầy đầy, thời làm lành đâu dám chắc là thiệt lành, làm phước đâu dám tự hào là thiệt phước, chỉ có trí huệ của Đức Phật mới có thể nhận thiệt mà thôi, nên trong văn nói :

Phước lành con có chi chăng ?

Nương phước mà ở mãi nơi Ta bà thời chỉ được hưởng sự vui tạm bợ, hết phước tất phải khổ, hưởng trong vòng luân hồi, từ mê càng dễ đi sâu vào mê, hễ mê thời dễ gây nghiệp, đâu bằng đem công đức hồi hướng cầu vãng sinh Cực Lạc thế giới ở Tây phương, để được hưởng sự vui thanh tịnh và bảo đảm giải thoát, đây văn nói :

Ít nhiều quyết cũng nguyện rằng về Tây.

Từ đây trở lên là giải về bốn câu kệ quy y sám hối và hồi hướng :

Nay con dâng tám lòng thiện (thành)

Quy y với Phật, sám liền tội căn.

Phước lành con có chi chăng

Ít nhiều quyết cũng nguyện rằng về Tây.

Pháp lữ đề huề, thân cận thiện hữu, là điều cần thiết mà từ Đức Phật đến chư Tổ đều luôn nhắc nhở. Cùng dạy bảo cho nhau, những sự nhân nghĩa chân

chánh, những lý thú thâm huyền. Cùng nhau đồng hành pháp sự, đồng tu tịnh nghiệp. Cùng nhau tùy hỷ khi đắc ích, khuyên răn lúc sai lười... Mến nhau như ruột thịt, coi nhau như tay chân. Vì thế nên chẳng phải chỉ nghĩ riêng về phần mình, mà tâm tâm niệm niệm không quên mong mỏi cho thiện hữu cũng như trông cầu cho tự mình, sớm đăng kết thành ứng nghiệm lành trên đường tu tập : chính là nguyện bạn cùng mình, trong ngày hiện tại nơi đời sống này, hoặc thiên quán, hoặc lúc mộng mơ, cảm cách đến Phật, đến Thánh chúng, đến Cực Lạc, mà được thấy kim thân của Đức Phật, hoặc thấy hào quang hoặc thấy liên hoa, hoặc thần du cõi Cực Lạc v.v... để cho lòng tin thêm kiên cố, nguyện hạnh càng tiến triển. Nên trong văn nói :

Nguyện cùng với bạn tu đây

Tùy thời cảm ứng hiện nay diễm lành.

Có nhân tất có quả. Nhân là tu tịnh nghiệp : niệm Phật cầu vãng sinh Cực Lạc quốc. Quả là khi mãn báo thân trước uế này được thác chất liên hoa nơi ao báu ở Tây phương Cực Lạc thế giới. Trước ngày lâm chung, nguyện Đức Phật tin cho biết rõ ngày giờ, để vãng lòng chờ đợi. Đến lúc lâm chung, xin Đức Phật y bốn nguyện lực; hiện thân vàng cùng cảnh Thánh cho mình được thấy, nói pháp cho mình được nghe. Đã được thấy Phật, nghe pháp rồi, thời chánh niệm càng tinh tấn bội hơn ngày thường. Nên văn nói :

*Biết giờ biết khắc rõ ràng,
Lâm chung tận mặt cảnh lành Tây phương
Thấy nghe chánh niệm hơn thường.*

Chánh niệm tinh tấn, tâm không mê muội, không điên đảo, liền dặng vãng sinh về nước Cực Lạc thác chất nơi hoa sen thất bảo. Sau khi hoa nở, tâm nhãn khai thông, đôi mắt thanh tịnh thấy rõ thân quang minh tướng hảo của Đức Phật, được Phật vì mình mà thuyết pháp mầu, liền ngộ lý Vô sinh, chứng bậc Bất thoái, thoát hẳn vòng sinh tử luân hồi. Rồi cùng Đức Phật, dùng thần thông trí lực, vận dụng từ bi, hiện thân đến thập phương độ khắp mọi loài chúng sinh, đồng được giải thoát như mình đã được giải thoát. Như trong văn :

*Vãng sinh Lạc quốc đồng nương hoa vàng,
Hoa nở thấy Phật rõ ràng,
Thoát vòng sinh tử, độ an muôn loài.*

Từ đây nhãn lên là giải về tám câu kệ vì mình vì người phát nguyện :

*Nguyện cùng với bạn tu đây
Tùy thời cảm ứng hiện nay điềm lành.
Biết giờ biết khắc rõ ràng,
Lâm chung tận mặt cảnh lành Tây phương.
Thấy nghe chánh niệm hơn thường,
Vãng sinh Lạc quốc đồng nương hoa vàng.
Hoa nở thấy Phật rõ ràng,
Thoát vòng sinh tử độ an muôn loài.*

Muốn sau khi về Cực Lạc được ở phẩm cao, thời phải có hạnh nguyện Đại thừa, vì ba phẩm thượng trong chín phẩm chỉ có Đại thừa Bồ Tát mới được dự phần. Nên người tu Tịnh độ cần phát “Tứ hồng thệ nguyện” : Bốn nguyện này là những điều nguyện chung mà tất cả chúng Đại thừa ai cũng phải đủ.

- I. Thệ dứt tất cả phiền não, dầu là vô biên. Như văn nói :

Phiền não vô biên thệ dứt trừ.

- II. Nguyện học thông và tu tập tất cả pháp môn chánh đạo của Đức Phật truyền dạy, dầu là vô lượng. Như văn nói :

Pháp môn tu học chẳng còn dư.

- III. Lợi tha là chính hạnh của Đại thừa, là hoài bảo của Bồ Tát. Nên thệ độ tất cả chúng sinh, dầu là vô tận, độ đến đâu ? Độ đến giác ngạn kia. Như văn nói :

Chúng sinh nguyện độ bờ kia đến.

- IV. Và mục đích cuối cùng, là nguyện mình cùng tất cả muôn loài đồng viên mãn chánh trí, chứng nhập chân như, tức là thành Phật đạo hoàn toàn, Phật đạo vô thượng. Như văn nói :

Phật đạo cùng nhau chứng trí như.

Từ đây nhần lên là giải về bốn câu hồng thệ viết theo thể tứ cú để cho có phần đặc biệt, là ý muốn người tụng đến phải chú ý :

*Phiền não vô biên thệ dứt trừ.
 Pháp môn tu học chẳng còn dư.
 Chúng sinh nguyện độ bờ kia đến.
 Phật đạo cùng nhau chứng trí như.*

Từ đây nhả xuống là bốn câu kết thúc, lập chí bền chắc, giữ nguyện kiên cố, hư không chẳng bao giờ cùng tận, cái không cùng tận mà giả tử cho cùng tận đi nữa, nhưng những điều mà ta đã thệ nguyện ở trên đó quyết không hề cùng tận, không mảy may dời đổi. Đây là ý nói nguyện của ta bền chắc vững vàng hơn cõi hư không.

Những loài có tình thức (người, vật v.v...) cùng với những loài không tình thức (núi, sông v.v...) khắp trong thế giới, ta đều bình đẳng nguyện cầu cho tất cả đồng viên thành trí huệ nhiệm mầu của Phật. Như văn nói :

*Hư không cõi nọ dầu cùng, (cùng tận)
 Nguyện trên còn mãi cho cùng (cùng tận)
 chẳng thiên (dời đổi)*

*Không tình cùng có (có tình) đồng nguyện :
 Trí mầu của Phật đồng viên đồng thành.*

Hỏi : Loài có tình thức tu tập viên thành Phật trí thì phải, còn vô tình sao cũng đồng thành ?

Đáp : Có hai nghĩa :

A) Vô tình là y báo, hữu tình là chánh báo. Y báo là do chánh báo cảm ra. Nên khi chánh báo (hữu

tình) thành Phật trí, thời y báo (vô tình) cũng chuyển thành Phật cảnh. Vì nơi Phật cảnh cùng trí không sai biệt, nên đồng viên thành Phật trí cũng không ngại, đó là lấy trí nhiếp cảnh vậy.

B) Giác tánh ở nơi hữu tình thời gọi là Phật tánh, ở nơi vô tình thời gọi là Pháp tánh. Phật tánh và Pháp tánh đều là Giác tánh. Thành Phật là viên chứng giác tánh, rốt ráo bình đẳng viên dung thời đâu còn có hữu và vô sai biệt cách ngại như phạm phu. Như thế, há lại không phải đồng viên đồng thành đó ư ?

(20). Vì muốn cho các điều hạnh nguyện trên được dung thông pháp giới, rộng lớn tuyệt đối, nên tiếp tụng mười điều nguyện vương của ngài Phổ Hiền Bồ Tát tuyên thuyết nơi Hoa Nghiêm đại hội. Viên mãn mười nguyện vương này thời tức là mãn Phật quả vậy.

1) Phật dạy : Chúng sinh lưu lã trong vòng sinh tử, chính là vì trái quên tánh giác mà dong ruổi theo trần lao. Trần lao là món vô thường nên theo nó tất cũng lưu chuyển như nó. Nếu chúng sinh thức tỉnh, biết xét trở lại, rời trần lao mà xoay về giác tánh thời khỏi hăn luân hồi, vì giác tánh là bốn thể bất động.

Bậc chúng cùng giác tánh là Đức Phật, nên điều nguyện thứ nhất lễ Phật đây là biểu tượng trái trần lao hiệp giác tánh. Như văn nói :

Một là lạy Phật Thế Tôn,

“Phật Thế Tôn” là đáng Vô thượng Chánh giác, tôn quý nhất thế gian và xuất thế gian.

Lạy Phật như thế nào ?

Trong phẩm Hạnh Nguyên, ngài Phổ Hiền có giảng giải điều đó như thế này : “Tất cả vi trần số chư Phật ở mười phương ba đời, do ta dùng sức hạnh nguyện Phổ Hiền, nên thâm tâm tín giải như đối trước mắt, đều dùng thân, ngữ, ý ba nghiệp mà thường cung kính đảnh lễ luôn. Nơi mỗi Đức Phật ta đều hiện ra vi trần số thân. Mỗi mỗi thân đảnh lễ khắp vi trần số Đức Phật. Sự lễ kính của ta đây không có cùng tận, niệm niệm nối luôn không có xen hở, ba nghiệp không có nhàm mỏi”. Trong văn tóm tắt nói :

Hiện thân trước Phật hết lòng kính tin.

2) Điều nguyện vương thứ hai là “Khen ngợi Như Lai”.

Về điều nguyện này trong “Hạnh Nguyên phẩm” nói : Tất cả cõi nước trong mười phương ba đời có bao nhiêu vi trần, trong mỗi vi trần đều có vi trần số Phật, nơi chỗ của mỗi Đức Phật, đều có hải hội Bồ Tát vây quanh. Ta đều phải dùng sức thắng giải hiện tiền tri kiến rất sâu, đều dùng thiết cần nhiệm mầu hơn cả Biện Tài Thiện Nữ, mỗi mỗi thiết cần vang ra biển âm thanh vô tận, mỗi mỗi âm thanh diễn ra biển tất cả lời nói, ngợi khen tán thán

biển các công đức của tất cả Như Lai, cùng tốt thuở vị lai nối luôn không ngắt, tận cõi hư không đều cùng khắp cả”.

Tóm nghĩa kinh văn nói :

Hai khen Phật đức rộng thênh (thênh thanh)

Lời hay tiếng tốt tận tình ngợi ca.

3) Điều nguyện vương thứ ba là “Rộng sắm cúng dường”.

Hạnh Nguyên Phẩm giải rằng : Trong vi trần của tất cả cõi nước ở mười phương ba đời, mỗi mỗi đều có vi trần số Phật, nơi chỗ của mỗi Đức Phật, đều có hải hội các hạng Bồ Tát vây quanh, ta do sức hạnh nguyện Phổ Hiền, mà sinh tri kiến hiện tiền tín giải rất sâu đều đem các thứ đồ cúng dường thượng diệu để mà cúng dường. Những là : mây hoa, mây tràng hoa, mây âm nhạc trời, mây tàn lọng, mây y phục trời, các thứ hương trời : hương xoa, hương bột, hương xông... mỗi thứ mây đó lượng lớn như núi Tu Di. Thắp các thứ đèn, đèn tô, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm mỗi mỗi đèn lượng như hòn núi Tu Di, dầu trong mỗi đèn như nước biển lớn. Dùng các thứ cúng dường như thế thường đem cúng dường.

Này Thiện nam tử ! Pháp cúng dường là hơn hết trong các cách cúng dường. Đó là : Đúng theo lời Phật dạy mà tu hành để cúng dường, làm lợi ích cho chúng sinh để cúng dường, nhiếp thọ chúng sinh để cúng dường, thay thế sự khổ cho chúng sinh để cúng

dường, siêng tu cần lành để cúng dường, chẳng bỏ hạnh nghiệp Bồ Tát để cúng dường, chẳng rời tâm Bồ đề để cúng dường.

Này Thiện nam tử ! Với chừng một phần công đức của pháp cúng dường đem vô lượng phần công đức của tài cúng dường ở trước mà so sánh cũng không bằng : phần trăm, không bằng một phần nghìn v.v...

Bởi sao ? Vì các Đức Như Lai đều tôn trọng pháp vậy, vì tu hành đúng theo lời Phật dạy thời là xuất sinh các Đức Phật vậy. Nếu các vị Bồ Tát tu hành về pháp cúng dường, thời việc cúng dường Đức Như Lai được thành tựu.

Tu hành như thế là chân thật cúng dường. Cho nên đây là sự cúng dường rộng lớn tối thắng.

Nơi văn lược nói :

Ba thời sắm đủ hương hoa,

Tràng phan, bảo cái dâng ra cúng dường.

4) Điều nguyện thứ tư là “Sám hối nghiệp chướng” .

“Sám” là Phạn âm, nói đủ là “Sám Ma”, Hán dịch là “Hối Quá”. Lấy chữ “Sám” trong sám ma cùng chữ “Hối” trong hối quá mà gọi chung là “Sám Hối”, nghĩa là ăn năn chừa cải. Nghiệp là những việc tạo tác không lành của thân, khẩu, ý, nghiệp này nó làm ngại đường lành, nó ngăn đạo Thánh nên gọi là nghiệp chướng.

Về điều nguyện này, trong phẩm giải rằng :

Bồ Tát tự nghĩ như vậy : Ta trong vô thủy kiếp về quá khứ, do lòng tham lam, sân hận, ngu si, phát ra nơi thân, khẩu, ý, đã làm ra vô lượng vô biên nghiệp chẳng lành.

Nếu nghiệp ác đó có thể tương thiệt, thời tất cả cõi hư không cũng không thể dung thọ cho hết. Nay ta đều đem ba nghiệp thanh tịnh, đối khắp trước tất cả chư Phật cùng chúng Bồ Tát, thành tâm sám hối, về sau không phạm nữa, luôn trụ nơi giới pháp thanh tịnh tất cả công đức...”

Trong văn nói :

Bốn, vì mê chấp lầm đường (si)

Tham, sân nghiệp chướng con thường sám luôn.

5) Điều nguyện vương thứ năm là : “Tùy hỷ công đức”.

Thấy người khác có công đức mà mình thật tâm vui lòng tán thành, đó gọi là : tùy hỷ công đức.

Về điều nguyện này, trong phẩm giải rằng : “Vi trần số chư Phật Như Lai, từ khi mới phát tâm vì cầu Nhất thiết chủng trí mà siêng tu phước và huệ, chẳng tiếc thân mạng, trải qua vi trần số kiếp. Trong mỗi kiếp xả thí vi trần số đầu mắt tay chân, thực hành tất cả hạnh khổ khó làm như thế. Viên mãn các môn Ba la mật, chứng nhập các Trí địa Bồ Tát thành tựu đạo vô thượng Bồ đề của chư Phật, cho đến nhập Niết bàn phân chia xá lợi... Nơi Đức Phật có bao nhiêu thiện căn tâm ta đều tùy hỷ cả.

Và trong tất cả thế giới ở mười phương kia, tất cả mọi loài lục đạo tứ sinh... có bao nhiêu công đức cho đến chừng một mảy trần, ta đều tùy hỷ cả.

Tất cả Thanh Văn và Bích Chi Phật, hàng hữu học cùng vô học trong mười phương ba đời, có bao nhiêu công đức ta đều tùy hỷ cả.

Tất cả Bồ Tát tu vô lượng hạnh khổ khó làm, chí cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề công đức rộng lớn, ta đều tùy hỷ cả.

Bao quát nghĩa trên, trong văn nói :

*Năm, suy công đức vàn muôn (muôn muôn)
Của phàm (tứ sinh) của Thánh (Phật, Bồ Tát)
con đồng vui ư.*

6) Điều nguyện vương thứ sáu là “Thỉnh chuyển pháp luân”.

“Thỉnh” : là cầu thỉnh với Đức Phật. “Chuyển” : là diễn nói dạy trao; “Pháp luân” có hai nghĩa :

A) Vòng pháp, ý nói không cùng không tận, vô thỉ vô chung, không thể phân biệt nghĩ bàn, như vòng tròn.

B) Bánh xe pháp, pháp của Đức Phật có thể đưa người tu hành từ mê đến giác, từ phàm đến Thánh, từ khổ sang vui, từ sinh tử đến trường tồn, lại hay phá trừ tứ ma các chướng v.v... Như bánh xe lăn từ đây sang kia, cán rập những chông gai sạn sỏi v.v...

Trong Hạnh Nguyên Phẩm giải rằng : “Trong vi trần của tất cả cõi nước ở mười phương ba đời, mỗi mỗi đều có vi trần số cõi nước rộng lớn, trong mỗi cõi nước niệm niệm đều có vi trần số Đức Phật thành bậc Đăng Chánh Giác mỗi Đức Phật đều có tất cả hải hội Bồ Tát vây quanh. Ta đều dùng thân, khẩu, ý đủ các phương tiện, để ân cần thỉnh tất cả chư Phật chuyển diệu pháp luân v.v...”

Bày nghĩa trên, văn nói : .

Sau khi Phật chứng thượng thừa

Pháp mầu con thỉnh đã vừa truyền trao.

“Thượng thừa”, chính là Tối thượng thừa, là Phật thừa, chúng Phật thừa là thành Phật. “Pháp mầu là vi diệu pháp luân. “Đã vừa” là đã vừa đến thời, vừa phải cơ.

Đức Phật thành Phật, là vì chúng sinh mà thành Phật. Đã vì chúng sinh, sao còn chờ cầu thỉnh?

A) Vì muốn cho chánh pháp có phần quý trọng, có quý trọng mọi người mới sinh lòng hy hữu khao khát ngưỡng vọng, có khao khát ngưỡng vọng mới có thể được lợi ích.

B) Lòng của Bồ Tát lúc nào cũng thiết tha nong nả đối với sự lợi người lợi mình. Mình cùng người được lợi không gì bằng được nghe Phật thuyết pháp, nên Đức Phật chưa nói, mà Bồ tát đã van cầu thỉnh trước.

7) Điều nguyện vương thứ bảy là “Thỉnh Phật trụ lại đời”

Trong Hạnh Nguyện Phẩm giải rằng : “Vi trần số chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời toan muốn nhập Niết bàn, và các Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, hữu học, vô học, cho đến các vị Thiện tri thức. Ta đều cầu thỉnh tất cả chớ nhập Niết bàn, xin ở mãi nơi đời trải qua vi trần số kiếp vì muốn cho tất cả chúng sinh được lợi lạc...”

Như trong văn nói :

Bảy, lòng chẳng chút lãng xao.

Cầu xin chư Phật chớ vào Vô dư.

“Lòng chẳng lãng xao” là tâm tâm niệm niệm cầu thỉnh luôn “không ngừng không hở”. “Vô dư” là Vô dư y Niết bàn. “Niết bàn”, là cảnh giới sở chứng của các bậc Thánh xuất thế, nơi đó tịch tịnh an thường, “tịch tịnh an thường” là nghĩa chính của “Niết bàn” khác hẳn với cảnh phàm phiền nhiễu loạn động sinh diệt.

Niết bàn có bốn : 1.- Hữu dư y Niết bàn. 2.- Vô dư y Niết bàn. 3.- Vô trụ xứ Niết bàn. 4.- Tánh tịnh Niết bàn.

Đây về Vô dư y Niết bàn, là quả Niết bàn không còn thừa những báo và vô minh. Báo là thân hiện tại nơi thế. Ngoài Đức Phật ra từ Đẳng giác Bồ Tát trở xuống đến Bích Chi Phật, A La Hán, đều còn vô minh. Nên cứu cánh Vô dư y Niết bàn chỉ có bậc

Phật là cùng tột.

Các bậc Thánh xuất thế không còn hệ lụy trong vòng sinh tử, nên muốn ở đời bao lâu vẫn được tự tại vô ngại. Do đó mới khuyến thỉnh vậy.

8)- Điều nguyện vương thứ tám là “Thường học theo Phật”.

Trong Hạnh Nguyên Phẩm giải rằng : “Nhu Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai trong cõi Ta bà này, từ khi mới phát tâm, thời tinh tấn luôn không lui sụt. Dem bất khả thuyết, bất khả thuyết thân mạng mà bố thí. Ngài lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, chích máu làm mực, để biên chép kinh điển, chứa nhiều như núi Tu Di. Vì trọng pháp mà Ngài không tiếc thân mạng, huống nữa là ngôi vua, thành ấp v.v... và các hạnh khổ khó làm khác, cho đến dưới gốc cây Ngài chứng quả Bồ đề. Ngài thị hiện các món thân thông, khởi các thứ biến hóa, hiện các hạng Phật thân ở các nơi chúng hội : hoặc ở trong chúng hội đạo tràng của tất cả các bậc đại Bồ Tát, hoặc chúng hội đạo tràng của Thanh Văn, Bích Chi Phật, cho đến chúng hội đạo tràng của Thiên, Long Bát Bộ... ở trong những chúng hội như thế, Ngài dùng âm thanh viên mãn như sấm lớn vang dội, tùy theo chỗ hạp nghi của mỗi chúng hội, mà nói pháp để giáo hóa chúng sinh, cho đến Ngài thị hiện nhập Niết bàn. Tất cả công hạnh của Ngài như thế ta đều học theo. Như với Đức Tỳ Lô Giá Na Thế Tôn với tất cả chư Phật ở mười phương ta cũng luôn luôn học theo

cả. Ngụ bày những nghĩa trên, trong văn nói :

Nguyên thường tu học Đại thừa

Bao giờ bằng Phật mới vừa lòng con.

Đã muốn bằng Phật lẽ tất nhiên là phải học theo Phật.

9.- Điều nguyện thứ chín là “Tùy thuận chúng sinh luôn”.

“Tùy thuận” đây chính là ý thiết tha lân mẫn chúng sinh, chịu theo chỗ hấp nghi, lòng nguyện vọng trong sạch của chúng sinh mà thi hành những phương pháp gì để chúng sinh được lợi ích trên đường giải thoát khỏi khổ...

Hạnh Nguyên Phẩm giải rằng : “Bao nhiêu chúng sinh chủng loại sai khác ở mười phương, những là loài tứ sinh, hoặc loài nương nơi đất, nước, gió, lửa mà an trụ. Hoặc là loài nương nơi hư không và cỏ cây mà an trụ... cho đến Thiên, Long, bát bộ, người cùng phi nhân, hoặc loài không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, loài có sắc không sắc, có tướng, không tướng v.v... Ở nơi các loại như thế, ta đều tùy thuận mà thực hành những điều kính thờ cúng dường, như kính cha mẹ, Sư trưởng, A La Hán cho đến như kính Đức Như Lai không khác.

Với kẻ bệnh khổ thời ta là ông lương y, với kẻ lạc đường thời ta là người chỉ con đường chánh, với kẻ trong đêm tối thời ta là người soi sáng; với kẻ nghèo cùng thời ta làm cho họ được kho báu. Bồ Tát

bình đẳng, lợi ích cho tất cả chúng sinh như thế. Tại làm sao ? Vì nếu có thể tùy thuận chúng sinh, thời là tùy thuận cúng dường chư Phật, ở nơi chúng sinh nếu có thể tôn trọng thừa sự thời là tôn trọng thừa sự Như Lai, nếu làm cho chúng sinh sinh lòng vui mừng thời là làm cho tất cả Đức Như Lai vui mừng.

Tại làm sao ? Vì chư Phật Như Lai dùng tâm đại bi mà làm thế vậy.

Nhân nơi chúng sinh mà sinh lòng đại bi, nhân nơi đại bi mà phát tâm Bồ đề, nhân tâm Bồ đề mà thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Ví như trong đồng trống sa mạc có cây Thọ vương lớn, nếu như cây đó được nước thấm nhuần, thời nhánh lá bông trái thảy đều sum suê.

Cây Thọ vương trong đồng trống sinh tử cũng lại như thế, tất cả chúng sinh là gốc rễ của cây, chư Phật, Bồ Tát là bông trái. Dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sinh, thời tất cả có thể thành tựu bông Bồ Tát cùng trái trí huệ của chư Phật.

Bởi sao vậy ? Vì nếu các Bồ Tát dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sinh thời có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Bồ đề thuộc nơi chúng sinh nếu không chúng sinh, thời tất cả Bồ Tát trọn hẳn chẳng hề thành bậc Vô thượng Chánh giác. Nay Thiện nam tử ! Đối với nghĩa đó, ông nên hiểu như thế.

Bởi ở nơi chúng sinh mà tâm bình đẳng, thời có thể thành tựu đức đại bi viên mãn. Dùng lòng đại

bi để tùy thuận chúng sinh như thế...”

Lược nghĩa trên, văn nói :

Chín, thề chẳng dám mồi mìn.

Dắt dìu muôn loại đều tròn Pháp thân.

“Pháp thân” là thân của chư Phật. Độ muôn loại viên mãn Phật quả, chính là chỗ tùy thuận cứu cánh làm lợi ích cho chúng sinh vậy.

10) Điều nguyện vương thứ mười là “Điều hồi hướng khắp cả”.

Trong Hạnh Nguyện Phẩm giải rằng : “Từ việc lễ bái” đầu tiên cho đến “Tùy thuận chúng sinh” mà có bao nhiêu công đức, ta thấy đều đem hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Ta nguyện cho chúng sinh thường được an vui, không có các bệnh khổ. Như họ có muốn làm việc ác thấy đều không thành. Còn những nghiệp lành của họ tu, thời đều mau thành tựu. Đóng bít tất cả cửa ác đạo mở bày đường chánh : Nhân, Thiên, Niết Bàn.

Nếu các chúng sinh, nhân vì họ gây tạo các ác nghiệp mà phải cảm vơi lấy quả khổ rất nặng, thời ta nguyện chịu thế, để cho chúng sinh đó đặng giải thoát rốt ráo thành tựu đạo Vô thượng Chánh giác.

Bồ Tát tu nguyện hồi hướng như thế...”

Gồm ý trên, trong văn nói :

Mười, đem tất cả công huân.

Mọi loại cùng hướng, khắp trần cùng vui.

Trong Hạnh Nguyện Phẩm, sau khi giảng giải

mười điều nguyện vương xong, nơi đoạn đắc ích, về trường hàng có nói như vậy : “Lại nữa, người đó lúc mạng chung đến sát na rốt sau, tất cả các thân căn thấy đều tán hoại, tất cả hàng thân thuộc đều xa lìa, tất cả oai thế đều thối thất, nào quan phụ tướng đại thần, nào cung thành nội ngoại, voi ngựa xe cộ của báu kho dựn... tất cả những món như thế không còn theo nhau, chỉ có mười nguyện vương chẳng xa rời nhau, trong tất cả lúc, nó dẫn đường nơi trước, trong khoảng một sát na liền đặng vãng sinh về cõi Cực Lạc. Đến rồi, liền thấy Đức Phật A Di Đà, ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, ngài Phổ Hiền Bồ Tát, ngài Quán Tự Tại Bồ Tát, ngài Di Lặc Bồ Tát v.v...

Và về phần kệ có những câu này :

*Nguyện đến lúc tôi sắp mạng chung
Sạch trừ tất cả những chướng ngại,
Tận mắt thấy Đức A Di Đà.
Liền đặng vãng sinh về Cực Lạc.
Phật kia, chúng hội đều thanh tịnh,
Tôi liền từ thẳng liên hoa sinh,
Thấy rõ Đức Phật Vô Lượng Quang,
Hiện tiền trao tôi “Bồ đề ký”.
Được Đức Như Lai thọ ký xong,
Tôi hóa vô số trăm ức thân,
Sức trí rộng lớn khắp mười phương,
Lợi ích tất cả cõi chúng sinh.*

Vì nương theo văn trong phẩm, mà cũng chính là mục đích của người tu về pháp môn Tịnh độ, nên sau mười nguyện liền tiếp nói :

*Phổ Hiền nguyện lớn nguyện rồi,
Nguyện về Cực Lạc, nguyện ngôi tòa sen.*

Tất cả những đoạn giải thích trên đây, toàn là y cứ nơi Kinh cả. Hoặc khi tụng sám văn, hoặc lúc xem thích nghĩa, chính đó là tụng xem nghĩa lý trong Kinh thời công đức vô lượng. Như trong phẩm có nói : “Như có người thiện nam, người thiện nữ nào dùng của báu thượng diệu đầy cả vi trần thế giới v.v... để bố thí chúng sinh trong tất cả thế giới, để cúng dường cho chư Phật, Bồ Tát trong tất cả thế giới luôn luôn như vậy trải đến vi trần số kiếp không ngớt. Công đức của thiện nam hay thiện nữ này đặng, sánh không bằng một phần trăm công đức, một phần nghìn công đức v.v... của người nghe nguyện vương này một phen thoáng qua tai”.

Công đức của chúng sinh nào đọc tụng nguyện vương này và khắp vì người mà giảng nói, ngoài Đức Phật ra không ai có thể biết được.

Dầu thế nào, đây cũng thuộc về phần tóm tắt. Nếu người nào muốn hiểu biết rõ ràng đầy đủ hơn, xin tụng đọc những bộ này :

1) Phật thuyết A Di Đà Kinh, tức là Tiểu Bản A Di Đà Kinh.

2) Vô Lượng Thọ Phật Kinh, tức là Đại Bản A Di Đà Kinh.

3) Quán Vô Lượng Thọ Kinh, tức là Quán Kinh.

4) Phổ Hiền Hạnh Nguyên phẩm.



LỜI BẠT

Một hôm, nhà ấn tống chủ viết thư cho tôi, nhờ tôi viết dịch cả âm nghĩa bộ “Tam Bảo” và kinh “Địa Tạng”.

Bộ Tam Bảo ! Không rõ miền Trung và miền Bắc Việt Nam có đồng nhận như người ở miền Nam hay không. “Bộ Tam Bảo” là danh từ gọi tắt năm thứ kinh sau đây hỗn hợp lại : 1.- Kinh Phật Thuyết A Di Đà. 2.- Hồng Danh Bửu Sám. 3.- Kinh Vu Lan Bồn. 4.- Phẩm Quan Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn.

5.- Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.

Ở miền Nam này, những hàng Phật tử, cả tại gia và xuất gia, mỗi khi muốn chỉ chung năm thứ kinh trên đây phần nhiều đều nói “Bộ Tam Bảo”. Như : - Tôi nguyện tụng... bộ Tam Bảo - Tôi đi thỉnh bộ Tam Bảo - Tôi thọ trì bộ Tam Bảo - Tôi ấn tống bộ Tam Bảo v.v...

Tại sao năm thứ kinh này gọi là “Bộ Tam Bảo” ? - Ai là người thuyết ra danh từ đó trước nhất ? Vấn đề ở câu hỏi thứ hai không sao tìm ra manh mối để giải đáp cho có bằng cứ xác thật, vì đã trải qua nhiều thời gian, vả lại dấu vết ấy không thấy ghi lại trong quyển sách vở nào. Mà đến vấn đề

trong câu gạn thứ nhất cũng chưa được thấy ở đâu có lời giải thích rạch ròi.

Thiết tưởng, người có ý thức, phạm những lời nói ra cũng như ở việc làm trước phải hiểu rõ và cần phải tránh hay phải giáo chính những điều không ý nghĩa hoặc mạo nhận. Như thế, nghĩa là bao giờ chúng ta cũng cần suy cứu, nghiên tầm những danh từ quan trọng cũng như tất cả điều quan trọng khác khi chúng ta muốn dùng đến, nếu nơi đó chúng ta còn chưa rành rẽ.

“Bộ Tam Bảo” phải chăng là một danh từ quan trọng và ý nghĩa của nó, là một vấn đề mà chúng ta cần phải suy nghiệm ?

Chúng ta không thể bỏ qua đối với vấn đề ấy, vì chúng ta vẫn luôn luôn dùng đến nó kia mà !

“Bộ Tam Bảo” hẳn đã đành là một danh từ không có quy cứ ở trong Thánh Giáo, có lẽ nó chỉ là do trong thời kỳ trước, một vị nào đó sắp đặt ra để kêu gọi năm thứ Kinh này cho được đón gọn, mà hiện nay không do đâu để suy ra nguyên bản được. Nhưng vấn đề suy cứu ý nghĩa của nó là điều khẩn yếu hơn.

Dưới đây, tôi xin trình bày một vài ý nghĩa của danh từ.

“Bộ Tam Bảo” và tuần thứ của nó, những ý nghĩa riêng của tôi nhận xét, còn phần đúng cùng

chăng, hoàn bị hay khuyết điểm xin nhường ở sự thẩm định của các bậc cao minh thức giả.

Biện về ý nghĩa có hai phần :

A) Tổng

B) Biệt

A) Trong năm thứ Kinh đã kể ở trên, đó là gọi cho gọn, chớ kỳ thật là bốn Kinh và một sám văn, mỗi Kinh đều thấy đủ cả Phật, Pháp và Tăng. Cứ đó mà suy thời chẳng những trong năm thứ đã đủ cả Phật, Pháp và Tăng, mà ngoài ra trong các Kinh khác như Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa v.v... không bộ nào là chẳng đủ Phật, Pháp và Tăng. Vì bất luận kinh nào, trong đó cũng có Đức Phật là vị thuyết pháp chủ hay danh hiệu của chư Phật, lời của Phật dạy hoặc của Bồ Tát v.v... giải bày cùng bốn bộ chúng v.v... dự hội. Cứ lấy ý này, thời tất cả những bộ Kinh điển trong nhà Phật đều có thể gọi là “Kinh Tam Bảo” (kinh thuộc về Phật, Pháp và Tăng) cả và suy rộng thêm một chút thời “Bộ Tam Bảo” có thể là danh từ để dùng vào sự gọi tắt toàn cả Đại Tạng giáo điển. Dầu vậy nhưng nay đã riêng định áp dụng ba chữ đó để làm một danh từ đại diện cho năm thứ Kinh trên mà mọi người đều công nhận thời cũng có phần được, vì thứ Kinh trên chính thật là Kinh điển trong nhà Phật. Người trước nhất đã áp dụng riêng biệt như vậy, có lẽ vì năm thứ Kinh này là mấy thứ Kinh thông dụng để trì tụng hằng ngày của người tu Phật có

phân phổ cập nhất trong thời đại gần đây !

B) Trong năm thứ Kinh này nếu tế thẩm về phần đại thể quan yếu, thời thấy rằng :

Kinh “Phật Thuyết A Di Đà” và “Hong Danh Bửu Sam” có thể phối với “Phật Bảo”. Vì trong Kinh A Di Đà khuyên người tin Phật A Di Đà cùng cầu nguyện vãng sinh về cõi của Ngài. Trong văn Bửu Sam, một phần lớn là xưng niệm và lễ lạy hồng danh của chư Phật.

Kinh “Vu Lan Bồn” và phẩm “Quan Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn” có thể phối với “Tăng Bảo”. Vì chủ chính của Kinh Vu Lan là nói nhân duyên của ngài đại A La Hán Ma Ha Mục Kiền Liên vì lòng hiếu từ mà độ cho mẹ. Đại thể trong phẩm Phổ Môn là bày rõ thần lực tự tại cùng phương tiện độ sinh của đức Quan Thế Âm Bồ Tát. A La Hán và Bồ Tát là Hiền, Thánh Tăng !

Cuối cùng Kinh “Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật” có thể phối với “Pháp Bảo”. Vì toàn bộ Kinh Kim Cang là Đức Phật vì ông Tu Bồ đề và chúng hội mà giảng rõ diệu lý “thật tướng ly tướng” hiển bày “Pháp thân bất động” và trực chỉ “tự tánh đại trí huệ cứu cánh Kim Cang Bát Nhã”.

Hai món đầu phối “Phật Bảo”, một Kinh sau cùng phối “Pháp Bảo”, hai thứ giữa phối “Tăng Bảo”. Hiệp chung cả năm thứ lại gọi tổng là bộ Tam Bảo. Cứ theo đoạn B này đã tế thẩm phần đại

thể của năm thứ phối hiệp với Phật, Pháp, Tăng, thời ba tiếng “Bộ Tam Bảo” dùng làm cái hiệu đại diện cho năm thứ Kinh đây cũng có ý nghĩa đúng lắm.

Đã lược định xong ý nghĩa của danh từ “Bộ Tam Bảo” còn phần ý nghĩa về tuần thứ thời như thế nào ?

Tuần thứ của Bộ Tam Bảo tức là thứ tự trước sau của bốn Kinh và một sám văn đã kể ở đoạn đầu. Xét kỹ đến thời thấy có ý nghĩa rất hay về sự luân quán. Nghĩa là nếu xâu hiệp lại thời năm món sắp để trước sau rất có ý nghĩa, và cứ thứ tự đó, năm món tương quan tương trợ nhau mà làm cho hành nhân được nhiều điều lợi ích rất lớn trên con đường tu tập về quán niệm.

Chúng sinh trong thời mạt thế, tuổi thọ đoản thúc lại thêm chương duyên rất nhiều, tội nghiệp sâu nặng, cứ tự lực khó có thể trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà siêu phàm nhập Thánh được. Không chống nổi tứ ma, mắc phải hoặc triền, nghiệp phược, chôn lụy đạo, nẻo luân hồi tránh sao khỏi đời đời khổ lụy. Tự lực không chưa đủ, còn cần phải nương tha lực. Nguyên lực của Đức Phật A Di Đà rất rộng lớn, nhiếp thủ không rời những chúng sinh nào có lòng muốn theo Ngài, muốn về nương với Đức Phật, lại thêm trong cõi Cực Lạc ròng rạc những thuận duyên thù thắng thời mới nắm chắc

phần thoát khỏi hẳn biển trầm luân cùng vượt qua dòng sinh tử. Do cố đó nên trước phải tụng “Kinh A Di Đà” để rèn bền tín tâm, lập vững chí nguyện, tinh tấn trì danh hiệu của Phật, cần cầu được vãng sinh về cõi Cực Lạc : “Về Cực Lạc hầu Đức Phật A Di Đà” làm chỗ quy thú duy nhất của đời mình.

Chỗ quy thú đã lập, dầu vậy, xong ở nơi hành nhân không sao khỏi bị tức chướng nó nhiều nhưong khuấy rối, hoặc làm cho tâm tạp loạn, hoặc làm cho thân ốm đau... Muốn yên ổn trên đường tu hành, phải phát nguyện rộng lớn, lễ 89 vị Phật chí thành cầu ai sám hối, để tiêu trừ nghiệp căn tội chướng của mình đã gây tạo ra từ vô thủy đến nay. “Văn Hồng Danh Bửu Sám”, sắp vào hàng thứ hai vì cố này vậy. Đã phát nguyện rộng, lập chí lớn thời chẳng những lo giải thoát phần mình mà còn gấp toan lợi ích quần sinh. Loài ngạ quỷ là một hạng chúng sinh đang bị thống khổ không ngần.

Công ơn cha mẹ đối với con có phần sâu dày bậc nhất mà cũng là thân thiết nhất. Lễ tất nhiên, khổ nhiều phải cứu gấp, thân thiết phải độ trước, do đây mà hàng thứ ba có “Kinh Vu Lan Bồn” vậy.

Song thân đã có phương độ, ngạ quỷ đã có chước cứu. Nhưng pháp giới rộng vô biên, chúng sinh đông vô lượng, lấy sức kém, trí nhỏ đâu có thể thực hiện được chí nguyện rộng lớn. Một gáo nước có thấm vào đâu đối với kiếp hỏa ! Vậy phải làm

thế nào thân đồng pháp giới, lực dụng vô biên, tự tại độ mọi loài mới mãn bốn thế được. Nên tiếp đến hàng thứ tư có “Phổ Môn Phẩm” chính là để học hạnh của Quan Thế Âm, nhập như huyền văn huân văn tu Kinh Kim Cang Tam muội, trên cùng chư Phật hiệp một sức từ, dưới với chúng sinh đồng một bi ngưỡng, một thân ứng khắp mười phương, hiện ba mươi hai tướng, nường mười bốn món vô úy, dùng mười chín loại thuyết pháp, viên thành diệu hạnh để phổ nhiếp mọi loài trong pháp giới vậy.

Dầu rằng quy thú đã phải chỗ, tội căn đã sám trừ, nguyện lớn đã thực hành, diệu hạnh đã tu tập, song còn e trước tướng tấn tu, trệ ngại nơi sắc thình mà xa cách Pháp thân, công đức hữu hạn nên rút sau trì Kinh “Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật” để phá tâm trụ trước, trừ niệm ngã pháp, hầu thâm nhập diệt lý thí không thí, tu không tu, đắc không đắc, chúng không chúng, ly tất cả cảnh tướng, bật tất cả duyên niệm, để viên mãn thí, tu, đắc, chúng. Nơi tâm rỗng rang như hư không, nơi trí lặng lẽ dường gương sáng, chúng Pháp thân thật tướng, nhập chân tánh diệu cảnh, hiển Kim Cang Bát Nhã diệu dụng...”

Viết Lời Bạt này tại :

Liên Hải Phật Học Đường

sau khi dịch xong bộ Tam Bảo.

PL. 2.492, mùa Đông năm Mậu Tý (1948)

NGHI THỨC

SÁM HỐI NIỆM PHẬT

LỜI KHAI THỊ. - Tất cả pháp của Phật dạy đều có tông chỉ, y theo tông chỉ mà thực hành mới có kết quả. Tông chỉ của môn niệm Phật là TÍN, NGUYỆN và HẠNH.

Thế nào là TÍN ? - Tin chắc cõi Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm ở cách đây mười muôn ức Phật độ về phương Tây là chỗ mình nguyện sẽ về. Tin chắc nguyện lực của Phật A Di Đà, nhiếp thọ người niệm Phật vãng sinh. Tin chắc mình niệm Phật đây quyết sẽ được vãng sinh về Cực Lạc thế giới ở bậc Bất thối chuyển Bồ Tát. Được như vậy gọi là TIN SÂU.

Thế nào là NGUYỆN ? - Mong mỗi được về Cực Lạc thế giới như viễn khách nhớ cố hương. Mong mỗi được ở gần Phật A Di Đà như con thơ nhớ từ mẫu, ngày ngày ngưỡng vọng Tây phương mà lòng mãi ngậm ngùi. Phút phút trông chờ Từ phụ mà mắt luôn trông ngóng. Nguyện rời cõi trược ác. Nguyện về Tịnh độ an lành. Nguyện thành Phật. Nguyện độ chúng sinh. Như trên đây gọi là NGUYỆN THIẾT.

Thế nào là HẠNH ? - Dùng lòng tin và chí nguyện ở trên mà xưng niệm hồng danh “NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT”. Niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng hay niệm thầm đều được cả miễn là khi niệm phải đủ bốn điều dưới đây mới gọi là thực hành đúng pháp.

1) RÀNH RÕ.- Rành là từng chữ, từng câu rành rẽ không lộn lạo. Rõ là mình tự nhận lấy tiếng niệm rõ ràng không trại không mờ.

2) TUƯƠNG ỨNG.- Tiếng hiệp với tâm, tâm duyên theo tiếng. Tâm và tiếng hiệp khắn với nhau.

3) CHỈ THIẾT.- Chỉ thành tha thiết nhớ tưởng đến Phật. Như con thơ mắc nạn mà kêu cầu từ mẫu cứu vớt.

4) NHIẾP TÂM.- Để tâm vào tiếng niệm Phật, không cho tạp niệm xen vào. Nếu xao lãng thời liền thu lại, chăm chú nhận rõ lấy tiếng niệm Phật của mình.

Lòng tin sâu chắc và nguyện vọng tha thiết mà niệm Phật chuyên cần như trên, đó là NIỆM PHẬT ĐÚNG PHÁP. Niệm Phật đúng pháp rồi chỉ tâm hồi hướng cầu sinh, thời quyết định vãng sinh Tịnh độ Cực Lạc thế giới ở chung với chư Bồ Tát thượng thiện nhân, gần gũi Đức Phật A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, trụ bậc Bất thoái chuyển, một đời sẽ thành Phật.

Kệ rằng :

Nam mô A Di Đà.

Không gấp cũng không hưỡn.

Tâm tiếng hiệp khắn nhau.

Thường niệm cho rành rõ.

Nhiếp tâm là định học.

Nhận rõ chính huệ học.

Chánh niệm trừ vọng hoặc.

Giới thể đồng thời đủ.

NGHI THỨC

(Đứng chấp tay xá hướng lên Phật đài)

Nam mô Thập phương tận hư không giới
nhất thiết chư Phật. (1 lạy)

Nam mô Thập phương tận hư không giới
nhất thiết tôn Pháp. (1 lạy)

Nam mô Thập phương tận hư không giới
nhất thiết Hiền Thánh Tăng. (1 lạy)

(Quỳ tay cầm hương giơ cao xướng cúng dường)

Nguyện mây hương mầu này,
Khắp cùng mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, các Bồ Tát,
Vô biên chúng Thanh Văn,
Và cả thầy Thánh Hiền,
Duyên khởi đài sáng chói,
Trùm đến vô biên cõi,
Khắp xông các chúng sinh,
Đều phát lòng Bồ đề,
Trọn nên đạo Vô thượng.

(Cầm hương lạy 1 lạy. Đứng chấp tay xướng)

Sắc thân Như Lai đẹp
 Trong đời không ai bằng,
 Không sánh chẳng nghĩ bàn,
 Nên nay con đánh lễ,
 Sắc thân Phật vô tận,
 Trí huệ Phật cũng thế,
 Tất cả pháp thường trụ,
 Cho nên con về nương,
 Sức trí lớn nguyện lớn,
 Khắp độ chúng quần sinh,
 Khiến bỏ thân nóng khổ,
 Sinh kia nước mát vui.
 Con nay sạch ba nghiệp,
 Quy y và lễ tán,
 Nguyện cùng các chúng sinh,
 Đồng sinh nước An Lạc.

Án, pha nhứt, ra vật. (bảy lần một câu này)

1.- CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ :

Thường tịch quang Tịnh độ
 A Di Đà Như Lai
 Pháp thân mẫu thanh tịnh
 Khắp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

2.- CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ :

Thật báo trang nghiêm độ
A Di Đà Như Lai
Thân tướng hải vi trần
Khắp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

3.- CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ :

Phương tiện thánh cư độ
A Di Đà Như Lai
Thân trang nghiêm giải thoát
Khắp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

4. CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ :

Côi An Lạc phương Tây
A Di Đà Như Lai
Thân căn giới Đại thừa
Khắp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

5.- CHÍ TÂM ĐÁNH LỄ :

Côi An Lạc phương Tây
A Di Đà Như Lai
Thân hóa đến mười phương
Khắp pháp giới chư Phật. (1 lạy)

6.- CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Côi An Lạc phương Tây
Giáo hạnh lý ba kinh
Tốt nói bày y chánh
Khắp pháp giới tôn Pháp. (1 lạy)

7.- CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Côi An Lạc phương Tây
Quan Thế Âm Bồ Tát
Thân tử kim muôn ức
Khắp pháp giới Bồ Tát. (1 lạy)

8.- CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Côi An Lạc phương Tây
Đại Thế Chí Bồ Tát
Thân trí sáng vô biên
Khắp pháp giới Bồ Tát. (1 lạy)

9.- CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Côi An Lạc phương Tây
Thanh tịnh đại hải chúng
Thân hai nghiêm : phước trí
Khắp pháp giới Thánh chúng. (1 lạy)

(Đứng chấp tay xá)

Con nay khắp vì bốn ơn ba cõi cùng chúng sinh trong pháp giới đều nguyện dứt trừ ba chương nên quy mạng sám hối.

(1 lạy, quỳ chấp tay xá)

Chí tâm sám hối :

Đệ tử... và chúng sinh trong pháp giới, từ đời vô thủy nhẫn đến ngày nay, bị vô minh che đậy nên điên đảo mê lầm, lại do sáu căn ba nghiệp quen theo pháp chẳng lành, rộng phạm mười điều dữ cùng năm tội vô gián, và tất cả các tội khác, nhiều vô lượng vô biên nói không thể hết. Mười phương các Đức Phật thường ở trong đời, tiếng pháp không dứt, hương màu đầy lấp, pháp vị ngập tràn, phóng ánh sáng sạch trong, chiếu soi tất cả. Lý mầu thường trụ đầy đầy hư không.

Con từ vô thủy đến nay, sáu căn che mù, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy chẳng nghe, chẳng hay chẳng biết, vì nhân duyên đó trôi mãi trong dòng sinh tử, trải qua các đường dữ, trăm ngàn muôn kiếp trọn không lúc nào ra khỏi.

Kính rằng : Đức Tỳ Lô Giá Na thân khắp

cả chỗ, chỗ của Phật ở gọi là Thường Tịch Quang. Cho nên phải biết cả thấy các pháp đều là Phật pháp. Mà con không rõ lại theo dòng vô minh. Vì thế trong trí Bồ đề mà không thấy thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sinh ràng buộc. Nay mới tỏ ngộ, nay mới chữa bỏ ăn năn, phụng đối trước các Đức Phật và A Di Đà Thế Tôn, mà phát lồ sám hối. Làm cho đệ tử cùng pháp giới chúng sinh, tất cả tội nặng do ba nghiệp sáu căn gây tạo từ vô thủy, hoặc hiện tại cùng vị lai, chính mình tự gây tạo hoặc biểu người, hay là thấy nghe người gây tạo mà vui theo, hoặc nhớ hoặc chẳng nhớ, hoặc biết hoặc chẳng biết, hoặc nghi hoặc chẳng nghi, hoặc che giấu, hoặc chẳng che giấu, thấy đều được rõ ràng thanh tịnh.

Đệ tử sám hối rồi, sáu căn cùng ba nghiệp trong sạch không lỗi lầm, căn lành tu tập cũng trọn thanh tịnh, thấy đều hồi hướng dùng trang nghiêm Tịnh độ khắp với chúng sinh đồng sinh về nước An Dưỡng.

Nguyện Đức A Di Đà Phật thường đến hộ trì, làm cho căn lành của đệ tử hiện tiền tăng

tấn, chẳng mất nhân duyên Tịnh độ. Đến giờ lâm chung thân an lành, niệm chánh vững vàng, xem nghe đều rõ ràng, tận mắt thấy Đức A Di Đà cùng các Thánh chúng, tay cầm đài hoa tiếp dẫn đệ tử trong khoảng sát na sinh ra trước Phật, đủ đạo hạnh Bồ Tát, rộng độ khắp chúng sinh đồng thành Phật đạo.

Đệ tử sám hối phát nguyện rồi quy mạng đánh lễ :

Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Như Lai biến pháp giới chư Phật.

(3 lạy, quỳ đứng hay ngồi tùy ý)

A Di Đà Phật thân kim sắc
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di
Hám mục trường thanh tứ đại hải
Quang trung hóa Phật vô số ức
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên
Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn,

- NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI ĐẠI TỪ
ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT.
- NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT (108 câu, hoặc nhiều ít tùy ý)
- NAM MÔ QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT (10 câu)
- NAM MÔ ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT (10 câu)
- NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG BỒ TÁT (10 câu)

Chí tâm đánh lễ :

- NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI ĐẠI TỪ
ĐẠI BI A DI ĐÀ PHẬT (3 lần 3 lạy)
 - NAM MÔ VẠN ÚC TỬ KIM THÂN ĐẠI BI QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT
(1 lạy)
 - NAM MÔ VÔ BIÊN QUANG TRÍ THÂN ĐẠI LỰC ĐẠI THẾ CHÍ
BỒ TÁT. (1 lạy)
 - NAM MÔ PHƯỚC TRÍ NHỊ NGHIÊM THÂN THANH TỊNH
ĐẠI HẢI CHÚNG BỒ TÁT (1 lạy)
 - NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI LIÊN TRÌ
HẢI HỘI PHẬT BỒ TÁT HIỀN THÁNH CHÚNG CHƯ THƯỢNG
THIỆN NHÂN (1 lạy)
- (Quỳ chấp tay)

Nguyện sinh Tây phương Tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sinh
Bất thối Bồ Tát vi bạn hữu.

Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật tịnh độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ.

Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ đề tâm
Tận thử nhất báo thân
Đồng sinh Cực Lạc quốc.

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng
sinh, thể giải đại đạo, phát Vô thượng tâm.

(1 lạy)

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng
sinh, thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải.

(1 lạy)

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng
sinh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

(1 lạy)

HÒA NAM THÁNH CHÚNG



MỤC LỤC

– Kinh A Di Đà	07
– Kinh Hồng Danh Bửu Sám	63
– Kinh Vu Lan Bồn	101
– Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	121
– Kinh Kim Cang	165
– Niệm Phật Hồi Hưởng	254
– Phỏng dịch bài Sám Thập Phương	265
– Bài tựa về Văn Mười Phương	268
– Lời bạt	298
– Nghi thức Sám hồi niệm Phật	305
– Mục lục	317



NAM MÔ HỘ PHÁP VI ĐÀ TÔN THIÊN BỒ TÁT

KINH TAM BẢO



Dịch giả : HT. THÍCH TRÍ TỊNH

Chịu trách nhiệm xuất bản : **THIỆU QUANG THẮNG**
Chịu trách nhiệm bản thảo : **PHẠM NGỌC HẬU**
Biên tập : **ĐỖ THỊ QUỲNH**
Trình bày – Sửa bản in : **KIM THỦY**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

10 Chu Văn An – Hà Nội

ĐT : 080.48106 – FAX : (84).080.48240

In : 2000 bản, khổ 15 x 23 cm
Tại : Xi Nghiệp In số 5 – Phân xưởng 3
Số 120 Triệu Quang Phục Quận 5, TP.HCM
Số xuất bản : 421-1732/XB-QLXB ngày 14-12-2001
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2002

